

Cà Mau, ngày 01 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 450/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2025)

A. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (*đầy đủ*): CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN CÀ MAU
2. Tên Tổ chức phát hành viết bằng tiếng Nước Ngoài: SEAPRIMEXCO-VIETNAM
3. Tên viết tắt: SEAPRIMEXCO
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
5. Số điện thoại: (0290) 3831615 Số fax: (0290) 3831861

Website: www.seaprimexco.com

6. Vốn điều lệ: 97.485.790.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng)
7. Mã cổ phiếu: CAT
8. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau. Số hiệu tài khoản: 7800019057
9. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số doanh nghiệp số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 21/10/2004, cấp thay đổi lần thứ 14 do Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp ngày 11/08/2025
 - Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản. Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu). Mã ngành: 1020
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: tôm và các sản phẩm giá trị gia tăng từ tôm, chả cá.
10. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): không có.

II. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau. Cu thể như sau:

Ngân hàng	Mối quan hệ với CAT và người có liên quan	Hợp đồng vay	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Không có	01/2025/1323780/HĐTD ngày 08/04/2025	46.245.870.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026

III. Phương án chào bán

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 4.624.587 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 4.624.587 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: không có.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị vốn huy động: 46.245.870.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 46.245.870.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: không có.
- Phương thức phân phối: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo phương án chi tiết tại Bản cáo bạch. Trong đó, tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thì được hưởng 1 quyền mua, cứ 2 quyền mua thì được mua 1 cổ phiếu mới).
- Số lượng đăng ký mua tối thiểu: không quy định.
- Thời gian nhận đăng ký mua: từ ngày 24/12/2025 đến ngày 23/01/2026.
Thời gian chuyển nhượng quyền mua: từ ngày 24/12/2025 đến ngày 21/01/2026.
- Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Với cổ đông đã lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán, nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Địa chỉ: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
 - Tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa theo thông tin tại mục 11 dưới đây.



10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: từ ngày 24/12/2025 đến ngày 23/01/2026.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: 780-BIDV-CTY CP THUY SAN CA MAU
- Số tài khoản: 8610060478
- Mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

12. Các tổ chức liên quan:

Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: số 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3914 6888 Fax: (028) 3914 7999

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature, 147-147Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hoà, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38275026

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan sẽ được công bố tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau

Website: www.seaprimexco.com (mục quan hệ cổ đông)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT



Bùi Vĩnh Hoàng Chương

Số: 450 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEAPRIMEXCO-VIETNAM;
- Tên công ty viết tắt: SEAPRIMEXCO;
- Địa chỉ trụ sở chính: số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2004, do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 8 năm 2025;
- Vốn điều lệ: 97.485.790.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng*);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 4.624.587 cổ phiếu (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi bảy cổ phiếu*);
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 46.245.870.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Điều 3. Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau, tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ phải tuân thủ quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Điều 4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11a Luật Chứng khoán và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc (trong đó: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) và có hiệu lực kể từ ngày ký. *Tu*

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 21/10/2004, Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 11/08/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 450/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận tại: www.seaprimexco.com ; www.bvsc.com.vn và www.hnx.vn

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 383 1615

Website: www.seaprimexco.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: số 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3914 6888

Website: www.bvsc.com.vn

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3941 2626

Website: www.hnx.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Huỳnh Minh Hồng

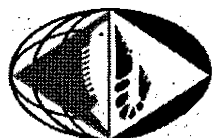
Chức vụ: Trợ lý TGD, Giám đốc Nhân sự Hành chính

Số điện thoại: 0913 986436

CÀ MAU, THÁNG 11 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN CÀ MAU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 21/10/2004, Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 11/08/2025)



SEAPRIMEXCO®

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	cổ phiếu Công ty cổ phần Thuỷ sản Cà Mau
Loại cổ phiếu:	cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	4.624.587 cổ phần.
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	46.245.870.000 đồng.
Phương thức chào bán:	chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
Tỷ lệ thực hiện quyền:	2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, mỗi cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được quyền mua 1 cổ phiếu phát hành thêm).

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: số 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, Tp.HCM)

Điện thoại: (028) 3914 6888

Website: www.bvsc.com.vn**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3A, Toà nhà L'Mak The Signature, 147-147Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hoà, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38275026

Website: rsm.global/vietnam

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
	1. Rủi ro về kinh tế.....	6
	2. Rủi ro luật pháp.....	12
	3. Rủi ro đặc thù.....	12
	4. Rủi ro đợt chào bán.....	14
	5. Rủi ro pha loãng.....	14
	6. Rủi ro quản trị công ty	16
	7. Rủi ro khác.....	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM	17
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU....	17
	1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	17
	2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	18
	3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	19
	4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ...	19
	5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, những công ty mà Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại.....	22
	6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	23
	7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại các doanh nghiệp khác	24
	8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	24
	9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	25
	10. Hoạt động kinh doanh.....	25
	11. Chính sách đối với người lao động.....	46
	12. Chính sách cổ tức.....	49
	13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	49

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	50
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	50
16. Thông tin về cam kết của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích	51
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	51
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	51
2. Tình hình tài chính	53
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	59
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	59
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	62
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	62
2. Thông tin về cổ đông lớn	62
3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	72
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	97
1. Loại cổ phiếu	97
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	97
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	97
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	97
5. Giá chào bán dự kiến	97
6. Nguyên tắc tính giá.....	97
7. Phương thức phân phối.....	98
8. Đăng ký mua cổ phiếu	99
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	100
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	101

11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	101
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.....	101
13. Huỷ bỏ đợt chào bán.....	101
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	101
15. Các loại thuế có liên quan.....	102
16. Thông tin về các cam kết.....	102
17. Thông tin về các chứng khoán được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	103
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	103
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	104
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	104
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	105
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	106
XIII. PHỤ LỤC	107

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: **Bùi Vĩnh Hoàng Chương**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông: **Bùi Nguyên Khánh**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ông: **Trần Trọng Tài**

Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Ông: **Nguyễn Văn Khánh**

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp Phụ trách khu vực Phía Nam

(Căn cứ Giấy Ủy quyền số 09/2025/UQ-BVSC ngày 02/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 91/2025/BVSC.HCM-CAT/TV-PH.NY ngày 08 tháng 09 năm 2025 với Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

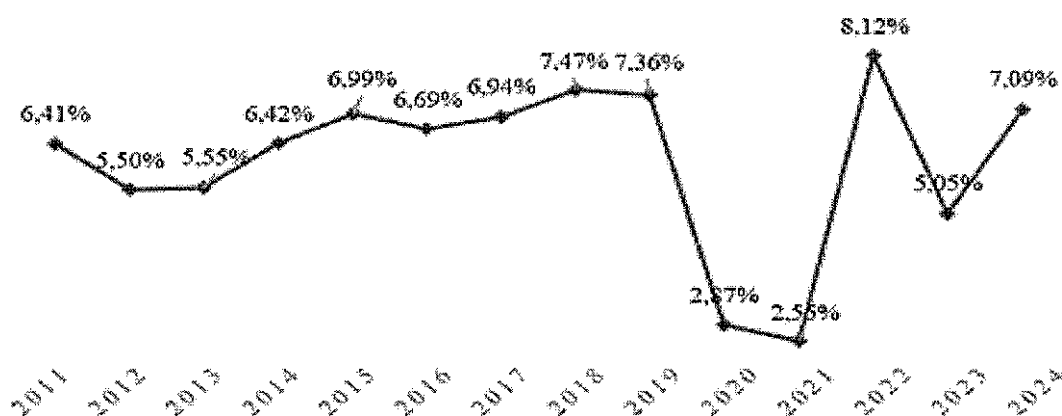
1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các yếu tố cơ bản tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá v.v. Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

- **Tốc độ phát triển kinh tế:**

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế tăng trưởng thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

Tỉ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009-2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong giai đoạn 2020-2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động phức tạp, cùng với đại dịch Covid-19 và biến đổi khí hậu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế của tất cả các nền kinh tế trên thế giới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2020 đạt mức tăng trưởng 2,87%, GDP năm 2021 đạt mức tăng trưởng là 2,55%, thấp hơn 0,32% so với năm 2020, đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021.

Năm 2022, cùng với cả thế giới, kinh tế Việt Nam phải đương đầu với những biến động khó lường, như: xung đột quân sự Nga - Ukraina dẫn đến nhiều hệ lụy ảnh hưởng tiêu cực đến các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam; việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19, sự tăng vọt của giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào... Tuy nhiên, do Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách phù hợp, kinh tế đã có bước phục hồi tích cực, GDP tăng ở mức 8,12% so với năm 2021, cao nhất trong 10 năm qua. Năm 2023, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, GDP năm 2023 đạt 5,05% so với năm 2022, cao hơn tốc độ tăng của năm 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Năm 2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục chứng kiến nhiều biến động phức tạp. Các rủi ro địa chính trị tiếp diễn như cạnh tranh Mỹ-Trung Quốc, xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine kéo dài gây thêm áp lực lên

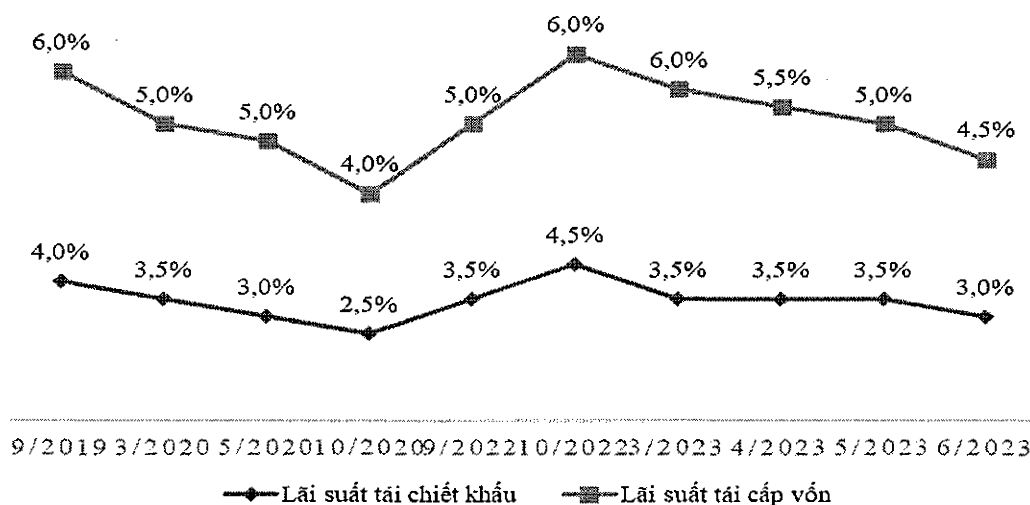
nguồn cung năng lượng và lương thực toàn cầu, trong khi căng thẳng tại Trung Đông, bao gồm cuộc xung đột Israel - Hamas. Kinh tế thế giới phục hồi nhưng không đồng đều. Mỹ dẫn đầu với tăng trưởng tốt trong khi châu Âu chật vật với tăng trưởng chậm và đối mặt với nguy cơ suy thoái, Trung Quốc gặp khó khăn trong việc phục hồi kinh tế sau đại dịch và các chính sách kiểm soát chặt chẽ. Tại Việt Nam, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức: giá cả nguyên vật liệu đầu vào duy trì ở mức cao, lạm phát gia tăng và thị trường bất động sản hồi phục chậm. Thêm vào đó, tác động của biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán và lũ lụt gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân. Tuy nhiên, nhờ chính sách hỗ trợ kịp thời từ Chính phủ và các hiệp định thương mại tự do (FTA) phát huy hiệu quả, Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định kinh tế vĩ mô và tiếp tục là điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024, vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra.

Năm 2025, Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8%, trong khi đó, các tổ chức quốc tế như WB, ADB, OECD và IMF đều dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 ở mức từ 6,1%-6,6%. Việt Nam được kỳ vọng sẽ tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP và EVFTA, giúp mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp tục hoàn thiện thể chế đầu tư, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài, góp phần tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đồng thời, Chính phủ cũng thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu do bất ổn địa chính trị, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các biến động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

- **Rủi ro lãi suất:**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay ngân hàng, khi lãi suất ngân hàng tăng dẫn đến chi phí sử dụng vốn vay tăng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu qua các năm



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Năm 2023, các yếu tố vĩ mô quan trọng như lạm phát và tỷ giá ổn định tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Bên cạnh đó, tín dụng tăng trưởng thấp dẫn đến các ngân hàng dư thừa thanh khoản, từ đó giảm áp lực trong việc huy động vốn. Chi phí vốn của các ngân hàng thương mại giảm là cơ sở để lãi suất điều chỉnh theo, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và hỗ trợ phục hồi kinh tế nói chung. Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến cuối năm 2023, lãi suất bình quân cho vay mới là 6,7%/năm.

Năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp trong năm 2024 để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Thực tế, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm, riêng bốn ngân hàng thương mại (NHTM) có vốn nhà nước (Big 4) giảm khoảng 1% so với cuối năm 2023, trong khi lãi suất tiền gửi bình quân đối với những khoản mới là 4,03%/năm, tăng 0,71%/năm. Ngoài ra, NHNN cũng đổi mới cách thức điều hành tăng trưởng tín dụng, định hướng tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, tạo sự chủ động cho các Tổ chức tín dụng trong tăng trưởng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Năm 2025, NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 16%, đồng thời đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định giá trị đồng tiền và tỷ giá. Các chuyên gia dự báo NHNN sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, giữ lãi suất ở mặt bằng thấp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; lãi suất cho vay dự kiến đi ngang trong nửa đầu năm trước khi tăng trở lại trong giai đoạn cuối năm. Tuy nhiên, việc điều hành lãi suất cho vay gặp không ít khó khăn do áp lực từ thị trường quốc tế và tình hình trong nước. Biến động của

USD, cùng với những căng thẳng về cung, cầu ngoại tệ, sẽ khiến NHNN phải ưu tiên ổn định tỷ giá.

Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều chính sách được ban hành, cụ thể như: chính sách nới lỏng tiền tệ, giảm lãi suất huy động, tăng lãi suất cho vay... đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Rủi ro lạm phát:**

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí kinh doanh, bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

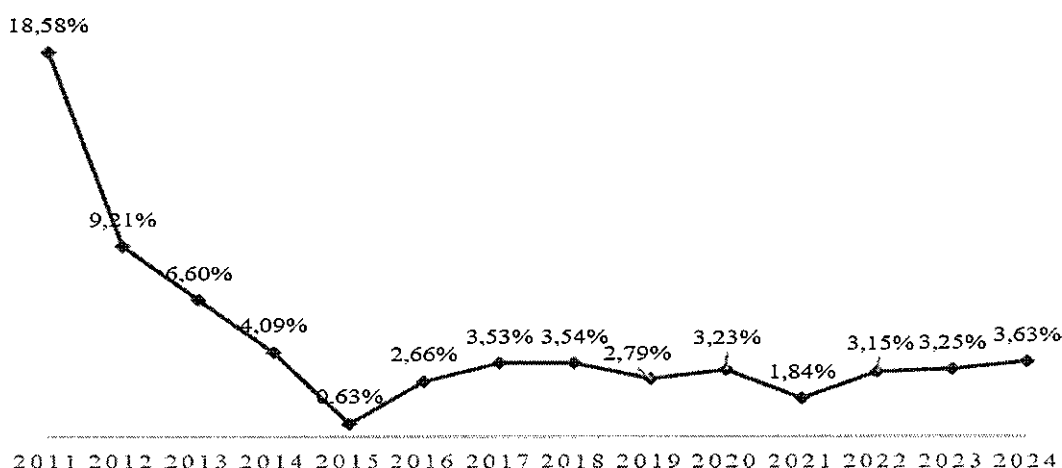
Năm 2015, tỷ lệ lạm phát đạt mức thấp kỷ lục 0,63%, giai đoạn 2015-2020 nền kinh tế được điều hành chặt chẽ nên tỷ lệ lạm phát luôn ổn định ở mức dưới 4%. Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của xung đột Nga-Ukraine và những nút thắt chuỗi cung ứng toàn cầu trong đại dịch COVID-19, lạm phát của Việt Nam vẫn được kiểm soát tốt với mức lạm phát 1,84%, Việt Nam là một “làn gió ngược” trong xu hướng lạm phát cao toàn cầu. Năm 2022, tỷ lệ lạm phát tăng nhẹ ở mức 3,21%, Việt Nam nằm trong số ít những quốc gia có mức lạm phát trung bình 4-6%. Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 12 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát một con số kể từ sau khi lạm phát tăng cao năm 2011, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Năm 2024, lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm, tiến gần hơn đến mục tiêu ổn định giá. Tại Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng bình quân 3,63% so với năm 2023, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đặt ra là 4%-4,5%, thấp hơn nhiều quốc gia trong khu vực như Thái Lan (4,3%) hay Indonesia (5,1%) và đánh dấu năm thứ 13 liên tiếp duy trì lạm phát ở mức một con số. Điều này cho thấy, Việt Nam đã kiểm soát tốt những cú sốc giá cả quốc tế, đồng thời, tận dụng hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định giá cả trong nước.

Dự báo năm 2025, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), lạm phát toàn cầu dự kiến giảm từ 5,8% năm 2024 xuống còn 4,3% năm 2025. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2025: xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng; cạnh tranh

thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; hiện tượng thời tiết cực đoan có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải. Đặc biệt, các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump có thể dẫn đến phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu - điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới. Ở trong nước, chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới và chịu tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát. Bên cạnh đó, việc tiếp tục thực hiện lộ trình thị trường đối với các dịch vụ do Nhà nước quản lý như giá điện, học phí, giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, chi phí sẽ tác động làm tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2025. Các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý.

Lạm phát bình quân các năm (2011 – 2024)



Nguồn: Tổng cục thống kê

- **Rủi ro tỷ giá:**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tỷ giá USD/VND kết thúc năm 2023 ở quanh mức 24.300 VND/USD, giảm khoảng 3% so với đầu năm. Mức biến động này được đánh giá là tương đối ổn định trong bối cảnh nhiều biến động về chính sách lãi suất của các ngân hàng trung ương lớn, cùng diễn biến phức tạp của các cuộc xung đột địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới. Sự ổn định của VND được cho là nhờ vào các yếu tố cốt lõi như: tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, thặng dư thương mại, thu hút vốn đầu tư trực tiếp, kiều hối.

Trong năm 2024, tỷ giá VND/USD chịu áp lực chi phối của thị trường vàng, do đó NHNN trở lại hoạt động đấu thầu vàng miếng sau nhiều năm không triển khai nhằm thu hẹp chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới. Ngoài ra, để ổn định thị trường ngoại hối, NHNN cũng triển khai các biện pháp can thiệp như phát hành tín phiếu để hỗ trợ thanh khoản, trung hòa vốn, giảm áp lực chênh lệch lãi suất VND/USD, đồng thời bán ngoại tệ. Nhờ các biện pháp này, tỷ giá trong nước dần hạ nhiệt và ổn định hơn. Đến cuối năm, tỷ giá VND/USD ổn định quanh mức 25.450 VND/USD, ghi nhận mức mất giá 5,03%, thấp hơn đáng kể so với nhiều quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, dự trữ ngoại hối giảm xuống còn 79 tỷ USD, sụt giảm 8,2 tỷ USD so với cuối năm 2023, khiến NHNN có ít dư địa để ổn định tỷ giá, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế liên tục bị ảnh hưởng bởi các biến động từ thị trường quốc tế.

Năm 2025, tỷ giá VND/USD dự kiến tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm tốc độ phục hồi của kinh tế toàn cầu, chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), và mức độ nghiêm trọng của các xung đột địa chính trị quốc tế. Đặc biệt, chính sách thuế quan từ ông Donald Trump, với nhiều yếu tố chưa rõ ràng, có thể khiến giá trị USD tăng mạnh, tạo thêm áp lực lên tỷ giá. Để ổn định tỷ giá, NHNN dự kiến tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính. NHNN sẽ sử dụng các công cụ như nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn và điều chỉnh lãi suất điều hành để hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng và ổn định thị trường ngoại hối. Ngoài ra, NHNN sẵn sàng can thiệp thị trường ngoại hối bằng cách bán USD khi cần thiết để duy trì sự ổn định của tỷ giá.

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu, do vậy trong bối cảnh tỷ giá biến động khó lường, những biến động ngoại hối có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hiện đang chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và đặc biệt là các văn bản dưới luật. Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta thiếu tính ổn định và chưa thật sự nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều những sửa đổi bổ sung, thêm vào đó, vẫn còn tồn tại nhiều quy định hành chính phức tạp chồng chéo trong quản lý Nhà nước nói chung. Bất cứ sự thay đổi về luật pháp, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro thị trường tiêu thụ:

Thị trường Anh, EU, Canada, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc,... là các thị trường xuất khẩu chính của Công ty - đây đều là những thị trường khó tính và

có nhiều quy định về chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đủ tiêu chuẩn, do đó các sản phẩm của Công ty đều phù hợp với yêu cầu của những thị trường này. Nhưng nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty, thay đổi quy trình.

- **Rủi ro cạnh tranh:**

Ngành tôm Việt Nam hiện có rất nhiều doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu, tuy nhiên quy mô toàn ngành sản xuất chưa được tổ chức tốt, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán phá giá đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với Công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Xuất khẩu tôm từ Việt Nam vấp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá bán từ các thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia và Ecuador do giá thành sản xuất của Việt Nam đang cao hơn từ 10-30%, khiến giá bán xuất khẩu khó cạnh tranh với các thị trường này. Trong dài hạn, để giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh mạnh và đảm bảo lợi nhuận, Công ty sẽ đẩy mạnh chế biến các sản phẩm tôm giá trị gia tăng phù hợp với thị trường.

- **Rủi ro về các yếu tố đầu vào:**

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm nguyên liệu, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh,... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết tại từng thời điểm, liên kết, phối hợp chặt chẽ với người nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- **Rủi ro nguồn nhân lực:**

Tính chất của ngành chế biến thủy sản là luôn cần một lực lượng lớn lao động sản xuất chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao, do đó, rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực. Ngoài ra, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực

này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp trung và cấp cao là thấp.

4. Rủi ro đợt chào bán

Trong những năm gần đây, thị trường chứng khoán tiếp tục là kênh huy động vốn tốt khi mà kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định. Nhiều công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường một lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh lớn của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu chào bán thêm của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro cho đợt chào bán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán có nhiều biến động, giá nhiều cổ phiếu có biên độ dao động rất lớn làm ảnh hưởng không nhỏ đến tài sản của nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư sẽ có tâm lý thận trọng khi lựa chọn đầu tư các cổ phiếu mới. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu, sự lựa chọn của nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt chào bán thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của công ty trong thời gian tới, cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau kỳ vọng sẽ thu hút nhiều hơn sự quan tâm của các nhà đầu tư. Hơn nữa, trong đợt chào bán này, Công ty thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán là cổ đông hiện hữu, những người hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như năng lực của Ban Lãnh đạo Công ty. Đây là yếu tố tích cực góp phần cho thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết, số tiền thu được không đúng như dự kiến thì Hội đồng Quản trị sẽ cân đối lại các nguồn vốn sẵn có để sử dụng vốn cho phù hợp với mục đích chào bán. Ngoài ra, ĐHCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Sau khi Công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng. Việc tăng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu pha loãng. Một số ảnh hưởng pha loãng thường gặp: (i) Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS; (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

- Về thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS:

$$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phần lưu hành bình quân.}$$

EPS năm 2024 theo Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty là 3.555 đồng.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một số lượng cổ phần lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số tiền mà Công ty huy động được trong đợt chào bán này để đầu tư phát triển kinh doanh và lợi nhuận thu được từ việc đầu tư phát triển kinh doanh đó.

- **Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:**

Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu/(Số lượng cổ phiếu đã phát hành – cổ phiếu quỹ).

Tại thời điểm 31/12/2024, Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty là: 17.796 đồng/cổ phiếu.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

- **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

- **Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:**

Giá cổ phiếu CAT sẽ bị điều chỉnh theo quy định tại ngày giao dịch không hưởng quyền trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán.

Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

Trong đó:

- P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng.
- P_{t-1} : giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng.
- I_R : tỷ lệ vốn tăng.
- P_R : giá phát hành cổ phần mới.

Tham khảo:

- *Pt-1: giá sử, giá cổ phiếu CAT trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 22.000 đồng/cổ phiếu.*
- *PR: giá phát hành cổ phần mới là 10.000 đồng/cổ phiếu.*
- *IR: tỷ lệ vốn tăng là 50% (tỷ lệ 2:1).*
- *P: giá tham chiếu của cổ phiếu CAT trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:*

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{22.000 + (50\% \times 10.000)}{1 + 50\%} = 18.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Rủi ro này có thể phát sinh do những nguyên nhân sau:

- Rủi ro từ sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều lãnh đạo chủ chốt và/hoặc sự thiếu hài hoà lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị dẫn đến ảnh hưởng công tác quản trị doanh nghiệp.
- Rủi ro về cơ cấu cổ đông: là rủi ro phát sinh khi cơ cấu cổ đông của một công ty không còn tập trung và bị pha loãng quá lớn bởi các cổ đông nhỏ lẻ dẫn đến công ty có thể gặp khó khăn trong việc lấy ý kiến cổ đông (không triệu tập đủ tỷ lệ theo quy định của Điều lệ), mâu thuẫn quyền lợi giữa nhóm cổ đông khác nhau,... từ đó ảnh hưởng đến việc định hướng hoạt động cũng như dẫn dắt chiến lược của công ty nói chung.
- Rủi ro xung đột về lợi ích trong công ty: là rủi ro phát sinh do người nội bộ hoặc người quản lý, người điều hành của Công ty sử dụng những thông tin có được từ chức vụ của mình để phục vụ cho lợi ích cá nhân của mình; hoặc rủi ro phát sinh từ giao dịch giữa Công ty với người có liên quan mà không theo quy tắc bình đẳng, tự nguyện làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.
- Rủi ro về công bố thông tin không đủ và không đúng thời hạn như chậm công bố thông tin của người nội bộ hoặc giao dịch của người có liên quan của người nội bộ,... dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của cổ đông bên ngoài và nhà đầu tư.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, Hội đồng quản trị Công ty từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông, cũng như áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

7. Rủi ro khác

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- CAT: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- Công ty/Seaprimexco: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- UBCKNN: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- CTCP: Công ty Cổ phần.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị.
- BKS: Ban kiểm soát.
- BCTC: Báo cáo tài chính.
- DTT: Doanh thu thuần.
- VDL: Vốn điều lệ.
- LNST: Lợi nhuận sau thuế.
- TTS: Tổng tài sản.
- HTK: Hàng tồn kho.
- VCSH: Vốn chủ sở hữu.
- BCKT: Báo cáo kiểm toán.
- VASEP (Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers): Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU**1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau**

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU
- Tên viết tắt: SEAPRIMEXCO
- Tên tiếng Anh: SEAPRIMEXCO-VIETNAM
- Giấy CNĐKKD: số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 21/10/2004, Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 11/08/2025.
- Trụ sở chính: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại: (0290) 3831615

- Fax: (0290) 3831861
- Website: www.seaprimexco.com
- Vốn điều lệ: 97.485.790.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản. Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu). Mã ngành: 1020.
- Người đại diện theo pháp luật: Công ty có 2 người đại diện theo pháp luật, gồm:
 - Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương - Chủ tịch HĐQT.
 - Ông Bùi Nguyên Khánh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách.
- Mã cổ phiếu: CAT
- Sàn đăng ký giao dịch: sàn giao dịch chứng khoán UPCOM.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trước đây là doanh nghiệp Nhà nước với tên gọi Công ty xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải, được thành lập vào năm 1976, nhiệm vụ chính là kinh doanh các mặt hàng thủy sản nội địa. Đến đầu thập niên chín mươi của thế kỷ hai mươi, Công ty được cấp phép xuất nhập khẩu trực tiếp và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành thủy sản Việt Nam được phép xuất nhập khẩu trực tiếp lúc bấy giờ.

Công ty xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 698/QĐ-CTUB ngày 06/10/2004 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, và chính thức hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 21/10/2004 với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000035 ngày 21/10/2004 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 25/4/2014 với số Giấy CNĐKDN là 2000105020.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần thay đổi vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh. Tháng 02/2006, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 26,4 tỷ đồng; tháng 04/2007, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đổi tác chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng; tháng 06/2007, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt, tăng vốn điều lệ lên 67 tỷ đồng; tháng 09/2008, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 97.485.790.000 đồng như hiện nay.

Trải qua rất nhiều biến động của tình hình kinh tế trong nước và thế giới, và chịu ảnh hưởng từ rất nhiều cuộc khủng hoảng Tài chính, khủng hoảng Kinh tế khu vực và toàn cầu, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau – Seaprimexco vẫn vững vàng vượt qua, đứng vững và phát triển đến ngày hôm nay. Công ty hiện có 03 nhà máy chế biến thủy sản trực thuộc, với công suất chế biến đạt trên 8.000 tấn/năm, phục vụ cho thị trường xuất khẩu chính của Công ty là: Anh, EU, Canada, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc,...

Ngày 20/03/2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM, với mã chứng khoán là CAT.

Trải qua hơn 40 năm thành lập và phát triển, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và các ngành, các cấp tặng thưởng:

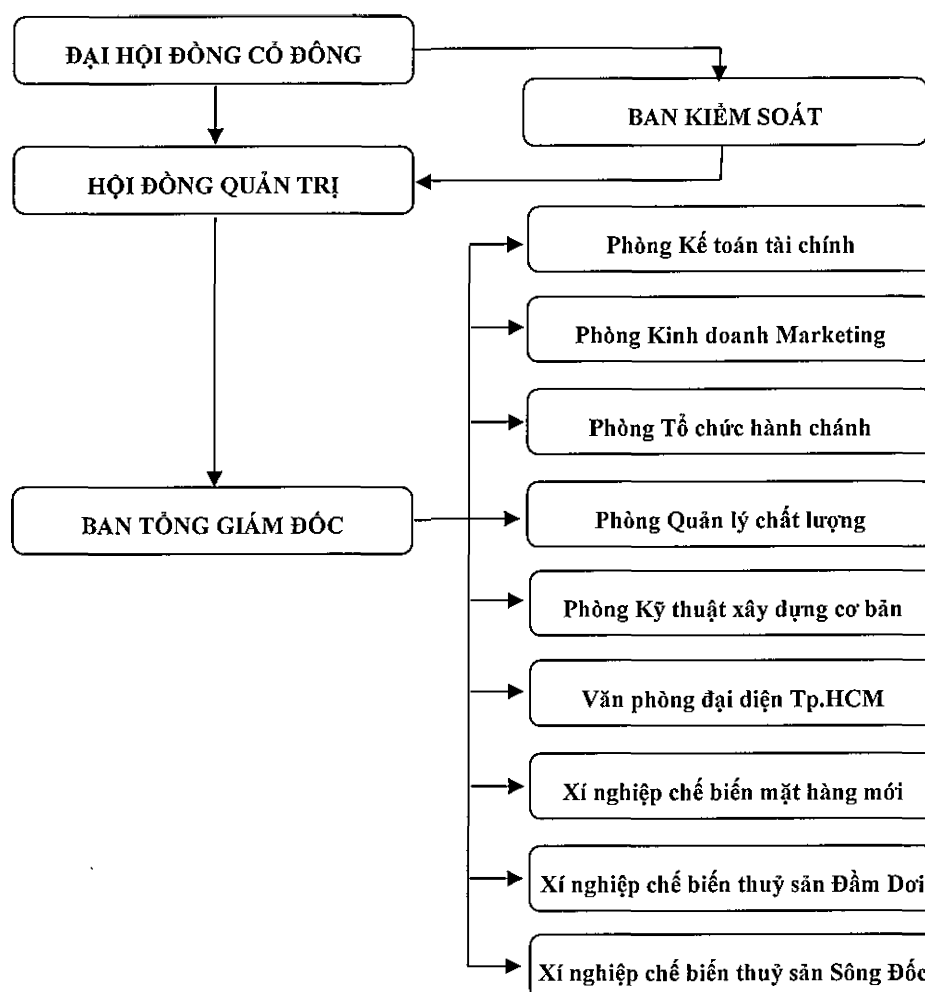
- 02 Huân chương Lao động hạng Ba;
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhì;
- Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín – Chất lượng” các năm 2005 – 2007– 2008 – 2009;
- Cúp vàng ISO 2007 của Bộ Khoa học Công nghệ;
- Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” các năm 2005 - 2006 - 2007 của Bộ Thương Mại;
- Chứng nhận “Thương hiệu Việt uy tín 2011”; Cùng nhiều bằng khen của các Bộ và UBND tỉnh;
- Hội viên chính thức của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội viên chính thức của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không có công ty con, không có công ty liên kết.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được thể hiện qua sơ đồ sau (xem trang sau):



Nguồn: Seaprimexco

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ quản trị, giám sát và điều hành doanh nghiệp.

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị của Công ty có 7 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định.

- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát của Công ty có 3 thành viên, là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.
- **Các phòng ban chức năng và các xí nghiệp trực thuộc:**
 - Phòng kế toán tài chính: có chức năng giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trên lĩnh vực quản lý vốn - tài sản và hạch toán kế toán thống kê trong phạm vi toàn Công ty cũng như trong hợp tác, liên doanh liên kết và đầu tư nước ngoài... theo các quy định về quản lý tài chính và chuẩn mực kế toán theo Luật kế toán hiện hành của Nhà nước.
 - Phòng kinh doanh Marketing: có chức năng tham mưu, giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trong điều hành quản lý thu mua - sản xuất - kinh doanh xuất nhập khẩu và nội địa, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nhằm mục đích sinh lợi cao nhất cho Công ty.
 - Phòng Tổ chức - Hành chính: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, hành chính quản trị và thực hiện các chính sách chế độ của Nhà nước quy định đối với người lao động; Đồng thời điều hành những công việc chung của Công ty.
 - Phòng Quản lý chất lượng: Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về các lĩnh vực liên quan đến chất lượng sản phẩm, định mức chế biến, quy trình – quy phạm sản xuất, Công nghệ và điều kiện sản xuất, các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý chất lượng trong phạm vi toàn Công ty; Xây dựng, triển khai, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, quy định sản xuất, điều kiện sản xuất các Xí nghiệp và chất lượng sản phẩm phù hợp với các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm của Nhà nước trên phạm vi toàn Công ty; Đánh giá và lựa chọn các nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa và nguyên liệu cho các Xí nghiệp, kiểm tra việc thực hiện các chương trình quản lý chất lượng HACCP, ISO, BRC, ASC, BAP/ACC, GMP, HALAL,... trong phạm vi được phân công.
 - Phòng kỹ thuật - Xây dựng cơ bản: Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng trên phạm vi toàn Công ty.

- Văn phòng đại diện thành phố Hồ Chí Minh: Văn phòng Đại diện là một bộ phận trực thuộc Công ty, thường trực tại TP/Hồ Chí Minh và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tổng Giám đốc Công ty. Văn phòng có con dấu riêng để thuận tiện trong việc quan hệ giao dịch và hoạt động. Văn phòng Đại diện Công ty tại TP/Hồ Chí Minh kết hợp với Phòng kinh doanh Marketing thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tiếp thị bán hàng, mở rộng thị trường nhằm đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng khác ngoài thủy sản theo chức năng kinh doanh của Công ty; Đồng thời lập mọi thủ tục và thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hóa tại các cửa khẩu ngoài tỉnh Cà Mau.
 - Các xí nghiệp trực thuộc (gồm Xí nghiệp chế biến Mặt hàng mới, Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc): Các Xí nghiệp là những đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc Công ty và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tổng Giám đốc Công ty, các Xí nghiệp có Ban Giám đốc điều hành và con dấu riêng để thuận tiện trong quan hệ giao dịch SXKD và hoạt động. Các Xí nghiệp phải hướng đến mục tiêu là từng bước củng cố, xây dựng Xí nghiệp trở thành đơn vị phát triển bền vững; có năng suất, chất lượng ổn định và hiệu quả cao, có kỷ cương, nề nếp và uy tín về mọi mặt. Bám sát lệnh yêu cầu sản xuất của công ty, các Xí nghiệp tổ chức quản lý sản xuất một cách hợp lý và khoa học trên cơ sở phát huy mọi khả năng về trí lực của đội ngũ nhân sự, cũng như nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị – phương tiện sản xuất để sản xuất ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, số lượng hợp lý nhất và giá thành cạnh tranh nhất, nhằm tạo ra nguồn hàng ổn định cung ứng cho việc kinh doanh xuất khẩu của toàn Công ty.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, những công ty mà Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại
- a. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại: Không có.
 - b. Công ty con của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại: Không có.
 - c. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại: Không có.

d. Những công ty mà Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại: Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKKD số 6103000035 ngày 21/10/2004 với vốn điều lệ ban đầu là 22.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đã thực hiện các đợt tăng vốn như sau:

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	02/2006	4.400.000.000	26.400.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền 50:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 16/01/2006; Giấy CNĐKKD số 6103000035 thay đổi lần 1 ngày 24/02/2006	Không có
2	04/2007	23.600.000.000	50.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 4:1, với 66.000 cổ phần; chọn bán cho 06 cổ đông chiến lược 170.000 cổ phần.	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/10/2006; Giấy CNĐKKD số 6103000035 thay đổi lần 2 ngày 10/04/2007	Không có
3	06/2007	17.000.000.000	67.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, với 1.500.000 cổ phần; phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty 200.000 cổ phần.	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/04/2007; Giấy CNĐKKD số 6103000035 thay đổi lần 3 ngày 12/09/2007	Không có
4	09/2008	30.485.790.000	97.485.790.000	Phát hành cổ phiếu thưởng	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày	Không có

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/thẩm quyền phê duyet	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				cho cổ đông hiện hữu	18/02/2008; Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 1712/UBCK- QLPH ngày 26/08/2008 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Giấy CNĐKKD số 2000105020 thay đổi lần 5 ngày 03/06/2013.	

Nguồn: Seaprimexco

Ghi chú: Lần tăng vốn tháng 6/2007 khi Công ty đã là Công ty đại chúng, nhưng do Công ty chưa biết nên không xin phép khi phát hành tăng vốn. UBCKNN đã phạt vi phạm hành chính Công ty với số tiền là 30.000.000đ theo quyết định số 60/QĐ-TT ngày 14/7/2008; Công ty đã chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp phạt.

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn nào.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

a. Cổ phiếu phổ thông:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/08/2025:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	486	9.199.698	91.996.980.000	94,36%
1	Tổ chức	3	1.225.700	12.257.000.000	12,57%

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
2	Cá nhân	483	7.973.998	79.739.980.000	81,80%
II	Cổ đông nước ngoài	6	49.475	494.750.000	0,51%
1	Tổ chức nước ngoài	0	0	0	0%
2	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0%
3	Cá nhân	6	49.475	494.750.000	0,51%
III	Cổ phiếu quỹ	1	499.406	4.994.060.000	5,12%
	Tổng cộng	493	9.748.579	97.485.790.000	100%

Nguồn: Seaprimexco

- b. **Cổ phiếu ưu đãi:** không có.
- c. **Các loại chứng khoán khác:** không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- a. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau theo quy định pháp luật:**

Căn cứ Văn bản số 2002/UBCK-PTTT ngày 29/05/2025 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được xác định là 49%.

- b. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty:** không quy định.

- c. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hiện tại:**

- Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 29/08/2025, cổ đông nước ngoài hiện đang sở hữu 49.475 cổ phần CAT, tương ứng với 0,51% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- Căn cứ Văn bản số 2002/UBCK-PTTT ngày 29/05/2025 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được xác định là 49%. Bên cạnh đó, đây là đợt chào bán cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Vì vậy, các cổ đông nước ngoài được phép mua thêm cổ phiếu theo phương án phát hành đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

10. Hoạt động kinh doanh.

a. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.

▪ **Mô tả sản phẩm chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng:**

○ **Mô tả sản phẩm:**

Hiện Công ty có 03 nhà máy sản xuất trực thuộc, gồm: 02 nhà máy chế biến mặt hàng tôm đông lạnh là: Xí nghiệp chế biến Mặt hàng mới và Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, với tổng công suất chế biến đạt khoảng: 3.600 tấn thành phẩm/năm; 01 nhà máy chế biến mặt hàng chả cá đông lạnh (Surimi) là: Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Sông Đốc, với công suất chế biến đạt khoảng: 5.000 tấn thành phẩm/năm.

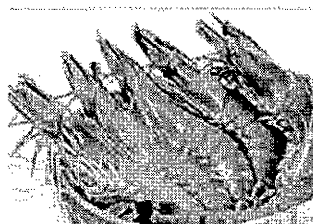
Sản phẩm của công ty là mặt hàng chế biến với các sản phẩm chính như sau:

- Tôm sú đông lạnh dạng block hoặc đông rời IQF, các dạng chế biến: nguyên con, tươi, hấp, tẩm bột, ... ;
- Tôm thẻ chân trắng (vanamei) đông lạnh dạng block hoặc đông rời IQF, các dạng chế biến: nguyên con, tươi, hấp, tẩm bột...; Tôm thẻ, chì đông lạnh block, IQF các dạng: tươi, hấp,;
- Chả cá đông lạnh (surimi) dạng block.

Nguồn nguyên liệu cung ứng cho 02 nhà máy chế biến mặt hàng tôm chủ yếu được thu mua từ các tỉnh Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Nguồn nguyên liệu cung ứng cho nhà máy chế biến mặt hàng surimi chủ yếu được thu mua tại chỗ đạt trên 90%, phần còn lại thu mua ở một số cửa Biển lân cận trong tỉnh và tỉnh An Giang.

Sản phẩm của Công ty được sản xuất đạt theo các tiêu chuẩn của những hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO, BRC, BAP/ACC, GMP, ASC, HALAL,...Trên 95% sản phẩm được xuất khẩu đi các thị trường: Anh, EU, Canada, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, ...và được người tiêu dùng tín nhiệm.

○ **Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty:**



Tôm sú HOSO



Tôm sú HLISO



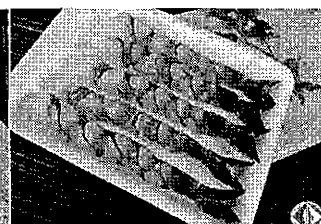
Tôm sú EZP



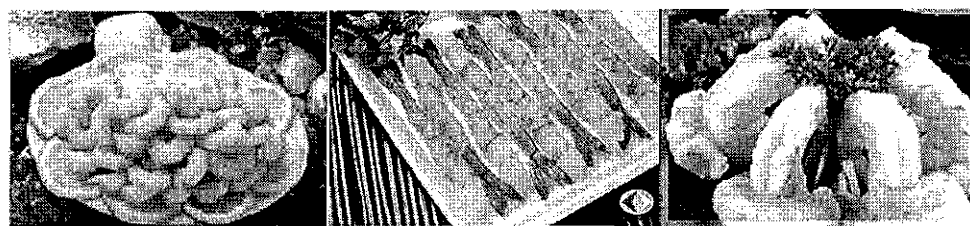
Tôm sú PTO tươi



Tôm sú PD



Tôm sú Nobashi



Tôm vanamei PD hấp

Tôm nhúng

Tôm sú PTO hấp



Tôm xếp vòng

Tôm vanamei tẩm gia vị

Shushi Ebi



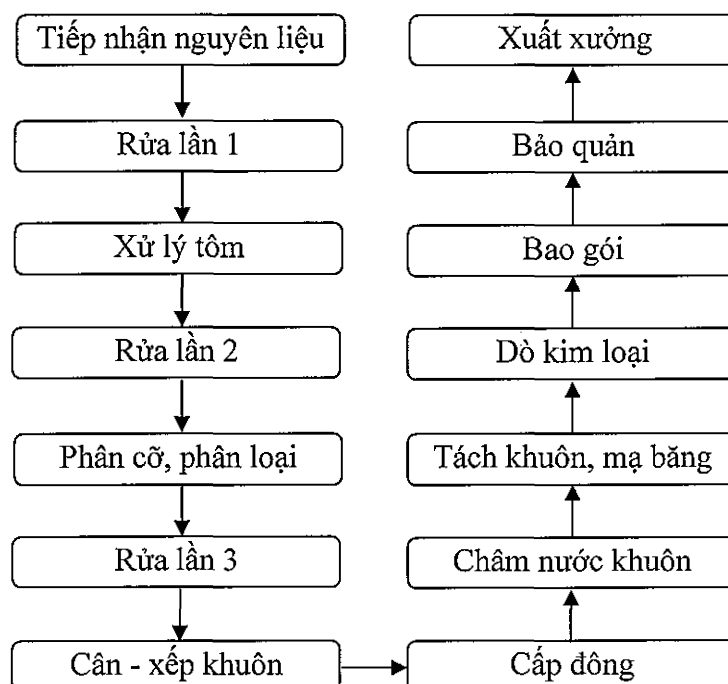
Tôm tẩm bột nguyên con

Tôm tẩm bột Nobashi

Chả cá đông lạnh

○ Quy trình sản xuất:

• Sơ đồ sản xuất tôm đông block:



Mô tả quy trình sản xuất tôm đông block:

Nguyên liệu đã được tiếp nhận và đổ vào máy rửa, nhiệt độ nước rửa $\leq 10^{\circ}\text{C}$. Tôm sau khi rửa lần 1 được chuyển đến khu sơ chế, tại đây tôm được lật đầu, rút tim, các thao tác được thực hiện trên

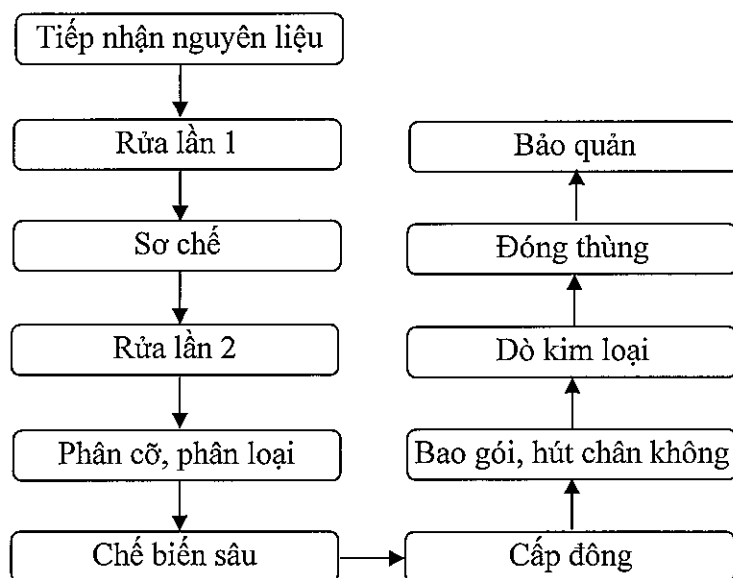
băng chuyền dưới vòi nước chảy. Sau đó, tôm được rửa lần 2 nhằm loại bỏ tạp chất trong quá trình sơ chế. Sau khi rửa lần 2, Tôm được phân thành các cỡ, loại tôm đồng nhất theo TCVN hoặc theo đơn hàng. Tiếp theo công đoạn rửa lần 3 qua hai hồ nước lạnh nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C}$ theo từng cỡ, loại. Tôm được bảo quản đá, nhiệt độ tôm bán thành phẩm $\leq 4^{\circ}\text{C}$.

Cân – xếp khuôn: tôm bán thành phẩm để ráo nước trước khi cân, tôm được cân theo trọng lượng tịnh 1kg – 2kg hoặc theo yêu cầu khách hàng. Cho tôm vào khuôn, đặt thẻ size ghi đầy đủ các thông tin truy xuất về kích cỡ, trọng lượng, mặt hàng..., các khuôn tôm sau khi đã sắp xếp được chuyển đến phòng cấp đông chầm nước đá lạnh nhiệt độ $\leq 4^{\circ}\text{C}$ vào khuôn và cho sản phẩm vào tủ cấp đông.

Sau khi cấp đông sản phẩm đạt độ đông, tiến hành ra tủ và cho qua máy tách khuôn, mạ băng. Sản phẩm được cho vào túi PE cho qua máy dò kim loại.

Thành phẩm được đóng gói theo từng chủng Loại, kích thước, thông tin ghi trên bao bì phải đầy đủ, rõ ràng. Các thùng tôm sau khi được bao gói hoàn chỉnh sẽ được chuyển ngay vào kho lạnh bảo quản nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

- Sơ đồ sản xuất tôm giá trị gia tăng:



Mô tả quy trình sản xuất tôm giá trị gia tăng:

Nguyên liệu đã được tiếp nhận và đổ vào máy rửa, nhiệt độ nước rửa $\leq 10^{\circ}\text{C}$. Tôm sau khi rửa lần 1 được chuyển đến khu sơ chế, tại đây tôm được lật đầu, rút tim, các thao tác được thực hiện trên băng chuyền dưới vòi nước chảy. Sau đó, tôm được rửa lần 2 nhằm loại bỏ tạp chất trong quá trình sơ chế. Sau khi rửa lần 2, Tôm được phân thành các cỡ, loại tôm đồng nhất theo TCVN hoặc theo

đơn hàng. Tiếp theo công đoạn rửa lần 3, tôm được rửa qua hai hồ nước lạnh nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C}$ theo từng cỡ, loại, tôm được bảo quản đá, nhiệt độ tôm bán thành phẩm $\leq 4^{\circ}\text{C}$.

Sau khi phân cỡ, loại, tôm được chế biến sâu theo nhu cầu của khách hàng: hấp, xiên que, tẩm bột...

Sau khi cấp đông nhiệt độ sản phẩm $\leq -18^{\circ}\text{C}$, sản phẩm chế biến sâu sẽ được mạ băng, đóng gói, hút chân không và cho qua máy dò kim loại. Thành phẩm được đóng gói theo từng chủng loại, kích thước, thông tin ghi trên bao bì phải đầy đủ, rõ ràng. Các thùng tôm sau khi được bao gói hoàn chỉnh sẽ được chuyển ngay vào kho lạnh bảo quản nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

- Sơ đồ sản xuất Surimi:

Tiếp nhận nguyên liệu



Phân loại sơ bộ



Rửa 1



Sơ chế
(Cắt đầu, bỏ nội tạng)



Rửa 2



Ép tách xương, da



Rửa 3



Tách mỡ



Tinh lọc (Refiner)



Ép nước



Phối trộn phụ gia



Định hình - vô túi



Cân



Vô khuôn



Cấp đông



Tách khuôn



Rà kim loại



Bao gói → Bảo quản

Mô tả quy trình sản xuất Surimi:

Nguyên liệu tiếp nhận được đặt sơ bộ và đổ vào máy rửa, nhiệt độ nước rửa $\leq 10^{\circ}\text{C}$, Cá được rửa sạch qua máy bằng nước để loại bỏ các chất bẩn và tạp chất trên bề mặt, quá trình này đảm bảo nguyên liệu đầu vào sạch sẽ và an toàn cho các bước tiếp theo. Cá sau khi rửa sạch sẽ được đánh vảy, cắt bỏ đầu và nội tạng, công đoạn này giúp loại bỏ các phần không cần thiết, chuẩn bị cho quá trình xử lý tiếp theo. Cá sau khi đã xử lý sẽ được rửa lại để loại bỏ tạp chất còn sót lại và các dịch tiết ra từ bán thành phẩm, điều này đảm bảo cá sạch hoàn toàn trước khi tiến hành tách xương. Cá được tách thịt, loại bỏ hoàn toàn xương và sau đó cho vào máy xay, đây là bước quan trọng vì xương cá nếu còn sót lại sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cuối cùng.

Tách mở ở nhiệt độ nước lạnh $\leq 10^{\circ}\text{C}$

Tinh lọc (Refiner) thịt cá được đưa qua máy Refiner để loại bỏ phần xương, da vảy, các phần xơ cứng còn sót lại trong thịt cá

Công đoạn ép tách nước là một trong những bước quan trọng nhất, quá trình này giúp loại bỏ lượng nước dư thừa, tạo độ dai cho sản phẩm surimi. Thịt cá sau khi ép tách nước sẽ được phối trộn với các phụ gia theo tỷ lệ phù hợp với các quy định và yêu cầu của khách hàng.

Công đoạn phối trộn giúp sản phẩm đạt độ mịn, đồng đều và dẻo dai. Sau khi phối trộn, surimi sẽ được cho vào khuôn định hình hoàn chỉnh. Sau đó, tách khuôn và chuẩn bị cho bước cấp đông. Surimi sau khi định hình sẽ được cho vào túi PE và đưa vào tủ đông bảo quản, quá trình cấp đông giúp giữ nguyên chất lượng và kéo dài thời gian sử dụng của sản phẩm.

Sau khi cấp đông sản phẩm đạt độ đông, tiến hành ra tủ và cho sản phẩm qua máy dò kim loại.

Thành phẩm được đóng gói theo từng chủng loại, cỡ, thông tin ghi trên bao bì phải đầy đủ, rõ ràng, sản phẩm được bao gói hoàn chỉnh sẽ được chuyển ngay vào kho lạnh bảo quản nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

○ Công nghệ áp dụng:

Công ty hiện áp dụng công nghệ cấp đông nhanh IQF, không chỉ cải thiện chất lượng sản phẩm mà còn giúp tối ưu hóa quá trình bảo quản và vận chuyển. Quy trình bắt đầu bằng việc làm lạnh nhanh sản phẩm

bằng luồng không khí lạnh có nhiệt độ rất thấp, sản phẩm được đưa qua một băng chuyền trong buồng cấp đông, nơi nhiệt độ có thể xuống tới -40°C , quá trình này giúp đảm bảo rằng các tinh thể đá hình thành bên trong sản phẩm có kích thước nhỏ, giữ nguyên cấu trúc tế bào và chất lượng dinh dưỡng. Việc áp dụng công nghệ IQF giúp sản phẩm của Công ty có được những ưu điểm sau:

- Duy trì hương vị, màu sắc và giá trị dinh dưỡng của sản phẩm.
- Giảm thiểu mất mát dinh dưỡng và ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn.
- Dễ dàng được tách rời và sử dụng ngay khi cần, không cần phải rã đông toàn bộ.
- Thời gian bảo quản dài hơn và dễ dàng vận chuyển mà không làm giảm chất lượng.

▪ **Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tính thời vụ. Nguyên liệu đầu vào có phần lệ thuộc vào mùa vụ khai thác biển và thu hoạch nuôi trồng của ngư dân. Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu ngoài mùa cao điểm vẫn đảm bảo để Công ty thu mua đáp ứng yêu cầu sản xuất xuyên suốt trong năm. Đầu ra sản phẩm - xuất khẩu có phần lệ thuộc vào mùa du lịch, lễ hội, tết, ...

▪ **Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ:**

- Sản lượng tiêu thụ:

Đơn vị tính: tấn

Mặt hàng	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Surimi, Tôm đông các loại	3.692	4.391	2.494	3.939
Phế phẩm	3.561	2.756	1.315	2.020

Nguồn: Seaprimexco

- Doanh thu:

Đơn vị tính: đồng

Mặt hàng	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Surimi, Tôm đông các loại	553.050.271.042	97,11%	675.604.019.113	98,72%	411.744.800.746	99,08%	644.275.576.632	99,08%
Phế phẩm	16.448.441.709	2,89%	8.745.474.998	1,28%	3.820.249.528	0,92%	5.963.443.400	0,92%
Tổng cộng	569.498.712.751	100%	684.349.494.111	100%	415.565.050.274	100%	650.239.020.032	100%

Nguồn: Seaprimexco

- Lợi nhuận gộp:

Đơn vị tính: đồng

Mặt hàng	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG
Surimi, Tôm đông các loại	74.685.110.906	98,77%	87.916.167.270	98,32%	51.287.714.762	97,98%	84.853.335.188	98,22
Phế phẩm	928.859.117	1,23%	1.506.765.602	1,68%	1.058.262.892	2,02%	1.538.451.000	1,78%
Tổng cộng	75.613.970.023	100%	89.422.932.872	100%	52.345.977.654	100%	86.391.786.188	100%

Nguồn: Seaprimexco

b. Tài sản

- Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 :

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	195.936.364.272	71.154.302.542	36,32%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	66.124.006.700	33.914.205.401	51,29%
2	Máy móc thiết bị	118.660.607.931	35.539.949.662	29,95%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.207.143.752	620.898.019	8,62%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	215.011.990	12.416.126	5,77%
5	TSCĐ hữu hình khác	3.729.593.899	1.066.833.334	28,60%
II	TSCĐ vô hình	788.499.886	485.337.195	61,55%
1	Quyền sử dụng đất	555.947.886	485.337.195	87,30%
2	Phần mềm máy vi tính	232.552.000	-	0%
	Tổng cộng	196.724.864.158	71.639.639.737	36,42%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2024

- Một số tài sản lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 :

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Nhà cửa vật kiến trúc tại Xí nghiệp chế biến Mắm Hàng Mới	32.291.705.028	16.654.383.716	51,57%
2	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm	3.362.131.140	1.802.777.770	53,62%
3	Hệ thống băng chuyền IQF 700kg/h	7.476.058.226	5.302.542.306	70,93%
4	Hệ thống dàn ngưng bay hơi	2.435.698.000	1.708.917.361	70,16%
5	Hệ thống hấp 750kg/h	1.859.000.000	1.662.772.218	89,44%
6	Hệ thống kho lạnh thành phẩm 200 tấn	2.675.394.670	1.555.565.238	58,14%
7	Nhà cửa vật kiến trúc tại Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	18.402.881.109	9.288.444.016	50,47%
8	Hệ thống băng chuyền cấp đông siêu tốc 500	4.707.209.001	2.693.569.604	57,22%

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% giá trị còn lại/Nguyên giá
	kg/h			
9	Hệ thống xử lý nước thải	978.401.890	675.000.000	68,99%
10	Nhà cửa vật kiến trúc tại Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	14.007.974.341	6.758.092.053	48,24%
11	Kho lạnh thành phẩm 140 tấn	1.372.240.022	929.199.317	67,71%
12	Thiết bị xử lý nước thải	2.927.074.100	2.016.666.667	68,90%

Nguồn: Seaprimexco

c. Thị trường hoạt động

▪ Cơ cấu doanh thu:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		9 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Thị trường nước ngoài	537.189.686.978	94,33%	660.864.415.356	96,57%	402.209.027.961	96,79%	630.880.233.457	97,02%
2	Thị trường trong nước	32.309.025.773	5,67%	23.485.078.755	3,43%	13.356.022.313	3,21%	19.358.786.575	2,08%
	Tổng cộng	569.498.712.751	100%	684.349.494.111	100%	415.565.050.274	100%	650.239.020.032	100%

Nguồn: Seaprimexco

▪ Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		9 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Thị trường nước ngoài	72.948.874.899	96,48%	85.705.409.886	95,84%	58.336.490.088	111,44%	82.394.360.690	95,38%
2	Thị trường trong nước	2.665.095.124	3,52%	3.717.522.986	4,16%	(5.990.512.434)	(11,44%)	3.997.425.498	4,62%
	Tổng cộng	75.613.970.023	100%	89.422.932.872	100%	52.345.977.654	100%	86.391.786.188	100%

Nguồn: Seaprimexco

d. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

▪ Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư:

○ Tình hình đầu tư năm giữ đến ngày báo hạn:

Stt	Tên tổ chức tín dụng/Tổ chức phát hành Trái phiếu	Khoản đầu tư	Giá trị (đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Ghi chú
	Năm 2023					

Stt	Tên tổ chức tín dụng/Tổ chức phát hành Trái phiếu	Khoản đầu tư	Giá trị (đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Ghi chú
1	Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Trái phiếu	2.000.000.000	6 năm	7,10%/năm	Dùng làm tài sản đảm bảo cho các hạn mức vay tại ngân hàng
2	Cty CP Chứng khoán Agribank	Trái phiếu	500.000.000	7 năm	8,70%/năm	
3	Cty CP Chứng khoán Agribank	Trái phiếu	1.000.000.000	5 năm	6,85%/năm	
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Trái phiếu	5.000.000.000	10 năm	8,40%/năm	
5	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	3.000.000.000	1 năm	4,80%/năm	
6	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	3.000.000.000	1 năm	4,70%/năm	
7	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.200.000.000	1 năm	4,50%/năm	
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.281.812.123	1 năm	4,30%/năm	
9	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	5.679.025.167	1 năm	6,20%/năm	
10	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	2.812.805.212	1 năm	5,20%/năm	
11	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.200.000.000	1 năm	5,20%/năm	
Năm 2024						
1	Cty CP Chứng khoán Agribank	Trái phiếu	500.000.000	7 năm	6,25%/năm	Dùng làm tài sản đảm bảo cho các hạn mức vay tại ngân hàng
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Trái phiếu	5.000.000.000	10 năm	6,25%/năm	
3	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	1.000.000.000	1 năm	4,20%/năm	
4	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	1.000.000.000	1 năm	4,20%/năm	
5	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	3.000.000.000	1 năm	4,50%/năm	
6	Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN tỉnh Cà Mau	Tiền gửi	3.000.000.000	1 năm	4,50%/năm	
7	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.200.000.000	1 năm	4,10%/năm	
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.200.000.000	1 năm	4,10%/năm	
9	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	2.200.000.000	1 năm	4,50%/năm	
10	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	1.337.383.068	1 năm	4,10%/năm	
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	6.032.089.384	1 năm	4,20%/năm	
12	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Cà Mau	Tiền gửi	2.959.471.811	1 năm	4,20%/năm	
13	Ngân hàng TMCP Nam Á-CN Cà Mau	Tiền gửi	5.000.000.000	6 tháng	6,00%/năm	

Stt	Tên tổ chức tín dụng/Tổ chức phát hành Trái phiếu	Khoản đầu tư	Giá trị (đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Ghi chú
14	Ngân hàng TMCP Nam Á-CN Cà Mau	Tiền gửi	5.000.000.000	6 tháng	6,00%/năm	
15	Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	Tiền gửi	10.000.000.000	6 tháng	7,00%/năm	

Nguồn: Seaprimexco

o Tình hình đầu tư tài sản:

Từ năm 2023 đến nay, Công ty không có khoản đầu tư tài sản cố định quy mô lớn nào.

▪ Hiệu quả sản xuất, kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	4.609	3.827
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3.692	4.391
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	22.717.280	26.543.571
4	Tổng doanh thu thuần	Đồng	569.498.712.751	684.349.494.111
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	26.877.138.303	35.759.592.745

Nguồn: Seaprimexco

e. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong năm 2023, năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025:

▪ Hợp đồng đã được thực hiện:

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ đầu vào/đầu ra	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CDL
1	Hợp đồng mua bán số 4/HĐMB-2023	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	01/2023	12 tháng	17.396.447.700	Tôm nguyên liệu	Không
2	Hợp đồng mua bán số 23/HĐMB-2023	Công ty TNHH Tuấn Phát Cà Mau	01/2023	12 tháng	20.591.122.900	Cá nguyên liệu	Không
3	Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB-2023	DNTN Minh Bài	01/2023	12 tháng	37.879.002.100	Cá nguyên liệu	Không
4	Hợp đồng mua bán số 17/HĐMB-2024	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	01/2024	12 tháng	15.737.068.700	Tôm nguyên liệu	Không
5	Hợp đồng mua bán số 10/HĐMB-2024	Công ty TNHH MTV Liên Việt Phát	01/2024	12 tháng	8.488.255.100	Cá nguyên liệu	Không
6	Hợp đồng mua	Công ty TNHH Thủy	01/2025	12 tháng	2.563.422.500	Cá nguyên	Không

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ đầu vào/đầu ra	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CDL
	bán 03/HĐMB-2025	sản Hồng Tươi				liệu	
7	Hợp đồng số ASFS/2023	Amanda Seafood PTE Ltd.,	01/2023	12 tháng	217.865.529.510	Tôm đông lạnh	Không
8	Hợp đồng số ASFS/2024	Amanda Seafood PTE Ltd.,	01/2024	12 tháng	349.363.554.098	Tôm đông lạnh	Không
9	Hợp đồng số ASFS/2025	Amanda Seafood PTE Ltd.,	01/2025	12 tháng	236.228.660.404	Tôm đông lạnh	Không

Nguồn: Seaprimexco

Các điều khoản quan trọng khác trong Hợp đồng: các Hợp đồng nêu trên là Hợp đồng kinh tế thông thường, không có các điều khoản quan trọng/ đáng chú ý khác có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cũng như các điều kiện trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sắp tới của Công ty.

▪ **Hợp đồng đã được ký kết và chưa thực hiện:**

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ đầu vào/đầu ra	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CDL
1	Hợp đồng mua bán 03/HĐMB-2025	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	01/2025	12 tháng	20.000.000.000	Tôm nguyên liệu	Không
2	Hợp đồng mua bán 02/HĐMB-2025	Công ty TNHH Bích Khái Sông Đốc	01/2025	12 tháng	8.000.000.000	Cá nguyên liệu	Không

Nguồn: Seaprimexco

Các điều khoản quan trọng khác trong Hợp đồng: các Hợp đồng nêu trên là Hợp đồng kinh tế thông thường, không có các điều khoản quan trọng/ đáng chú ý khác có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cũng như các điều kiện trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sắp tới của Công ty.

f. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025:

▪ Nhà cung cấp lớn:

Stt	Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ/Doanh số mua vào (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CDL
Năm 2023						
1	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	Tôm nguyên liệu	17.396.447.700	3,6%	01/2023 đến 12/2023	Không
2	DNTN Minh Bài	Cá nguyên liệu	37.879.002.100	8%	01/2023 đến 12/2023	Không
3	Công ty TNHH TM-DV Ngân Phúc	Phụ gia thực phẩm	8.588.322.700	2%	01/2023 đến 12/2023	Không
Năm 2024						
1	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	Tôm nguyên liệu	15.737.068.700	3%	01/2024 đến 12/2024	Không
2	Công ty TNHH MTV Liên Vạn Phát	Cá nguyên liệu	8.488.255.100	1,7%	01/2024 đến 12/2024	Không
3	Công ty TNHH SX & TM Hưng Thịnh CM	Bao bì	4.994.379.000	1%	01/2024 đến 12/2024	Không
9 tháng đầu năm 2025						
1	Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	Tôm nguyên liệu	10.733.527.870	2,1%	01/2025 đến 09/2025	Không
2	Công ty TNHH Thủy sản Hồng Tươi	Cá nguyên liệu	9.621.683.170	1,9%	01/2025 đến 09/2025	Không
3	Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thành Phú	Bao bì	6.396.680.369	1,3%	01/2025 đến 09/2025	Không

Nguồn: Seaprimexco

▪ Khách hàng lớn:

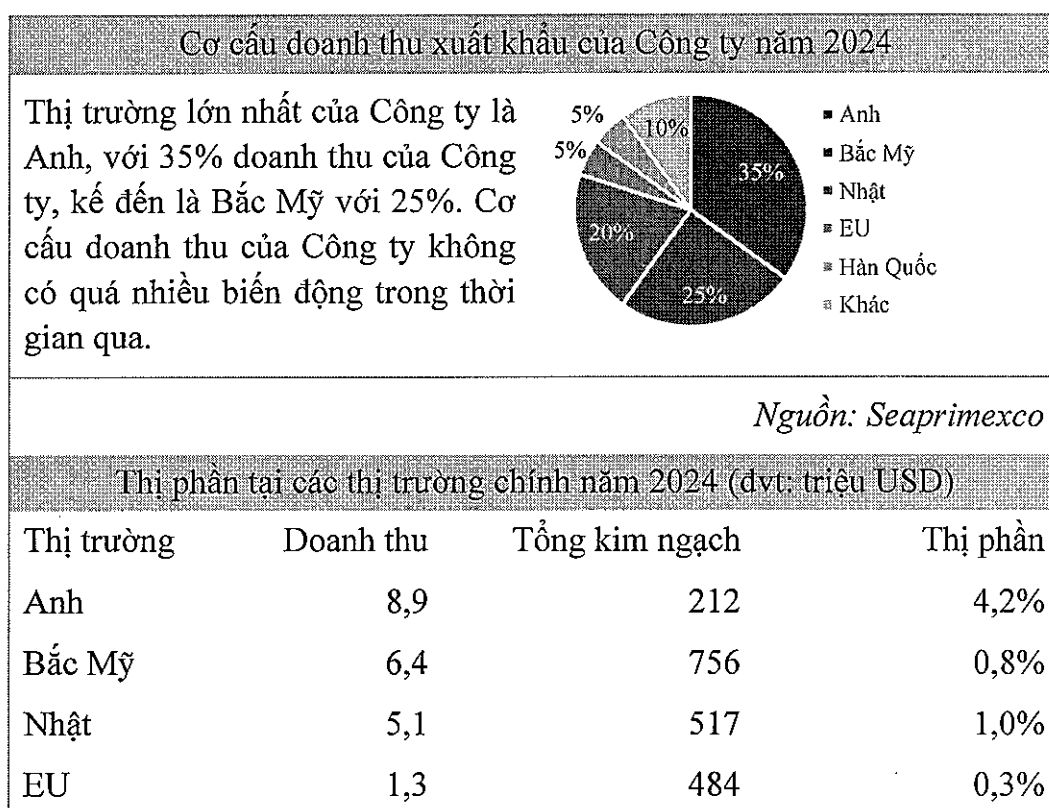
Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CDL
Năm 2023					
Amanda Seafood PTE Ltd.,	Tôm đông lạnh	217.865.529.510	38%	01/2023 đến 12/2023	Không
Năm 2024					

Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, Ban TGD, CĐL
Amanda Seafood PTE Ltd.,	Tôm đông lạnh	349.363.554.098	51%	01/2024 đến 12/2024	Không
9 tháng đầu năm 2025					
Amanda Seafood PTE Ltd.,	Tôm đông lạnh	363.659.223.464	55%	01/2025 đến 09/2025	Không

Nguồn: Seaprimexco

g. Vị thế của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong ngành

- **Vị thế của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**



Nguồn: Công ty, VASEP

Nguồn: Công ty, VASEP

Anh là thị trường đơn lẻ lớn thứ 6 về nhập khẩu tôm của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 5,5% trong tổng xuất khẩu tôm của Việt Nam đi các thị trường. Tôm cũng là sản phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất (70%) trong tổng xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Anh. Sản phẩm tôm xuất khẩu chính của

Việt Nam sang Anh có thể kể đến như tôm chân trắng bóc vỏ, bỏ đuôi đông lạnh, tôm chân trắng PD đông lạnh, tôm chân trắng hấp, luộc đông lạnh, tôm chân trắng tươi, đông lạnh, tôm chân trắng tẩm bột xù. Tại thị trường Anh, Việt Nam vẫn là nguồn cung tôm lớn nhất, phải cạnh tranh mạnh về giá với tôm Ấn Độ và Ecuador. Hiện Việt Nam đã tham gia 2 FTA thế hệ mới với Vương quốc Anh là Hiệp định CPTPP và UKVFTA. Sự kết hợp nội dung và cách tiếp cận của cả 2 Hiệp định này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước khai thác tối đa cơ hội thương mại và đầu tư, trong đó có xuất khẩu tôm sang Vương quốc Anh. Với lợi thế về thuế quan từ 2 Hiệp định, tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các đối thủ thương mại khác như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Brazil,... Và để được hưởng mức thuế ưu đãi như trong các Hiệp định đã cam kết, các sản phẩm thủy sản của Việt Nam phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, đáp ứng các yêu cầu về tính bền vững và trách nhiệm xã hội...

Trong giai đoạn từ 2018 đến 2024, xuất khẩu tôm sang Anh đạt cao nhất vào năm 2020 với hơn 243 triệu USD, sau đó xuất khẩu có xu hướng giảm dần và giảm xuống mức thấp nhất trong năm 2023. Năm 2024, xuất khẩu tôm sang Anh có dấu hiệu phục hồi với hơn 212 triệu USD. Bước sang tháng 1/2025, xuất khẩu tôm đi Anh vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng của năm 2024 và đạt hơn 16 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam sang Anh năm 2024	
1	Công ty CP Thủy sản Sóc Trăng
2	Công ty CP Thủy sản Thông Thuận Cam Ranh
3	Công ty CP Trang
4	Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh NM tại Huế
5	Công ty CP Chế biến Thủy sản Tài Kim Anh

Nguồn: VASEP

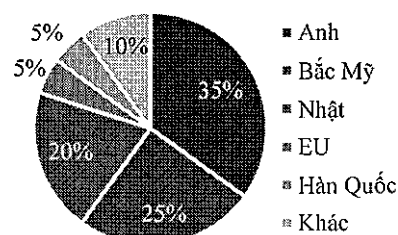
Thủy sản là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Hoa Kỳ. Đối tác và bạn hàng Hoa Kỳ ổn định, có tính cam kết chặt chẽ. Uy tín doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cũng đã được khẳng định. Giá thực phẩm thiết yếu và thực phẩm bổ sung tăng giúp cải thiện giá trị gia tăng nếu quản lý và vận hành chuỗi tốt. Đây là những yếu tố thuận lợi cho xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ thời gian tới.

Trong gian đoạn từ 2020 đến 2024, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang Canada dao động, tăng từ 22 triệu USD và đạt cao nhất vào năm 2025 với 25 triệu USD. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 4 cho Canada, chiếm khoảng 8% tổng nhập khẩu trong năm 2024, cao hơn mức

7% của năm 2023. Điều này cho thấy thủy sản Việt Nam đang ngày càng được ưa chuộng tại thị trường Canada. Để đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang Canada, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam phải đảm bảo tốt các tiêu chuẩn của Canada. Đánh giá về triển vọng tại thị trường Canada, các chuyên gia cho rằng dư địa còn nhiều vì nhu cầu của người tiêu dùng ở Canada với các mặt hàng thủy sản đông lạnh của Việt Nam là rất lớn. Xuất khẩu thủy sản sang Canada có nhiều triển vọng tích cực, tăng trưởng ổn định.

Thị phần xuất khẩu của Công ty tại các thị trường chủ lực

Thị trường lớn nhất của Công ty là Anh, với 35% doanh thu của Công ty, kế đến là Bắc Mỹ với 25%. Cơ cấu doanh thu của Công ty không có quá nhiều biến động trong thời gian qua.



Nguồn: Seaprimexco

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hiện sở hữu vận hành 03 Nhà máy chế biến thủy sản với tổng công suất đạt trên 8.000 tấn/năm, trong đó có 02 nhà máy chế biến mặt hàng tôm đông lạnh với công suất đạt 3.800 tấn thành phẩm/năm. Sản phẩm của Công ty được sản xuất đạt theo các tiêu chuẩn của những hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO, BRC, ASC, BAP/ACC, GMP, HALAL,... So với các doanh nghiệp khác trong ngành, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nằm ở nhóm doanh nghiệp cỡ trung bình với doanh thu hàng năm khoảng 25-30 triệu USD. Ưu thế cạnh tranh của Công ty là ở sự ổn định trong sản xuất và dòng sản phẩm giá trị gia tăng, lượng khách hàng dày dặn và tiêu chuẩn chất lượng cao.

Doanh thu của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau so với một số doanh nghiệp trong cùng ngành:

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Tên Doanh nghiệp	Mã chứng khoán	Năm 2023	Năm 2024
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	MPC	10.767.391.211.744	14.735.237.500.445
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	FMC	5.087.392.999.915	6.912.623.489.158
3	Công ty Cổ phần Camimex Group	CMX	2.040.090.385.409	2.980.878.052.706
4	Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	CAT	569.498.712.751	684.349.494.111

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2023, năm 2024 của các công ty

▪ Triển vọng phát triển của ngành

Trong 5 năm trở lại đây, xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt đỉnh vào 2022

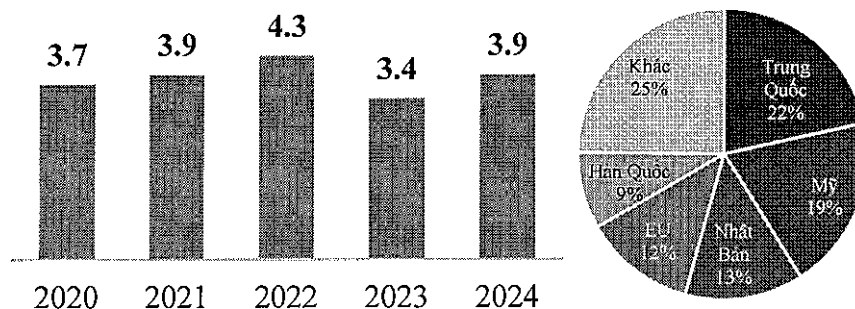
với tổng kim ngạch đạt 4,3 tỷ USD. Sản lượng xuất khẩu năm 2023 giảm mạnh 21% trước áp lực giảm của giá tôm, đồng thời nhu cầu tiêu dùng của các thị trường chính của tôm Việt Nam như Nhật Bản cũng giảm. Kim ngạch xuất khẩu tôm năm 2024 tăng 14% lên 3.9 tỷ USD, cho thấy dấu hiệu phục hồi và được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trong tương lai. Theo nhận định của VASEP, dù nhập khẩu từ Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm trong năm 2024, các thị trường khác như EU và một số khu vực mới nổi đã bù đắp khoảng trống, giúp sản xuất tôm toàn cầu duy trì ổn định trong khi giá cả cải thiện. Đây là dấu hiệu của sự cân bằng lành mạnh hơn giữa cung và cầu.

EU hiện là thị trường đáng chú ý với lượng nhập khẩu tôm chân trắng tươi đông lạnh và chế biến giá trị gia tăng đạt 376.875 tấn trong năm 2024, tăng 4% so với năm 2023. Xu hướng tăng trưởng dài hạn rõ ràng khi lượng nhập khẩu năm 2024 cao hơn 26% so với năm 2019, chủ yếu nhờ sự đóng góp từ Ecuador (tăng 78%) và Ấn Độ (tăng 47%).

Việt Nam cũng ghi nhận sự phục hồi một phần trong nguồn cung sang EU, củng cố vị thế trong nhóm các nhà cung cấp hàng đầu. Tuy nhiên, cạnh tranh ngày càng gay gắt từ Ecuador và Ấn Độ đòi hỏi Việt Nam phải tập trung vào các sản phẩm giá trị gia tăng và đa dạng hóa thị trường để duy trì lợi thế.

Trong năm 2024, ngành xuất khẩu tôm của Việt Nam đã chứng kiến sự thay đổi lớn khi Trung Quốc vượt Hoa Kỳ, trở thành thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 843 triệu USD, tăng 39% so với năm 2023. Sự thay đổi này đánh dấu bước ngoặt quan trọng, phản ánh những biến động trong nhu cầu tiêu thụ tôm toàn cầu. Trung Quốc không chỉ gia tăng nhập khẩu từ Việt Nam mà còn giảm nhập khẩu từ các thị trường khác như Ecuador, tạo cơ hội lớn cho ngành thủy sản Việt Nam.

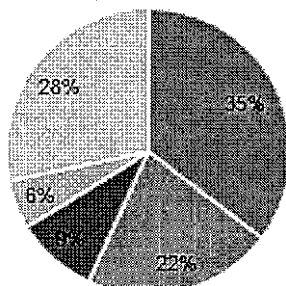
Trong năm 2024, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 756 triệu USD. Việt Nam cạnh tranh vị trí nhà cung cấp số 2 với Indonesia trên thị trường Hoa Kỳ đối với sản phẩm tôm hấp, tôm gia vị và tôm bột. Việt Nam và Thái Lan là 2 quốc gia đứng đầu thế giới về công nghệ chế biến sâu mặt hàng tôm. Các sản phẩm tôm giá trị gia tăng nổi bật của Việt Nam như tôm bao bột, tôm chiên, tôm tẩm gia vị, tôm xé bướm, tôm xiên que, tôm tempura, tôm nobashi, há cảo tôm, sủi cảo tôm gừng. Việt Nam chế biến nhiều mặt hàng giá trị gia tăng mà Ecuador và Ấn Độ không chế biến được, hoặc chế biến được ít nên tôm Việt chế biến có thể mạnh. Ấn Độ và Ecuador nếu có ý định xuất khẩu tôm chế biến sang các thị trường, có thể phải mất nhiều thời gian mới đạt được trình độ chế biến tôm Việt hiện nay.



Nguồn: VASEP

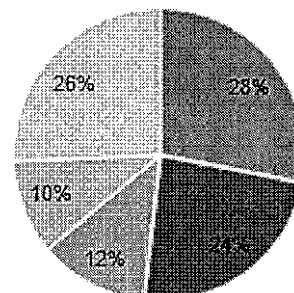
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam sẽ đạt 4,3 tỷ USD vào năm 2025, tương ứng với tăng trưởng 7,5%.

Thị phần xuất khẩu tôm đông lạnh mã HS 030617 toàn cầu



▪ Ecuador ▪ Ấn Độ ▪ Việt Nam ▪ Indonesia ▪ Khác

Thị phần xuất khẩu tôm đông lạnh mã HS 160529 toàn cầu



▪ Trung Quốc ▪ Việt Nam ▪ Ấn Độ ▪ Thái Lan ▪ Khác

VASEP cho hay tôm tiếp tục là điểm sáng lớn nhất, đóng góp 542 triệu USD trong 2 tháng đầu năm, tăng trưởng 30,8% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 2/2025, kim ngạch xuất khẩu tôm đạt 231 triệu USD, tăng 33,9% so với tháng 2/2024. Sự phục hồi này cho thấy ngành tôm đang lấy lại đà tăng trưởng sau giai đoạn giá thấp kéo dài trong năm 2023-2024.

Trong giai đoạn 2025-2033, nguồn cung toàn cầu dự kiến tăng trưởng 3,9%/năm, trong đó nguồn cung Ấn Độ dự kiến tăng trưởng 9,8%/năm (2025-2030). Nguồn cung Ecuador dự kiến tăng trưởng dương, tuy nhiên đã qua giai đoạn tăng trưởng lớn nhất (15%) theo các nhà cung cấp. Ngành tôm có sự cạnh tranh lớn về giá tôm đầu ra, trong khi tôm nguyên liệu đầu vào phụ thuộc nhiều vào tình hình thời tiết, vụ mùa.

Kim ngạch xuất khẩu Surimi của Việt Nam đạt 298,2 triệu USD vào năm 2024 (giảm 2% so với năm 2023). Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành giai đoạn 2021-2024 thiếu khả quan, tăng trưởng âm 10,8%/năm. Đây là ngành tương đối nhỏ, bằng 3% và 7,7% giá trị xuất khẩu ngành thủy sản và ngành tôm Việt Nam, và chưa có kế hoạch giá trị xuất khẩu năm 2025.

Ngoài ra, việc Mỹ áp dụng mức thuế suất mới với Thủy sản sẽ ảnh hưởng lớn tới dự báo về ngành khi các đối thủ chính của Việt Nam được chịu các mức thuế xuất thấp hơn. Việt nam (22,84%); Ấn độ (58,26%); Indonesia (22,90%); Ecuador (18,78%); Thái Lan (19,00%).

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà Nước, xu thế chung của thế giới.**

Chiến lược phát triển xuyên suốt của Công ty là *“Giữ vững hệ thống phân phối, đầu tư phát triển mạnh cho sản xuất, mở rộng thị trường, tăng thị phần, lấy Thương hiệu, Năng lực sản xuất và Công nghệ làm nền tảng”*, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Seaprimexco phấn đấu đưa Công ty đạt mức tăng trưởng hàng năm từ 5% trở lên; Đảm bảo việc vận hành, quản lý về môi trường luôn an toàn, đúng luật, tránh những tổn thất, thiệt hại về vật chất cũng như uy tín của Công ty đối với cộng đồng và khách hàng. Đây là lĩnh vực quan trọng, nếu không đảm bảo an toàn sẽ gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín và trách nhiệm xã hội của Công ty.

Ngành tôm nói riêng và ngành thủy sản nói chung được Chính phủ rất quan tâm, với diện tích nuôi nhiều, lợi thế về thuế nhập khẩu tại nhiều thị trường nhờ các FTA, tôm sinh thái và tôm sú Việt Nam được thị trường thế giới ưa chuộng. Theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính Phủ đã đề ra mục tiêu chủ yếu đến năm 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,0 - 4,0%/năm.
- Tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong nước đạt 9,8 triệu tấn; trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản 7,0 triệu tấn, sản lượng khai thác thủy sản 2,8 triệu tấn.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 14 - 16 tỷ USD.
- Giải quyết việc làm cho trên 3,5 triệu lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động cả nước. Xây dựng các làng cá ven biển, đảo thành các cộng đồng dân cư văn minh, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng gắn với xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, Chính Phủ cũng đã đề ra mục tiêu tầm nhìn đến năm 2045: Thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; là trung tâm chế biến thủy sản sâu, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; bảo đảm an sinh

xã hội, làng cá xanh, sạch, đẹp, văn minh; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung cả nước; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Từ những lý do trên, có thể thấy rằng định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là rất phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà Nước, xu thế chung của thế giới.

h. Hoạt động Marketing

Việt Nam có thế mạnh về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, do đó thương hiệu “SEAPRIMEXCO” và logo của Công ty đã được các thị trường lớn như: Anh, EU, Canada, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc... chấp nhận. Công ty luôn chủ động quảng bá thương hiệu, sản phẩm và chất lượng sản phẩm của mình đến các khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng bằng các phương pháp phổ thông như tham gia các hội chợ thủy sản, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Vấn đề xúc tiến thương mại được Ban lãnh đạo Công ty xác định là công việc thường xuyên và liên tục. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát triển và thuận tiện, vì vậy nên việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt, qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế, Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ và mới, từ đó mở ra các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình.

Về chính sách giá cả, Công ty dựa vào chi phí sản xuất thực tế, mặt bằng giá bán của các đối thủ cạnh tranh, kết quả đàm phán với từng khách hàng để có những chính sách giá cả hợp lý và linh động, đảm bảo lợi ích cho khách hàng và Công ty.

i. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: SEAPRIMEXCO-VIETNAM
- Tên Công ty viết tắt: SEAPRIMEXCO

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: www.seaprimexco.com
- Đăng ký nhãn hiệu : Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đăng ký nhãn hiệu tại Cục sở hữu trí tuệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 4040, quyết định sửa đổi số 37408/QĐ-SHTT ngày 12/05/2021 do Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học công nghệ cấp.
- Hoạt động thương hiệu: ngay từ mới thành lập, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đã đặt ra mục tiêu phải xây dựng thành công thương hiệu để tạo

tiền đề cho sự phát triển lâu dài của công ty. Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu sau:

- Cập nhật tin tức liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trên website www.seaprimexco.com và các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tăng cường nhận diện thương hiệu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trên kênh truyền hình và lắp đặt các biển pano quảng cáo ngoài trời.
- Tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: quyên góp ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, chăm lo tốt cho người nghèo,...

j. Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Thông tin về các chính sách trong năm 2023, năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025:
 - Đầu tư mạnh cho điều kiện sản xuất, duy trì và vận hành có hiệu quả các tiêu chuẩn về chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 22000:2018; HACCP; BRC; BAP; GMP; ASC; CoC; SMETA; HALAL nhằm đáp ứng yêu cầu của tất cả các thị trường, kể cả những thị trường phát triển có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cho sự phát triển xanh và bền vững.
 - Nghiên cứu, áp dụng và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động để đảm bảo trách nhiệm xã hội. Xem nguồn lực lao động – nguồn lực con người – nguồn lực trí tuệ là vốn quý nhất của doanh nghiệp.
- Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau:
 - Liên tục trong nhiều năm, hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tốt, tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh, là điều kiện rất thuận lợi để chủ động trong đầu tư, tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng hơn với mức lãi suất ưu đãi hơn, tạo điều kiện cho công ty thu hút nguyên liệu tốt hơn, giúp kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn.
 - Điều kiện sản xuất của các nhà máy và vùng nuôi từng bước được đầu tư nâng cấp, đạt được nhiều tiêu chuẩn Quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và trách nhiệm xã hội - đáp ứng yêu cầu ngày càng cao hơn của khách hàng để mở rộng thị trường.
 - Với 17 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam đã ký kết (CPTPP, EVFTA, VKFTA...) là lợi thế lớn để tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ, mà không bị lệ thuộc quá lớn vào một thị trường nào.

k. Chiến lược kinh doanh

- Tổng quan về chiến lược kinh doanh ngắn hạn (thời gian dự kiến thực hiện: trong năm 2025) và dài hạn (thời gian dự kiến thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030):
 - Với phương châm: ***“Giữ vững hệ thống phân phối, đầu tư phát triển mạnh cho sản xuất, mở rộng thị trường, tăng thị phần, lấy Thương hiệu, Năng lực sản xuất và Công nghệ làm nền tảng”***, Ban lãnh đạo cùng tập thể CB.CNV Seaprimexco phấn đấu đưa Công ty đạt mức tăng trưởng hàng năm từ 5% trở lên.
 - Đảm bảo việc vận hành, quản lý về môi trường luôn an toàn, đúng luật, tránh những tổn thất, thiệt hại về vật chất cũng như uy tín của Công ty đối với cộng đồng và khách hàng. Đây là lĩnh vực quan trọng, nếu không đảm bảo an toàn sẽ gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín và trách nhiệm xã hội của Công ty.
- Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:
 - Mạng lưới khách hàng của Công ty là những đối tác tên tuổi, uy tín trên thị trường cộng thêm đội ngũ lãnh đạo và nhân sự có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chế biến tôm và surimi là nguồn lực to lớn giúp Công ty thực hiện các chiến lược kinh doanh đã đề ra.
 - Để đảm bảo nguồn vốn cho việc thực hiện kế hoạch, Công ty đang tiến hành các phương án tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng đang tích cực làm việc với các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, nhà đầu tư tiềm năng nhằm tìm kiếm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của Công ty.

11. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và cơ cấu người lao động

Số lượng và cơ cấu người lao động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau:

Yếu tố	Bình quân năm 2023	Bình quân năm 2024	Bình quân 6 tháng đầu năm 2025	Bình quân 9 tháng đầu năm 2025
Theo giới tính				
Nam	274	253	241	250
Nữ	345	368	332	352
Theo độ tuổi				
18-30	163	162	113	125
30-50	378	367	358	378
50 tuổi trở lên	78	92	102	99

Yếu tố	Bình quân năm 2023	Bình quân năm 2024	Bình quân 6 tháng đầu năm 2025	Bình quân 9 tháng đầu năm 2025
Theo trình độ				
<i>Đại học và trên đại học</i>	70	73	77	75
<i>Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp</i>	87	86	82	87
<i>Sơ cấp và công nhân kỹ thuật</i>	15	13	15	15
<i>Lao động phổ thông</i>	447	449	399	425
Theo vị trí công việc				
<i>Quản lý</i>	35	34	39	36
<i>Nhân viên văn phòng</i>	68	74	76	74
<i>Công nhân</i>	516	513	458	492
Theo chu kỳ				
<i>Lao động thường xuyên</i>	619	621	573	602
<i>Lao động thời vụ</i>	0	0	0	0
Tổng cộng lao động toàn công ty	619	621	573	602

Nguồn: Seaprimexco

b. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Con người là một trong những nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và nâng cao năng lực cạnh tranh của bất kỳ một tổ chức nào. Đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, lao động được xem là nguồn tài nguyên, là nguồn lực hàng đầu cho quá trình tăng trưởng và phát triển.

- Chế độ làm việc:
 - Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần.
 - Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật lao động như: phép năm, ốm đau, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc, ...
- Chính sách tuyển dụng, đào tạo:
 - Tuyển dụng: Công ty luôn có chính sách tuyển dụng hợp lý nhằm thu hút lao động có năng lực và trình độ chuyên môn vào làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Công tác tuyển dụng luôn được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch đảm bảo tính công bằng cũng như cơ hội bình đẳng cho mọi ứng viên.
 - Quy trình tuyển dụng của Công ty bắt nguồn từ nhu cầu lao động của các bộ phận, Trưởng bộ phận lập yêu cầu về các chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên Phòng tổ chức hành chính tổng hợp và tổ chức tuyển dụng. Hằng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để tạo

sự cạnh tranh nội tại trong từng bộ phận và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao.

- Đào tạo: Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng. Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, hàng năm Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận, nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và dài hạn trong quá trình hoàn thiện, đổi mới và phát triển của Công ty.
- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:
 - Chính sách lương: Chính sách lương của Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, có tham khảo mặt bằng lương của các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề trong khu vực.
 - Đối với cán bộ cấp cao Công ty: Công ty trả lương theo phương thức khoán mức lương tối thiểu và sẽ được tăng lên từng mức tương ứng với mức tăng sản lượng sản xuất, doanh thu và hiệu quả sinh lợi hằng tháng của toàn Công ty.
 - Đối với nhân viên quản lý chuyên môn khối Văn phòng, Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương và được lãnh đạo phòng xét hằng tháng và gửi về bộ phận tiền lương tổng hợp, trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
 - Đối với Giám đốc Xí nghiệp: Công ty trả lương theo phương thức khoán mức lương tối thiểu và sẽ được tăng lên từng mức tương ứng với mức tăng sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả tiết kiệm chi phí hằng tháng của từng Xí nghiệp.
 - Đối với quản lý và nhân viên chuyên môn của Xí nghiệp: Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc và hưởng theo một tỷ lệ % lương nhất định của Giám đốc trong tháng.
 - Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty thực hiện chi trả lương theo sản phẩm.
 - Chính sách khen thưởng: Hằng năm hoặc đột xuất, Công ty tổ chức bình xét khen thưởng theo tiêu chí ngày công; năng suất, mức độ hoàn thành công việc; khối lượng, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm lợi cho Công ty, nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.
 - Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong

Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể. Ngoài ra, còn xây dựng nhà ăn phục vụ bữa ăn giữa ca, trong đó Công ty hỗ trợ 2/3 chi phí bữa ăn. Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức các phong trào văn thể, tổ chức giao lưu, tham quan... tạo sinh khí vui tươi phấn khởi, để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

- Công ty thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc trích nộp BHYT, BHXH, BHTN và thanh toán kịp thời các chế độ Bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.

c. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Không có.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
- HĐQT có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ và uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức theo danh sách phân bổ quyền do VSDC lập.

Tỷ lệ cổ tức trong 02 năm gần nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau như sau:

- Năm 2023: Tỷ lệ cổ tức là 20% bằng tiền mặt.
- Năm 2024: Tỷ lệ cổ tức là 20% bằng tiền mặt.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 2 năm gần nhất (năm 2023, năm 2024), Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

không thực hiện tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau:

a. Thông tin về các hợp đồng thuê đất:

Các hợp đồng thuê sử dụng đất của Công ty:

Stt	Hợp đồng			Đơn vị ký kết	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê	Tiền thuê đất	Địa chỉ thuê
	Số	Ngày	Nội dung					
1	24/HĐTD	03/07/2008	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	17.511,0	49 năm	57.523.635 đồng/năm	Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn thời, tỉnh Cà Mau
2	41/HĐTD	30/12/2009	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	4.662,3	49 năm	29.423.775 đồng/năm	Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn thời, tỉnh Cà Mau
3	29/2022/HĐTD	18/10/2022	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	13.277,6	36 năm	5.932.459.078 đồng/lần	Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

Nguồn: Seapremexco

b. Thông tin về Trái phiếu chưa đáo hạn:

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hiện không có Trái phiếu đang lưu hành nhưng chưa đáo hạn.

c. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi:

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hiện không có cổ phần ưu đãi.

d. Các cam kết khác:

- Cổ phiếu CAT đã được giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán UPCOM, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cam kết tuân thủ quy định pháp luật về việc đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Sàn chứng khoán UPCOM) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cam kết “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công

ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Nhằm để bảo toàn vốn kinh doanh, có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra khi Bộ Tài Chính Hoa Kỳ (DOC) công bố kết quả các đợt rà soát hành chính và để ghi nhận đầy đủ chi phí phát sinh tương ứng với doanh thu nhưng còn phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo kết quả công bố của Bộ Tài Chính Hoa Kỳ, Công ty có tiến hành trích lập dự phòng khoản thuế chống bán phá giá như sau (theo Thông báo số 48/TB-CTy ngày 01/02/2023 và Thông báo số 37/TB-CTy ngày 01/02/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau):

- Tỷ lệ trích trước: 3%.
- Giá trị trích trước: 3% x (Doanh thu – cước tàu vận chuyển).

Số dư các khoản trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2014 và 30/09/2025 như sau:

- Năm 2023: 339.156.117 đồng.
- Năm 2024: 910.509.372 đồng.
- Tại ngày 30/09/2025: 1.287.335.228 đồng.

16. Thông tin về cam kết của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích:

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cam kết “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh.

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong 02 năm gần nhất

- Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm)	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	434.052.088.075	447.395.276.292	3,07%	458.400.633.094	488.725.384.740
Doanh thu thuần	569.498.712.751	684.349.494.111	20,17%	415.565.050.274	650.239.020.032

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm)	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận từ HĐKD	26.417.925.770	35.187.439.314	33,20%	29.367.919.686	51.648.623.327
Lợi nhuận khác	459.212.533	572.153.431	24,59%	254.814.549	619.092.593
Lợi nhuận trước thuế	26.877.138.303	35.759.592.745	33,05%	29.622.734.235	52.267.715.920
Lợi nhuận sau thuế	24.731.683.148	32.879.902.197	32,95%	27.697.405.085	49.694.535.144
Tỷ lệ LN trả cổ tức	74,80%	56,26%	(18,54%)	-	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	0%	-	-

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

- Các chỉ tiêu khác: không có.
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập: Xem tại mục V.3.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau:

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong năm 2023 và năm 2024:
 - Những nhân tố thuận lợi:
 - Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến thủy sản, đặc biệt là chế biến tôm các loại;
 - Đội ngũ công nhân viên có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty; Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ;
 - Điều kiện sản xuất của các nhà máy và vùng nuôi từng bước được đầu tư nâng cấp, đạt được nhiều tiêu chuẩn Quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và trách nhiệm xã hội - đáp ứng yêu cầu ngày một khắc khe hơn của khách hàng để mở rộng thị trường;
 - Việc chủ động mở rộng thị trường và khách hàng tiêu thụ để không phải lệ thuộc quá lớn vào một thị trường tiêu thụ nào, là điều hết sức quan trọng để giữ được sự ổn định trong quá trình hoạt động;
 - Việc dự báo đúng tỷ giá USD sẽ có thời điểm biên độ giao động lớn trong năm 2023 và 2024, đã giúp Công ty chủ động, linh hoạt, khai thác hiệu quả nguồn doanh thu ngoại tệ từ xuất khẩu.
 - Những nhân tố khó khăn:
 - Yếu tố tác động tiêu cực ảnh hưởng bao trùm trong năm 2023 vẫn là cuộc chiến tại Ukraina - nguyên nhân gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng, và lạm phát tăng cao nhất trong nhiều thập niên, làm hàng loạt ngân hàng TW các nước phải tăng lãi suất - thắt chặt chính sách

tiền tệ; Trung tuần tháng 10/2023, cuộc chiến khốc liệt giữa Israel và Hamas lại bùng nổ; Thảm họa thiên tai xảy ra ở nhiều nơi,... Trước bối cảnh đó, buộc người tiêu dùng phải siết chặt chi tiêu ảnh hưởng lớn đến sức tiêu thụ, làm cho đơn hàng giảm mạnh.

- Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2024 còn nhiều bất ổn do nhiều yếu tố tác động: Cuộc chiến tại Ukraina và Khu vực Trung Đông vẫn chưa có hồi kết, lại phát sinh thêm những mâu thuẫn, xung đột gay gắt mới rất khó hóa giải - làm cho cuộc chiến lan rộng ra cả khu vực, lực lượng Houthis phong tỏa Biển Đỏ làm đứt gãy tuyến vận tải biển quốc tế đi Châu Âu và Bắc Mỹ - cước vận tải tăng cao làm tăng chi phí, tăng giá bán sản phẩm, ảnh hưởng đến sức tiêu thụ; những tháng đầu năm lạm phát ở nhiều nước vẫn duy trì ở mức cao, buộc người tiêu dùng phải siết chặt chi tiêu; thời tiết diễn biến ngày càng khắc nghiệt, ảnh hưởng lớn đến nguồn cung ứng tôm nguyên liệu không ổn định, nhất là 3 tháng đầu năm và đặc biệt từ cuối tháng 08 đến hết năm 2024, nguồn tôm nguyên liệu giảm rất mạnh, giá tăng khá cao; ngày 22/10/2024, DOC Hoa Kỳ đã ban hành Kết luận cuối cùng trong vụ điều tra chống trợ cấp đối với tôm nước ấm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam, xác định mức thuế là 2,84%.
- Rào cản thương mại và kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu: là mặt hàng thực phẩm, do đó, các sản phẩm tôm xuất khẩu luôn được đòi hỏi phải đáp ứng những yêu cầu khắt khe và nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc;
- Biến động giá tôm nguyên liệu: Nhiều nhà máy cạnh tranh gay gắt trong quá trình thu mua trong phạm vi hẹp về nguồn nguyên liệu. Giá nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua cho sản xuất.
- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- Vốn điều lệ và vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024
1	Tổng tài sản	434.052.088.075	447.395.276.292
2	Nợ phải trả	281.521.272.786	273.904.266.458
3	Vốn chủ sở hữu	152.530.815.289	173.491.009.834
4	Vốn điều lệ	97.485.790.000	97.485.790.000

Nguồn: BCKT năm 2023; năm 2024

- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Tài sản cố định hữu hình:	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 09 năm
Tài sản cố định vô hình	
Quyền sử dụng đất:	
+ Khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau	Không trích khấu hao
+ Lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành	Khấu hao trong 50 năm

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
phố Hồ Chí Minh	
Phần mềm máy tính	8 năm

Những thay đổi trong chính sách khấu hao năm 2023 và năm 2024: không có.

c. Mức lương bình quân

- Mức lương, thu nhập bình quân của người lao động:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024
Lương bình quân	5.756.214	6.599.893
Thu nhập bình quân	6.845.000	7.768.888

Nguồn: Seaprimexco

- So sánh về thu nhập bình quân năm 2024 với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành trong cùng địa bàn:

Stt	Công ty	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	6.280.000
2	Công ty Cổ phần Camimex	8.100.000
3	Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	7.800.000
4	Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	7.768.888

Nguồn: Báo cáo thường niên của các Công ty và tổng hợp của Seaprimexco

d. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty đến cuối năm 2023 và cuối năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
Tổng số nợ phải thu	63.115.452.539	97.705.310.620	93.998.679.360	102.849.433.836
Tổng số nợ phải trả	281.521.272.786	273.904.266.458	261.246.549.263	288.072.516.850

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

e. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.769.952.539	96.390.810.620	92.702.179.360	101.559.933.836
1	Phải thu ngắn hạn của khách	56.845.449.223	90.270.869.734	86.591.763.136	94.567.785.216

Stt	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
	hàng				
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.420.029.268	2.739.815.600	2.777.265.704	2.796.270.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.594.485.248	3.380.125.286	3.333.150.520	4.195.878.620
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(90.011.200)	-	-	-
II	Phải thu dài hạn	1.345.500.000	1.314.500.000	1.296.500.000	1.289.500.000
1	Phải thu dài hạn khác	1.345.500.000	1.314.500.000	1.296.500.000	1.289.500.000
	Tổng cộng	63.115.452.539	97.705.310.620	93.998.679.360	102.849.433.836

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

▪ Các khoản phải thu quá hạn:

- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có khoản phải thu quá hạn 90.011.200 đồng, đây là khoản phải thu của nhân viên trong công ty. Do đã hơn 06 năm chưa thu được nợ nên đơn vị kiểm toán đã trích lập Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 90.011.200 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024, khoản phải thu này đã được thanh toán đầy đủ.
- Tại thời điểm 31/12/2024, 30/06/2025 và 30/09/2025: Công ty không có khoản phải thu quá hạn.

f. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
I	Nợ ngắn hạn	281.521.272.786	273.904.266.458	261.246.549.263	288.072.516.850
1	Nợ phải trả người bán ngắn hạn	35.073.325.637	31.091.365.748	32.820.429.550	22.877.347.735
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	972.601.258	1.058.759.027	1.111.339.493	2.571.015.114
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.380.611.508	1.437.290.556	2.624.723.322	3.750.986.501
4	Phải trả người lao động	9.375.429.164	11.744.905.260	9.795.385.365	11.067.608.769
5	Phải trả ngắn hạn khác	5.735.562.993	4.537.880.753	5.468.134.967	5.817.220.559
6	Vay ngắn hạn (*)	226.274.257.734	221.236.837.469	205.186.308.116	237.749.390.854
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	339.156.117	910.509.372	1.287.335.228	1.287.335.228
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.370.328.375	1.886.718.273	2.952.893.222	2.951.612.090
II	Nợ dài hạn	-	-	-	-
	Tổng cộng	281.521.272.786	273.904.266.458	261.246.549.263	288.072.516.850

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
1	Vay ngân hàng bằng VND				
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	94.501.494.761	94.867.097.123	75.594.909.055	106.284.291.720
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	54.991.884.813	69.952.576.049	72.964.459.546	59.912.213.186
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	49.999.196.545	20.739.158.237	15.145.441.912	12.863.892.104
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 1 Tp.HCM	13.091.784.700	19.977.938.600	-	33.900.856.273
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cà Mau	-	-	10.243.511.603	-
	Ngân hàng TMCP Nam Á	-	-	24.339.486.000	24.788.137.571
	Cộng (1)	212.584.360.819	205.536.770.009	198.287.808.116	237.749.390.854
2	Vay ngân hàng bằng USD				
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	13.689.896.915	10.067.094.000	6.898.500.000	-
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		5.632.973.460	-	-
	Cộng (2)	13.689.896.915	15.700.067.460	6.898.500.000	-
	Tổng cộng ((1) + (2))	226.274.257.734	221.236.837.469	205.186.308.116	237.749.390.854

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

Căn cứ thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản vay nêu trên của Công ty đều là các khoản vay có tài sản bảo đảm, tài sản đảm bảo có thể là Tiền gửi có kỳ hạn, Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành, Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành, Quyền sử dụng đất, Tài sản cố định thuộc các Xí nghiệp chế biến.

- Các khoản nợ vay từ các tổ chức tín dụng đều được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trong các năm qua.
- Công ty không có phát sinh nợ phải trả quá hạn.
- Vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết: không có.

g. Các khoản nộp theo luật định

Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	695.587.196	748.148.816	1.921.081.148	2.240.078.828
Thuế thu nhập cá nhân	19.512.893	24.208.917	38.861.195	845.443.094
Thuế tài nguyên	6.365.640	5.787.044	6.655.600	6.318.800

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
Tiền thuê đất	659.145.779	659.145.779	659.145.779	659.145.779
Tổng cộng	1.380.611.508	1.437.290.556	2.624.723.322	3.750.986.501

Nguồn: BCKT năm 2023, 2024; BC soát xét quý II/2025; Quyết toán quý III năm 2025

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

h. Trích lập các quỹ

Việc trích lập và sử dụng các Quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, đảm bảo đáp ứng đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Số dư các Quỹ của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	30/09/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.370.328.375	1.886.718.273	2.952.893.222	2.951.612.090
Tổng cộng	2.370.328.375	1.886.718.273	2.952.893.222	2.951.612.090

Nguồn: BCKT năm 2023, năm 2024 và BCTC đã soát xét quý II/2025

- i. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,33	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,60	
Cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,86%	61,22%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	184,57%	157,88%	
Năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/TTS bình quân	Vòng	1,34	1,55	
+ DTT/TTS ngắn hạn bình quân	Vòng	1,70	1,93	
+ Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	Vòng	2,17	2,73	
Khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	4,34%	4,80%	

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
+ Hệ số LNST/TTS bình quân	%	5,84%	7,46%	
+ Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	16,57%	20,17%	
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng/cp	2.386	3.555	

Nguồn: BCKT năm 2023, năm 2024

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính năm 2023, năm 2024: không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện báo cáo kiểm toán năm 2023:

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện báo cáo kiểm toán năm 2024:

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	
				Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Vốn điều lệ	Đồng	97.485.790.000	97.485.790.000	0%
2	Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	684.349.494.111	806.000.000.000	17,78%
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35.759.592.745	36.000.000.000	0,67%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	
				Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	32.879.902.197	28.800.000.000	(12,41%)
5	LNST/Doanh thu thuần		4,8%	3,57%	(1,23%)
6	LNST/Vốn CSH bình quân (*)		20,17%	14,41%	(5,76%)
7	Tỷ lệ cổ tức		20%	15%	(5%)

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

(*) Ghi chú:

- $Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2025 = \frac{1}{2} * (Vốn chủ sở hữu năm 2024 + Vốn chủ sở hữu ước năm 2025)$.
- $Vốn chủ sở hữu ước năm 2025 = Vốn chủ sở hữu trên báo cáo kiểm toán năm 2024 - Cổ tức năm 2024 - trích quỹ khen thưởng năm 2024 + Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2025 + Giá trị phát hành thêm theo mệnh giá.$

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Các căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

- Tính đến 31/07/2025, Công ty đã ký kết hợp đồng đạt trên 90% kế hoạch doanh thu năm, kỳ vọng năm 2025 sẽ đạt được kế hoạch doanh thu đề ra.
- Để phòng tránh rủi ro, Công ty luôn đề cao đến chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa thị trường, nghiên cứu đầu tư Công nghệ chế biến chuyên sâu để sản xuất hàng GTGT, hàng ăn nhanh, tạo sự tiện ích cho người tiêu dùng.
- Về điều hành công việc: Tiếp tục rà soát, tiết giảm từng khoản chi phí nhằm đảm bảo tiết kiệm cao nhất; Bám sát, tập trung chủ động điều hành, giải quyết công việc một cách nhanh nhất có thể; Tăng cường sự chia sẻ và phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần: việc gì phối hợp giải quyết được thì giải quyết ngay để công việc trôi chảy và đạt hiệu quả cao nhất.
- Về tài chính: Theo dõi, phân tích tình hình để có dự báo, dự đoán chính xác về biên độ và thời điểm điều chỉnh tỷ giá USD/VNĐ của Ngân hàng Nhà nước, qua đó linh hoạt cân đối tỷ lệ vay giữa VNĐ và ngoại tệ để hạn chế lỗ tỷ giá. Cân đối, điều hành nguồn vốn hợp lý để vừa đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là đáp ứng cho việc thu hút nguyên liệu phục vụ sản xuất, vừa tiết giảm đến mức thấp nhất chi phí sử dụng vốn. Rà soát, tính toán xây dựng giá thành cho từng loại hoặc từng nhóm sản phẩm xác thực tế, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cân đối điều hành sản xuất kinh doanh;
- Về cơ sở vật chất, điều kiện sản xuất: Tăng cường rà soát, kiểm tra, tiến hành sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị (nếu

có nhu cầu) để đảm bảo sẵn sàng phục vụ cho sản xuất. Bố trí, điều chuyển trang thiết bị hợp lý, nhằm phát huy hết công dụng, công suất;

- Lĩnh vực quản lý sản xuất: Chủ động thu hút, tìm đối tác cung ứng nguyên liệu, thường xuyên quan hệ, liên hệ với các đại lý cung ứng trên bình diện rộng - từ trong tỉnh đến ngoài tỉnh để nắm thông tin kịp thời, đa chiều về giá, về chủng loại và sản lượng nguồn nguyên liệu, qua đó đưa ra chính sách thu hút nguyên liệu hợp lý và có lợi nhất; bố trí sắp xếp lực lượng sản xuất hợp lý để đạt được mức sản lượng sản xuất cao nhất; áp dụng triệt để các công cụ - chương trình quản lý chất lượng để giám sát, duy trì và chủ động kiểm soát về định mức và chất lượng sản phẩm đảm bảo thỏa mãn cho từng đối tượng khách hàng theo từng mức độ chất lượng khác nhau; hạn chế đến mức thấp nhất việc sản xuất dôi ra để tồn kho những mặt hàng khó tiêu thụ;
- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để mọi cấp quản lý sản xuất từ BGD xí nghiệp đến KCS, điều hành tổ... phải luôn luôn ý thức và ghi nhớ rằng: “Tiết kiệm trong sản xuất là rất lớn và là vô hạn”. Từ đó, mỗi người phải chủ động suy nghĩ mình phải làm gì để đem lại sự tiết kiệm, từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất: từ chống lãng phí nước lạnh, nước đá, hóa chất, que hàn, nhiên liệu, ánh sáng, thời gian, định mức & năng suất bằng chuyên hấp – bằng chuyên đông, định mức chế biến, hạn chế thành phẩm bị bể gãy, hạn chế hư hao gia vị dính kèm và bao bì đóng gói, sắp xếp bảo quản sản phẩm ngăn nắp, đúng quy định...;
- Lĩnh vực chất lượng sản phẩm: Đây là lĩnh vực cực kỳ quan trọng có tính chất quyết định đến sự sống còn và phát triển bền vững của Công ty, đặc biệt là khi Cộng đồng ASEAN đã chính thức được thành lập và Việt Nam cũng vừa tham gia ký kết hàng loạt các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi rất khắt khe về các tiêu chuẩn đối với hàng hóa... Qua đó cho thấy sự cần thiết và tầm quan trọng của việc duy trì và vận hành có hiệu quả một cách thực tế các chương trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn: ISO 9001:2015, ISO 22000:2018, HACCP, BRC, BAP, GMP, ASC, HALAL...tại các Xí nghiệp. Nếu có phát sinh sai lỗi, phải kịp thời tổng hợp báo cáo – phân tích – tìm ra nguyên nhân đích thực để có giải pháp khắc phục hiệu quả;
- Lĩnh vực kinh doanh: Nắm sát thị trường nguyên liệu để điều hành giá mua và ký kết đơn hàng phù hợp với cơ cấu thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất tăng năng suất, tăng sản lượng; nắm rõ các cơ hội, để đẩy mạnh công tác marketing nhằm tìm kiếm khách hàng và thị trường mới - tiềm năng - ổn định. Tính toán giá thành xác thực tế, chào giá bán hợp lý - cạnh tranh, tranh thủ ký bán được ổn định & nhiều đơn hàng để giải phóng hàng tồn kho, đẩy nhanh vòng quay vốn, đây cũng là điều kiện tiên quyết để sản xuất tăng được sản lượng;
- Lĩnh vực Môi trường: Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát,

nhằm đảm bảo việc vận hành, quản lý về môi trường luôn an toàn, tránh những tổn thất, thiệt hại về vật chất cũng như uy tín của Công ty đối với địa phương, ban ngành và khách hàng. Đây là lĩnh vực quan trọng, nếu không đảm bảo an toàn sẽ gây thiệt hại lớn về vật chất, đây cũng là tiêu chí quan trọng trong đánh giá tiêu chuẩn về “trách nhiệm xã hội” để bán hàng sang các thị trường phát triển, khi Việt Nam tham gia ký kết các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới;

- Về lao động: Giải pháp tốt nhất và bền vững nhất để thu hút lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất là phải đảm bảo sản xuất ổn định, tăng sản lượng chế biến, từng bước nâng cao và ổn định thu nhập cho người lao động. Lao động tương tác mật thiết với sản xuất, sản xuất có ổn định - lao động mới ổn định.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

- Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh, xu hướng phát triển trong tương lai của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cũng như khả năng tăng trưởng của ngành.
- Với nền tảng hiện tại của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và tiềm năng phát triển của ngành, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đưa ra trong năm 2025 là kế hoạch thận trọng dựa trên các định hướng phát triển của Công ty trong trung và dài hạn cũng như chiến lược kinh doanh trong năm nay. Vì vậy, chúng tôi nhận định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau có khả năng hoàn thành chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận nêu trên.
- Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập.

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 21/10/2004 theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn.

Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Thủy

sản Cà Mau:

Stt	Tên cổ đông	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
		Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	250.000	5,00%	5,07%	1.082.500	11,10%	11,70%	1.623.750	11,30%	11,70%
2	Bùi Nguyên Khánh	400.000	8,00%	8,12%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	365.736	5,46	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%
4	Phan Thị Ngọc Ánh	300.000	6,00%	6,09%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
5	Huỳnh Nhật Vũ	284.850	5,70%	5,78%	570.457	5,85%	6,17%	855.685	5,95%	6,17%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	500.000	10,00%	10,15%	970.000	9,95%	10,49%	1.455.000	10,12%	10,49%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Cổ đông lớn: Bùi Vĩnh Hoàng Chương.

- Họ và tên: Bùi Vĩnh Hoàng Chương.
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007): 250.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 1.082.500 cổ

phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 11,1% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.623.750 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 11,3% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007): 250.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 5,07% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 1.082.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 11,7% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.623.750 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 11,7% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Bùi Nguyên Khánh	Bố	400.000 (ngày 30/04/2007)	8,00%	8,12%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%
2	Phan Thị Ngọc Ánh	Mẹ	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Em gái	365.736 (ngày 30/06/2007)	5,46%	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ

phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: *Trình bày tại Mục 3.1 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị.*
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty và cổ đông lớn:

Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Tạm ứng tiền mua đất	2.065.844.887 đồng	Không có	Hội đồng Quản trị

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty và những người có liên quan của cổ đông lớn: không có.

- Cổ đông lớn: Bùi Nguyên Khánh.

- Họ và tên: Bùi Nguyên Khánh.
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 400.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 830.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,51% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.245.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,66% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 400.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,12% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 830.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,97% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.245.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,97% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Phan Thị Ngọc Ánh	Vợ	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
2	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con	250.000 (ngày 30/04/2007)	5,00%	5,07%	1.082.500	11,10%	11,70%	1.623.750	11,30%	11,70%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Con	365.736 (ngày 30/06/2007)	5,46%	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: Trình bày tại Mục 3.1 Sơ yếu lý lịch Hội đồng Quản trị.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.
- Cổ đông lớn: Bùi Phan Hoàng Anh.
 - Họ và tên: Bùi Phan Hoàng Anh.
 - Năm sinh: 1988
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày

30/06/2007) : 365.736 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,46% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 730.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,49% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.095.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,62% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/06/2007) : 365.736 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,00% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 730.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,89% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.095.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,89% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Bùi Nguyên Khánh	Bố	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%
2	Phan Thị Ngọc Ánh	Mẹ	250.000 (ngày 30/04/2007)	5,00%	5,07%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
3	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Anh trai	250.000 (ngày 30/04/2007)	5,00%	5,07%	1.082.500	11,1%	11,7%	1.623.750	11,3%	11,7%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ

cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: lương, thưởng của vị trí Giám đốc kinh doanh Công ty.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.
- Cổ đông lớn: Phan Thị Ngọc Ánh.
 - Họ và tên: Phan Thị Ngọc Ánh.
 - Năm sinh: 1958
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 300.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 6,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 700.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,18% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.050.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,31% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 300.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,09% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 700.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,57% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.050.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,57% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (**)
1	Bùi Nguyên Khánh	Chồng	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%
2	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con	250.000 (ngày 30/04/2007)	5,00%	5,07%	1.082.500	11,10%	11,70%	1.623.750	11,30%	11,70%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Con	365.736 (ngày 30/06/2007)	5,46%	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: Trình bày tại Mục 3.3 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.
- Cổ đông lớn: Huỳnh Nhật Vũ.
 - Họ và tên: Huỳnh Nhật Vũ.
 - Năm sinh: 1977
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày

30/04/2007): 284.850 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,70% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 570.457 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,85% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 855.685 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,95% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 284.850 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 5,78% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 570.457 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,17% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 855.685 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,17% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Huỳnh Văn Long	Bố	Không có			122.542	1,25%	1,32%	183.813	1,28%	1,32%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: Trình bày tại Mục 3.1 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh

doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

- Cổ đông lớn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
 - Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
 - Năm thành lập: 1999
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100956399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25/03/2024.
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
 - Vốn điều lệ : 722.339.370.000 đồng.
 - Người đại diện theo pháp luật: ông Nhữ Đình Hoà - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
 - Người đại diện theo uỷ quyền tại Công ty: không có.
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007): 500.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 10,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 970.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,95% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.455.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 10,12% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 500.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 10,15% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 970.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 10,49% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.455.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 10,49% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan: Không có.
 - Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: cổ tức hàng năm.
 - Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh

doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

3.1 Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ 2022-2027

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách
4	Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT
5	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT
6	Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT
7	Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT

Hiện nay, Công ty chưa có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

a. Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Vĩnh Hoàng Chương
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 46D Chung cư Bình Thới, phường Bình Thới, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ 2007-05/2008	Cán bộ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
06/2008-12/2011	Phó trưởng phòng nghiệp vụ kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
01/2012-07/2018	Trưởng phòng nghiệp vụ kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
08/2018-07/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
08/2020-nay	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 250.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 1.082.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 11,1% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.623.750 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 11,3% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 250.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 5,07% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 1.082.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 11,7% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.623.750 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 11,7% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan:

T.C.P
 MAU

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Bùi Nguyên Khánh	Bố	400.000 (ngày 30/04/2007)	8,00%	8,12%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
2	Phan Thị Ngọc Ánh	Mẹ	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Em gái	365.736 (ngày 30/06/2007)	5,46%	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty tại thời điểm gần nhất (danh sách cổ đông ngày 29/08/2025):

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên VDL	Tỷ lệ % trên số cổ phần đang lưu hành	Người nội bộ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
1	Bùi Nguyên Khánh	Bố	830.000	8,51%	8,97%	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách
2	Phan Thị Ngọc Ánh	Mẹ	700.000	7,18%	7,57%	Phó Tổng Giám đốc
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Em gái	730.000	7,49%	7,89%	Giám đốc kinh doanh

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương:

Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Tạm ứng tiền mua đất	2.065.844.887 đồng	Không có	Hội đồng Quản trị

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	283.916.000	335.821.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương đang có tạm ứng 2.065.844.887 đồng để mua đất xây nhà xưởng theo uỷ quyền của Hội đồng Quản trị.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

b. Ông Nguyễn Văn Khánh - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khánh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 357/14 CMT8, phường Hoà Hưng, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế - Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ 2006-2008	Phó phòng tư vấn TCDN Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn
2008-2011	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
2008-2018	Trưởng phòng tư vấn TCDN Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
2019-2022	Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
	khoán Bảo Việt
2023-nay	Giám đốc tư vấn TCDN Phụ trách Khu Vực Phía Nam
2012-nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
06/2020-nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp Phụ trách khu vực Phía Nam - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Nguyễn Văn Khánh: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Nguyễn Văn Khánh: không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
 - Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.
- c. Ông Bùi Nguyên Khánh - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách

- Họ và tên: Bùi Nguyên Khánh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 46D Chung cư Bình Thới, phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán - Ngoại thương
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1983-1984	Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh Cửu Long
1984-1987	Nhân viên, phó phòng, trưởng phòng kế hoạch Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
1987-1990	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Liên hiệp Thủy sản Vùng I, Minh Hải
1990-2004	Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
2004-07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
08/2020-06/2025	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
06/2025-nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 400.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 830.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,51% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.245.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 8,66% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 400.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,12% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông

gần nhất: 29/08/2025): 830.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,97% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.245.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 8,97% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (**)
1	Phan Thị Ngọc Ánh	Vợ	300.000 (ngày 30/04/2007)	6,00%	6,09%	700.000	7,18%	7,57%	1.050.000	7,31%	7,57%
2	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con	250.000 (ngày 30/04/2007)	5,00%	5,07%	1.082.500	11,10%	11,70%	1.623.750	11,30%	11,70%
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Con	365.736 (ngày 30/06/2007)	5,46%	6,00%	730.000	7,49%	7,89%	1.095.000	7,62%	7,89%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***) : căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(***): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty tại thời điểm gần nhất (ngày chốt danh sách cổ đông 29/08/2025);

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên VDL	Tỷ lệ % trên số cổ phần đang lưu hành	Người nội bộ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
1	Phan Thị Ngọc Ánh	Vợ	700.000	7,18%	7,57%	Phó Tổng Giám đốc
2	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con trai	1.082.500	11,1%	11,7%	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Con gái	730.000	7,49%	7,89%	Giám đốc kinh doanh

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Bùi Nguyên Khánh: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Bùi Nguyên Khánh:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con	Tạm ứng tiền mua đất	2.065.844.887 đồng	Không có	Hội đồng Quản trị

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	337.009.800	383.027.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

d. Ông Nguyễn Hồng Đức – Thành viên Hội đồng Quản trị (không điều hành)

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Đức
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: số 69 đường Lê Quốc Hưng, Khu phố 5, Phường Xóm Chiếu, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1976-1982	Nhân viên Nông trường quốc doanh mía đường Dương Minh Châu – Tây Ninh
1983-1989	Lao động tự do – bán hải sản
1990-1993	Trợ lý Giám đốc Công ty Việt Hải
1993-2003	Phó Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Hai Thanh
2003-2012	Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm xuất khẩu Hai Thanh
2013-nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thực phẩm xuất khẩu Hai Thanh
2004-nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thực phẩm xuất khẩu Hai Thanh.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 319.140 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 3% so với vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 319.140 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 3,45% so với số cổ phần đang lưu hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Nguyễn Hồng Đức: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và

chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Nguyễn Hồng Đức: không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:
 - Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thực phẩm xuất khẩu Hai Thanh
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp: Sản xuất, gia công, chế biến thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
 - Mối quan hệ của cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp:
 - Giá trị vốn góp, tỷ lệ sở hữu của ông Nguyễn Hồng Đức với doanh nghiệp: 25.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50%.
 - Giá trị vốn góp, tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan của ông Nguyễn Hồng Đức với doanh nghiệp: 25.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50%.

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Minh Triết	Con trai	12.500.000.000	25%
2	Nguyễn Thị Trúc Giang	Con gái	12.500.000.000	25%

- Chức vụ đang nắm giữ: chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Thực hiện theo Quy định về việc Quản trị công ty đại chúng như sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá

nhân khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e. Ông Bùi Thế Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Bùi Thế Hùng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 21/2 Lâm Thành Mậu, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1992-1999	Nhân viên Công ty Camimex
1999-2004	Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
2004-2007	Nhân viên Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2007-2014	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước
2004-nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2014-nay	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: thành viên HĐQT kiêm trợ lý Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 90.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 0,92% so với vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 90.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 0,97% so với số cổ phần đang lưu hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan tại thời điểm hiện tại (ngày chốt danh sách cổ đông 29/08/2025):

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên VDL	Tỷ lệ % trên số cổ phần đang lưu hành	Người nội bộ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
1	Cao Thị Ngọc Xuân	Vợ	69.199	0,71%	0,75%	Không

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Bùi Thế Hùng: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Bùi Thế Hùng: không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	221.285.000	253.183.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

f. Ông Huỳnh Nhật Vũ - Thành viên Hội đồng Quản trị (không điều hành)

- Họ và tên: Huỳnh Nhật Vũ
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 144 Nguyễn Văn Cừ, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2000-nay	Trưởng phòng kế hoạch Công ty Điện lạnh Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn
2004-2012	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2012-nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: thành viên HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng phòng kế hoạch Công ty Điện lạnh Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 284.850 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,70% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 570.457 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,85% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần

nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 855.685 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 5,95% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 284.850 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 5,78% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 570.457 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,17% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 855.685 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,17% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)
1	Huỳnh Văn Long	Bố	Không có			122.542	1,25%	1,32%	183.813	1,28%	1,32%

(*): số lượng cổ phiếu nắm giữ và số lượng cổ phiếu biểu quyết bằng nhau.

(**): tỷ lệ biểu quyết được tính trên số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (không bao gồm số lượng cổ phiếu quỹ).

(***): căn cứ theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 29/08/2025.

(****): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Huỳnh Nhật Vũ: không có.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Huỳnh Nhất Vũ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

g. Ông Lê Thanh Phương - Thành viên Hội đồng Quản trị (không điều hành)

- Họ và tên: Lê Thanh Phương
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 15 đường Nguyễn Bình, khu đô thị Tài Lộc, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
01/2021-12/2010	Cán bộ phụ trách xây dựng cơ bản Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
01/2011-nay	Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hưng Long
03/2017-nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hưng Long
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 128.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 1,32% so với vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 128.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 1,39% so với số cổ phần đang lưu hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Lê Thanh Phương: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Lê Thanh Phương: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	48.000.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát Nhiệm kỳ 2022-2027

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Vũ Hà Nam	Thành viên Ban kiểm soát

a. Ông Đặng Chiến Thắng - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đặng Chiến Thắng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: khóm 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1990-1991	Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tổng hợp huyện Đầm Dơi
1992-10/1997	Nhân viên kế toán Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
10/1997-01/1999	Phó phòng kế toán Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
02/1999-04/2003	Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
05/2003-10/2004	Phó Giám đốc Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
2004-2012	Phó Giám đốc Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2012-2015	Giám đốc Xí nghiệp chế biến mặt hàng mới, thuộc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2015-nay	Giám đốc Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi, thuộc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2015-04/2020	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
04/2020-nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 54.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 0,56% so với vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 54.500 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 0,59% so với số cổ phần đang lưu hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ

của Công ty: không có.

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Đặng Chiến Thắng: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Đặng Chiến Thắng: không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	36.000.000	48.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	260.019.800	282.586.800

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

b. Ông Đỗ Hữu Duy - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Họ và tên: Đỗ Hữu Duy
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Kênh Xáng Bạc Liêu, phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học QTKD
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
08/2005-07/2010	Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm - Xí nghiệp Chế biến Mặt Hàng Mới, thuộc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
08/2010-12/2013	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
01/2014-nay	Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
04/2023-nay	Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
	Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Đỗ Hữu Duy: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Đỗ Hữu Duy: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	18.000.000	36.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	157.425.500	189.961.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c. Ông Vũ Hà Nam - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Họ và tên: Vũ Hà Nam
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 143 Lô C3 Tổ 4, Đại Kim - Định Công, phường Định Công, Tp. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2006 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên phòng đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Vũ Hà Nam: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao (đồng)	Không có	Không có
Tiền lương, thưởng (đồng)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
2	Ông Tô Tần Hoài	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Trần Trọng Tài	Kế toán trưởng

a. Ông Bùi Nguyên Khánh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Xem chi tiết mục 3.1.c

b. Ông Tô Tần Hoài - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Tô Tần Hoài
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 159 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách khoa – Khoa Hoá kỹ thuật thực phẩm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1992-2004	Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
2004-06/2005	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
06/2005-nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 150.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 1,54% so với vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 150.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 1,62% so với số cổ phần đang lưu hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại

diện theo uỷ quyền: không có.

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Tô Tấn Hoài: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Tô Tấn Hoài: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Tiền lương, thưởng (đồng)	285.610.400	337.515.900

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c. Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Xem chi tiết mục 3.1.a

d. Bà Phan Thị Ngọc Ánh - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phan Thị Ngọc Ánh
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 46D Chung cư Bình Thới, phường Bình Thới, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật viên/kiểm nghiệm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1982-2004	Cán bộ khoa xét nghiệm bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau
2004-03/2017	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
	Thủy sản Cà Mau
03/2017-nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân:
 - Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 300.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 6,00% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 700.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,18% so với vốn điều lệ. Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 1.050.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,31% so với vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 30/04/2007) : 300.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 6,09% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ở thời điểm hiện tại (tại ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất: 29/08/2025): 700.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,57% so với số cổ phần đang lưu hành. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán: 1.050.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết 7,57% so với số cổ phần đang lưu hành dự kiến sau đợt chào bán.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan:

Stt	Tên cổ đồng	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đồng lớn			Tại thời điểm hiện tại (***)			Dự kiến sau đợt chào bán (****)		
			Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ số hữu trên VDL	Tỷ lệ biểu quyết (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ số hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (% (**)	Số lượng cổ phiếu (*)	Tỷ lệ số hữu trên VDL (%)	Tỷ lệ biểu quyết (% (**)
1	Bùi Nguyễn Khánh	Chồng	400.000 (ngày 30/04/2007)	8,00%	8,12%	830.000	8,51%	8,97%	1.245.000	8,66%	8,97%
2	Bùi Vĩnh Hoàng	Con	250.000 (ngày	5,00%	5,07%	1.082.500	11,10%	11,70%	1.623.750	11,30%	11,70%

(***): Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến tạm tính với giả định Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của họ trước đợt chào bán.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty ở thời điểm hiện tại (ngày chốt danh sách cổ đông 29/08/2025):

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên VDL	Tỷ lệ % trên số cổ phần đang lưu hành	Người nội bộ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
1	Bùi Nguyên Khánh	Chồng	830.000	8,51%	8,97%	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách
2	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con trai	1.082.500	11,1%	11,7%	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Bùi Phan Hoàng Anh	Con gái	730.000	7,49%	7,89%	Giám đốc kinh doanh

- Trang 95

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của bà Phan Thị Ngọc Ánh:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Con	Tạm ứng tiền mua đất	2.065.844.887 đồng	Không có	Hội đồng Quản trị

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Tiền lương, thưởng (đồng)	262.486.000	309.700.950

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

e. Ông Trần Trọng Tài - Kế Toán Trưởng

- Họ và tên: Trần Trọng Tài
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 97A Lý Văn Lâm, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng, chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2005-2017	Nhân viên kế toán, phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2018-nay	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân: không có.

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền: không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: không có.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với ông Trần Trọng Tài: không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với những người có liên quan của ông Trần Trọng Tài: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2023	Năm 2024
Tiền lương, thưởng (đồng)	284.429.600	333.065.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu (Bằng chữ: mười ngàn đồng một cổ phiếu).

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 4.624.587 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 50% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 46.245.870.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Nguyên tắc tính giá:

Căn cứ nhu cầu vốn của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và bảo vệ lợi ích cổ đông, cũng như đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức vào ngày 05/04/2025 đã thông qua giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2025.

Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí và danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối:

- Đây là đợt chào bán cổ phiếu không có bảo lãnh phát hành.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới).
- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do VSDC lập.
- Phương thức chào bán: cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ không được tính.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 271 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $271 \times \frac{1}{2} = 135,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 135 cổ phiếu.

- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Căn cứ theo Nghị quyết

HĐQT số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025 và Nghị quyết HĐQT số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025, số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được xử lý như sau:

- Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí và danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.
- HĐQT khi thực hiện bán số cổ phần không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác (được Hội đồng Quản trị lựa chọn) phải đảm bảo rằng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó sau khi được phân phối sẽ không đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán.
- Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết được HĐQT bán cho các nhà đầu tư theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 thì HĐQT sẽ tổ chức đại hội để thông qua Nghị quyết ĐHCĐ trước khi thực hiện bán.
- Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu phát hành thêm:
 - Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
 - Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng Quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không quy định.
- Thời hạn: sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau sẽ thông báo thời gian chốt danh sách cổ đông và đăng ký mua cụ thể cho cổ đông hiện hữu tại bản Thông báo chào bán cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Phương thức đăng ký và thanh toán: cổ đông đăng ký mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong toả của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau theo nội dung tại Mục 11 - Phần

VII Bản cáo bạch này.

- Với cổ đông đã lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán, nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Địa chỉ: số 8 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Phương thức xử lý trong trường hợp cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: không quy định.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến được thực hiện theo trình tự sau:

S/tt	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	D
2	Thông báo cho VSDC về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	D+3
3	Công bố thông tin việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+3 đến D+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D+13
5	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có)	D+21 đến D+32
6	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D+21 đến D+36
7	VSDC gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+43
8	HĐQT phân phối cổ phiếu còn lại (nếu có)	D+44 đến D+52
9	Báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN	D+53 đến D+56
10	Thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm	D+60 đến D+80
11	Giao dịch cổ phiếu phát hành thêm	D+90

Ghi chú: ngày D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau thông báo chính thức sau khi Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu do UBCKNN cấp.

Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong thời gian này,

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau sẽ xin UBCKNN xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Chuyển giao cổ phiếu: Sau khi Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phát hành thêm tại trụ sở của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau hoặc bổ sung thông tin vào sổ cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã được Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cấp.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng Quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng: Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần, bên nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Số tài khoản: 8610060478
- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- Tên tài khoản: 780-BIDV-CTY CP THUY SAN CA MAU.
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- Địa chỉ: Số 05A, An Dương Vương, Phường 7, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Nay là Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau:

Không có.

13. Huỷ bỏ đợt chào bán:

Không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:

- Căn cứ văn bản số 2002/UBCK-PTTT ngày 29/05/2025 về việc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau theo danh sách cổ đông do VSDC chốt tại thời điểm gần nhất, ngày 29/08/2025, là: 0,51%.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025: HĐQT thông qua việc cam kết đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49% trong quá trình triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Đối với đợt chào bán này, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Trường hợp phát sinh cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, HĐQT sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp có phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài HĐQT cam kết sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không quá 49% theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan:

- Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: thực hiện theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 và các văn bản hướng dẫn (áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau có nghĩa vụ nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Thuế Giá trị gia tăng: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật thuế hiện hành.
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau kê khai và nộp thuế theo thông báo của cơ quan Hải Quan.
- Đối với các loại thuế khác: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tuân thủ theo luật thuế và các chính sách về thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

16. Thông tin về các cam kết:

- Cổ phiếu CAT đã được giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán UPCOM, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cam kết tuân thủ quy định pháp luật về việc đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Sàn chứng khoán UPCOM) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cam kết *“không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích”* theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không thực hiện chào bán các loại chứng khoán khác cùng đợt với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Bản cáo bạch này.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2025:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, dự kiến 46.245.870.000 đồng, sẽ phục vụ cho nhu cầu thanh toán các khoản vay đến hạn và bổ sung nguồn vốn lưu động kinh doanh hoặc bổ sung nguồn vốn đầu tư Dự án xây dựng Kho lạnh 3800 pallet, Khu nhà Văn phòng Công ty tại số 08 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là số 08 đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau).

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thứ tự ưu tiên các khoản mục sử dụng tiền từ đợt chào bán nêu trên; quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, thời điểm giải ngân cụ thể, phù hợp để sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thứ tự ưu tiên việc sử dụng vốn cho từng mục đích cho đến khi hết số tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc Hội đồng Quản trị có thể xem xét huy động các nguồn vốn khác để bổ sung tài trợ cho mục đích chào bán.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025 và Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025, theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán

dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau. Cụ thể như sau:

Ngân hàng	Mối quan hệ với CAT và người có liên quan	Hợp đồng vay	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Không có	01/2025/1323780/HĐTĐ ngày 08/04/2025	46.245.870.000	Quý IV năm 2025 - Quý I/2026

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025 và Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025, theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Giá trị hợp đồng (đồng)	Mục đích vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Dư nợ còn phải thanh toán (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	01/2025/1323780/HĐTĐ ngày 08/04/2025	140.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, chiết khấu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	- Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 15/3/2026. - Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	93.010.784.955	46.245.870.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến, Hội đồng Quản trị sẽ thanh toán nợ vay theo số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

• TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3A, Toà nhà L'Mak The Signature, 147-147Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hoà, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38275026

• TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: số 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3914 6888

Fax: (028) 3914 7999

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Nghị quyết HĐQT số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025 và Nghị quyết HĐQT số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025, Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau thực hiện đăng ký chào bán 4.624.587 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá là 46.245.870.000 với mục đích thanh toán lãi vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.624.587 cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với mức giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 44% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 (17.796 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 43% so với giá cổ phiếu đang được giao dịch trên thị trường chứng khoán của Công ty tại thời điểm tiến hành triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu (17.500 đồng/cổ phiếu tại ngày 29/08/2025).

Với dấu hiệu phục hồi tích cực và triển vọng phát triển ổn định trong dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam cùng với khả năng duy trì lợi nhuận của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trong những năm qua, Tổ chức tư vấn nhận thấy rằng khả năng hoàn thành đợt chào bán của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau có thể hoàn thành đúng kế hoạch.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

(phần dưới đây được để trống, vui lòng xem trang sau)

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Cà Mau, ngày 14 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

CHỦ TỊCH HĐQT

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**



BÙI VĨNH HOÀNG CHƯƠNG

BÙI NGUYỄN KHÁNH

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN TRỌNG TÀI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

PHỤ TRÁCH KHU VỰC PHÍA NAM



NGUYỄN VĂN KHÁNH

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 11/08/2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp ngày 15/04/2025.
2. Phụ lục II: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2025.
3. Phụ lục III: Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua phương án chào bán:
 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025 về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu, phương án sử dụng vốn, phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 200/NQ-HĐQT ngày 12/09/2025 về việc thông qua một số nội dung liên quan đến phương án chào bán cổ phiếu.
4. Phụ lục IV: Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021; Phụ lục sửa đổi Điều lệ ngày 01/04/2023.
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.
 - Báo cáo tài chính năm 2024.
 - Báo cáo tài chính đã soát xét quý II/2025.
 - Báo cáo tài chính quý III/2025.
6. Phụ lục VI: tài liệu khác.
 - Nghị quyết HĐQT 70/QĐ-HĐQT ngày 11/06/2025 về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách.
 - Nghị quyết HĐQT số 195/NQ-HĐQT ngày 03/09/2025 về việc phân công nhiệm vụ của Phó Tổng Giám đốc phụ trách.

(Phần dưới đây được bỏ trống, hết nội dung Bản cáo bạch)





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2000105020

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 10 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 11 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THỦY SẢN CÀ MAU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEAPRIMEXCO-VIETNAM

Tên công ty viết tắt: SEAPRIMEXCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: 0290.3831615; 0290.3831230

Số Fax: 0290.3831861

Thư điện tử: sales@seaprimexco.com

Website: www.seaprimexco.com

3. Vốn điều lệ: 97.485.790.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.748.579

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: BÙI NGUYỄN KHÁNH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 14/05/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 075060005011



Lê Quốc Dương

Chức danh: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Địa chỉ liên lạc: D16 Khu biệt thự Thủ Đức Garden Home, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: BÙI VINH HOÀNG CHƯƠNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 26/08/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 074083000081

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: D16 Khu biệt thự Thủ Đức Garden Home, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

11

11



Cà Mau, ngày 15 tháng 04 năm 2025

Số:



5451/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Cà Mau*

Địa chỉ trụ sở: *Số 120, Phan Ngọc Hiển, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam*

Điện thoại: 0290 2220077 Fax:

Email: *dkkd.camau@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP THỦY SẢN CÀ MAU

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2000105020

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
2	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nội địa, sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại địa chỉ trụ sở chính)	0322
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
4	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản. Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu.	1020(Chính)
5	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá.	3530
6	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8	Bán mô tô, xe máy	4541
9	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Bán buôn tổng hợp Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.	4690
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Ngoại trừ: đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.	6810
16	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.	4719
17	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải. Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.	3099
18	(Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY CP THỦY SẢN CÀ MAU.

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1118, quyền số: 01 -SCT/BS
- Lưu: Dương Bích Tuyên..... 10-09-2025



Lê Quốc Dương

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thanh Tuấn

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội quy định về Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội quy định về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021;

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Thủy sản Cà Mau, ngày 05 tháng 4 năm 2025.

Tổng số cổ đông tham dự đại hội sở hữu và đại diện sở hữu: 6.236.324 cổ phần tương đương 67,43% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất quyết nghị thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thủy sản Cà Mau năm 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Thông qua số liệu thực hiện một số chỉ tiêu SXKD cơ bản năm 2024.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1. <u>Tổng sản lượng thành phẩm SX</u>	Tấn	4.581
Trong đó:		
- Sản xuất từ nguyên liệu	Tấn	3.827
- Sản xuất từ bán thành phẩm	Tấn	754
2. <u>Tổng sản lượng tiêu thụ</u>	Tấn	4.391
3. <u>Tổng doanh thu bằng VND</u>	Đồng	684.349.494.111
4. <u>Kim ngạch xuất khẩu</u>	USD	26.543.571
5. <u>Lợi nhuận trước thuế TNDN</u>	Đồng	35.759.592.745
6. <u>Đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị</u>	Tỉ đồng	8,023

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

2. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD cơ bản năm 2025.

* Sản xuất hàng thủy sản:

Đơn vị: Tấn

DIỄN GIẢI / ĐƠN VỊ	Xí nghiệp MHM	Xí nghiệp Đầm Dơi	Xí nghiệp Sông Đốc	Toàn Công ty
- Tôm đông các loại	1.200	1.200	0	2.400
- Surimi (chả cá)	0	0	3.000	3.000
Tổng cộng	1.200	1.200	3.000	5.400

* Sản lượng tiêu thụ, tổng DT, kim ngạch XK, tiêu thụ trong nước và lợi nhuận:

Chỉ tiêu	ĐVT	Chính thức
+ Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.790
+ Tổng DT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	806.000.000.000
+ Kim ngạch xuất khẩu	USD	30.000.000
+ Tiêu thụ trong nước	USD	1.000.000
+ Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	36.000.000.000

* Kế hoạch đầu tư XDCB và máy móc thiết bị:

TT	Công trình/ hạng mục đầu tư	Khái toán (Triệu VNĐ)	Ghi chú
1	Xây dựng Nhà văn phòng làm việc Công ty tại số 8 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau	10.000	Chuyển tiếp
2	Xây dựng Kho lạnh 3.800 pallet tại số 8 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau	40.000	Chuyển tiếp
3	Mua mới 02 máy phân cỡ đĩa cho XN MHM	730	
4	Nâng cấp hệ nội bộ XN.MHM	2.000	
5	Nâng cấp, bố trí lại line sản xuất phân xưởng 196 - XN.MHM, kết nối với kho lạnh 3.800 pallet	5.000	
6	Mua mới băng chuyền tải đông 500kg/h (bao gồm máy nén, dàn ngưng) cho XN. Đầm Dơi	4.000	
7	Nâng cấp Khu chế biến, phân cỡ và nhà giặt ủ XN.Đầm Dơi	1.500	
8	Sửa chữa nhà ở tập thể công nhân và nâng nền nội bộ cho XN. Đầm Dơi	500	
9	Nâng cấp và mua mới thiết bị dây chuyền sản xuất Surimi cho XN. Sông Đốc	1.500	
	TỔNG CỘNG	65.230	

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

3. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024.

Qua phần trình bày Báo cáo Tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam của Kế toán trưởng Công ty.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024.

Qua phần trình bày Báo cáo kết quả đánh giá, giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2024 của Đại diện Ban kiểm soát Công ty.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2024.

Qua phần trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 của Chủ tịch HĐQT Công ty.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

6. Thông qua Phương án chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.

6.1. Phương án chia cổ tức năm 2024.

- Tên Chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
- Mã Chứng khoán: CAT
- Tổng số lượng cổ phiếu: 9.748.579 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.249.173 CP
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 499.406 CP
- Tỷ lệ chi trả: **20%** (tương đương 2.000 đồng/CP)
- Tổng giá trị chi trả cổ tức dự kiến: $9.249.173 \text{ CP} \times 2.000 \text{ đồng} = 18.498.346.000$ đồng
- Nguồn chi trả: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.
- Hình thức chi trả: Toàn bộ bằng tiền.
- Thời gian thực hiện chi trả: Sau khi có danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSDC).
- Đối tượng chi trả: Cổ đông hiện hữu theo danh sách nêu trên của CNVSDC.

- Phương thức chi trả: thực hiện tương tự như đã chi trả cổ tức năm 2023.
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc: Quyết định các phương án chi tiết chi trả cổ tức.

6.2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.

Qua phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả cổ tức năm 2025: Dự kiến **15%** (Mười lăm phần trăm).

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

7. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán, như sau:

Chi tiết Phương án chào bán:

1. Tên cổ phiếu chào bán:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2. Mã cổ phiếu giao dịch:	CAT
3. Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
4. Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
5. Loại tiền phát hành:	Việt Nam đồng
6. Vốn điều lệ hiện nay:	97.485.790.000 đồng
7. Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán: Trong đó: - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: - Số lượng cổ phiếu quỹ:	9.748.579 cp 9.249.173 cp 499.406 cp.
8. Đối tượng, phương thức và tỷ lệ chào bán:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
9. Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
10. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	4.624.587 cp
11. Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá:	46.245.870.000 đồng
12. Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán:	- Phương thức làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

	Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ không được tính. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 271 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $271 * 1/2 = 135,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 135 cổ phiếu. - Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí và danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:	Các cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần, bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
14. Hạn chế chuyển nhượng:	- Số cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. - Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
15. Thời gian dự kiến thực hiện:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật.
16. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi chào bán dự kiến: Trong đó cổ phiếu quỹ:	14.373.166 cp. 499.406 cp.

17. Tổng vốn điều lệ sau khi chào bán dự kiến:	143.731.660.000 đồng.
18. Mục đích chào bán:	Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, dự kiến 46.245.870.000 đồng, sẽ phục vụ cho nhu cầu thanh toán các khoản vay đến hạn và bổ sung nguồn vốn lưu động kinh doanh hoặc bổ sung nguồn vốn đầu tư Dự án xây dựng Kho lạnh 3800 pallet, Khu nhà Văn phòng Công ty tại số 08 Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thứ tự ưu tiên các khoản mục sử dụng tiền từ đợt chào bán nêu trên; quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, thời điểm giải ngân cụ thể, phù hợp để sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thứ tự ưu tiên việc sử dụng vốn cho từng mục đích cho đến khi hết số tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc Hội đồng Quản trị có thể xem xét huy động các nguồn vốn khác để bổ sung tài trợ cho mục đích chào bán.
19. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến phát hành:	Sau khi Công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng. Việc tăng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu pha loãng. Một số ảnh hưởng pha loãng thường gặp: (i) Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS; (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền. (i) Về thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS: $EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phần lưu hành bình quân}}$ EPS năm 2024 theo Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty là 3.555 đồng. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một số lượng cổ phần lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số tiền mà Công ty huy động được trong đợt chào bán này để đầu tư phát triển kinh

doanh và lợi nhuận thu được từ việc đầu tư phát triển kinh doanh đó.

(ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu/(Số lượng cổ phiếu đã phát hành – cổ phiếu quỹ).

Tại thời điểm 31/12/2024, Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty là: 17.796 đồng.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

(iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết: Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Giá cổ phiếu CAT sẽ bị điều chỉnh theo quy định tại ngày giao dịch không hưởng quyền trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán.

Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

Trong đó:

P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng.

P_{t-1} : giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng.

I_R : tỷ lệ vốn tăng.

P_R : giá phát hành cổ phần mới.

- Tham khảo:

P_{t-1} : giá sử, giá cổ phiếu CAT trước ngày giao dịch

chưa

	không hưởng quyền là 22.000 đồng/cổ phiếu. P_R: giá phát hành cổ phần mới là 10.000 đồng/cổ phiếu. I_R: tỷ lệ vốn tăng là 50% (tỷ lệ 2:1). P: giá tham chiếu của cổ phiếu CAT trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là: $P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{22.000 + (50\% \times 10.000)}{1 + 50\%}$ = 18.000 đồng/cổ phiếu.
20. Đăng ký chứng khoán bổ sung và Đăng ký giao dịch bổ sung:	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn chứng khoán UPCOM) trong thời hạn một năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.
21. Chào mua công khai:	Đồng ý cho nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.
22. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
23. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Triển khai thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Người đại diện theo pháp luật thực hiện:

- Chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có liên quan;

- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông;
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành để đảm bảo đợt chào bán thành công, đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước hoặc tình hình thực tế tại Công ty đảm bảo đúng quy định pháp luật;
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định;
- Ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu liên quan đến việc chào bán;
- Thực hiện thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Chỉ đạo thực hiện việc nộp hồ sơ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quyết định và thực hiện tất cả các vấn đề, thủ tục cần thiết khác để thực hiện và hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu nêu trên.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

8. Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát.

Căn cứ khoản 2 và 3, Điều 28 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và qua xem xét Tờ trình của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thống nhất tổng mức thù lao của HĐQT trong năm 2024 là: 420.000.000 đồng, tức là 5.000.000đ/người/tháng. Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT người quản trị công ty thực tế là: 168.000.000 đồng, mức cụ thể: Trưởng ban kiểm soát, Thư ký HĐQT người quản trị công ty: 4.000.000đ/người/tháng, Kiểm soát viên: 3.000.000đ/người/tháng. Tổng các khoản thù lao là: 588.000.000 đồng.

Trong đó:

- Tổng mức thù lao của 03 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát cùng Thư ký HĐQT người quản trị công ty là 348.000.000 đồng được hạch toán vào chi phí.
- Tổng mức thù lao của 04 thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý doanh nghiệp là 240.000.000 đồng được khấu trừ vào lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 99,9% tán thành; 0% không tán thành; 0,01% không có ý kiến.

9. Trích một phần lợi nhuận sau thuế lập quỹ khen thưởng.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024. Sau khi xem xét nguồn quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty, để tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành có nguồn chi trong những trường hợp cần thiết, khen thưởng cuối năm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất cho trích: **6%** từ lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2024 cho quỹ khen thưởng công ty; trích **2%** từ lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2024 cho quỹ khen thưởng đột xuất của HĐQT.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 99,9% tán thành; 0% không tán thành; 0,01% không có ý kiến.

10. Thưởng vượt chỉ tiêu về lợi nhuận cho cán bộ cấp cao.

10.1. Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/03/2024, thống nhất trích thưởng mức vượt chỉ tiêu về lợi nhuận cho cán bộ cấp cao năm 2024 từ 15 - 20%/mức lợi nhuận vượt chỉ tiêu kế hoạch năm. Căn cứ kết quả mức lợi nhuận vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, ĐHĐCĐ thống nhất mức trích thưởng vượt chỉ tiêu về lợi nhuận cho cán bộ cấp cao năm 2024 là 15%.

10.2. Để cổ vũ, động viên, khuyến khích cán bộ quản lý cấp cao nâng cao hơn nữa vai trò quản lý, điều hành công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao và mang lại hiệu quả cao nhất có thể. Ngoài mức thưởng thông thường hằng năm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất cho trích thưởng mức vượt chỉ tiêu về lợi nhuận cho cán bộ cấp cao năm 2025 từ **15 - 20%/mức lợi nhuận vượt chỉ tiêu kế hoạch năm**. Về đối tượng và mức khen thưởng cụ thể, do Tổng Giám đốc xem xét, quyết định.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

11. Thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay, và định hướng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Đồng thời những ngành, nghề đề nghị điều chỉnh/hủy thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế hoặc chưa được tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài, nên họ không thể thực hiện giao dịch mua, bán cổ phiếu của Công ty trên thị trường Chứng khoán. ĐHĐCĐ thống nhất điều chỉnh/hủy ngành, nghề kinh doanh sau đây:

TT	Ngành, nghề trước điều chỉnh	Ngành, nghề sau điều chỉnh/đề nghị hủy
1	1020 (chính) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản	1020 (chính) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản. Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu.
2	0321 Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản (không sản xuất giống thủy sản tại địa chỉ trụ sở chính)	Đề nghị hủy
3	0322 Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản (không sản xuất giống, thủy sản tại địa chỉ trụ sở chính)	0322 Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nội địa, sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại địa chỉ trụ sở chính)
4	3099 Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải.	3099 Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải. Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.
5	4690 Bán buôn tổng hợp	4690 Bán buôn tổng hợp. Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.
6	4719 Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719 Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Ngoại trừ: thuốc lá và xì gà, sách, báo

chữ

		và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.
7	6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Ngoại trừ: đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Người đại diện theo pháp luật thực hiện:

- Thực hiện điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và thủ tục đăng ký sửa đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định, nhằm đảm bảo mở được room tiếp cận đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- Quyết định và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có liên quan để mở room tiếp cận đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 99,9% tán thành; 0% không tán thành; 0,01% không có ý kiến.

12. Chọn Công ty Kiểm toán độc lập.

Căn cứ điểm k, khoản 2, Điều 15, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thống nhất: Ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2025, với điều kiện đảm bảo được các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính và có lợi tiết kiệm chi phí nhất cho Công ty.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

13. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 05/03/2025, ông Nguyễn Viết Luận là thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP Thủy sản Cà Mau, nhiệm kỳ 2022 – 2027 đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thủy sản Cà Mau, vì lý do cá nhân. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc từ nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thông qua.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

14. Bầu cử bổ sung thành viên BKS Công ty, nhiệm kỳ 2022-2027:

Căn cứ kết quả bầu cử của ĐHĐCĐ, ông **Vũ Hà Nam** đã trúng cử vào BKS Công ty CP Thủy sản Cà Mau khóa V, nhiệm kỳ 2022-2027.

Tỉ lệ biểu quyết thông qua: 100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.

15. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội thường niên năm 2026.

Đại hội kết thúc lúc 12^h30' cùng ngày, Nghị quyết có đọc lại cho Đại hội cùng nghe và thống nhất thông qua.



Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa cuộc họp

Bùi Vĩnh Hoàng Chương



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 06 năm 2024



Bùi Nguyên Khánh

NUMBER 2 2000



2000

NGHỊ QUYẾT

V/v triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu,
phương án sử dụng vốn, phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CỔ PHẦN THUỶ SẢN CÀ MAU

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021 và Phụ lục sửa đổi Điều lệ ngày 01/04/2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 10/06/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2025, cụ thể như sau:

1. Tên cổ phần chào bán: cổ phần Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
2. Mã cổ phiếu: CAT.
3. Loại cổ phần chào bán: cổ phần phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
5. Loại tiền phát hành: Việt Nam Đồng.
6. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 97.485.790.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán: 9.748.579 cổ phiếu. Trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.249.173 cổ phiếu.



- Số lượng cổ phiếu quỹ: 499.406 cổ phiếu.
- 8. Đối tượng, phương thức và tỷ lệ chào bán: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
- 9. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 10. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 4.624.587 cổ phần.
- 11. Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 46.245.870.000 đồng.
- 12. Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán:
 - Phương thức làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ không được tính.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 271 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $271 * \frac{1}{2} = 135,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 135 cổ phiếu.
 - Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí và danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.
- 13. Chuyển nhượng quyền mua: các cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần, bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
- 14. Hạn chế chuyển nhượng:
 - Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
 - Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng Quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- 15. Thời gian thực hiện: dự kiến trong năm 2025, sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật.
- 16. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi chào bán dự kiến: 14.373.166 cổ phiếu.

Trong đó, cổ phiếu quỹ: 499.406 cổ phiếu.

17. Tổng số vốn điều lệ sau khi chào bán dự kiến: 143.731.660.000 đồng.

18. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến phát hành:

Sau khi Công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng. Việc tăng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu pha loãng. Một số ảnh hưởng pha loãng thường gặp: (i) Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS; (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

(i) Về thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phần lưu hành bình quân}.$

EPS năm 2024 theo Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty là 3.555 đồng.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một số lượng cổ phần lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số tiền mà Công ty huy động được trong đợt chào bán này để đầu tư phát triển kinh doanh và lợi nhuận thu được từ việc đầu tư phát triển kinh doanh đó.

(ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$\text{Giá trị sổ sách} = \text{Vốn chủ sở hữu} / (\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ}).$

Tại thời điểm 31/12/2024, Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty là: 17.796 đồng.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

(iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết: Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Giá cổ phiếu CAT sẽ bị điều chỉnh theo quy định tại ngày giao dịch không hưởng quyền trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán.

Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

- Trong đó:

P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng.

P_{t-1} : giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng.

I_R : tỷ lệ vốn tăng.

P_R : giá phát hành cổ phần mới.

- Tham khảo:

P_{t-1} : giá sử, giá cổ phiếu CAT trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 22.000 đồng/cổ phiếu.

P_R : giá phát hành cổ phần mới là 10.000 đồng/cổ phiếu.

I_R : tỷ lệ vốn tăng là 50% (tỷ lệ 2:1).

P : giá tham chiếu của cổ phiếu CAT trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{22.000 + (50\% \times 10.000)}{1 + 50\%} = 18.000 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

19. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung: cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn chứng khoán UPCOM) theo đúng quy định.
20. Chào mua công khai: Đồng ý cho nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán.

Điều 2: Thông qua mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán như sau:

1. Mục đích chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau. Cụ thể như sau:

Ngân hàng	Mối quan hệ với CAT và người có liên quan	Hợp đồng vay	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	Không có	01/2025/1323780/HĐTD ngày 08/04/2025	46.245.870.000	Theo thời gian trả nợ của các kế ước

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Khế ước	Số tiền vay (đồng)	Mục đích vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Dư nợ còn phải thanh toán (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	01/2025/1323780/HĐTD ngày 08/04/2025	01.01/2025/1323780/HĐTD ngày 06/05/2025	843.736.300	Thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí	4.0%/năm	182 ngày	843.736.300	843.736.300	04/11/2025
		01.02/2025/1323780/HĐTD ngày 07/05/2025	9.191.821.525		4.0%/năm	182 ngày	9.191.821.525	9.191.821.525	05/11/2025
		01.03/2025/1323780/HĐTD ngày 09/05/2025	12.729.543.851		4.0%/năm	182 ngày	12.729.543.851	12.729.543.851	07/11/2025
		01.04/2025/1323780/HĐTD ngày 12/05/2025	5.095.493.285		4.0%/năm	182 ngày	5.095.493.285	5.095.493.285	10/11/2025
		01.05/2025/1323780/HĐTD ngày 14/05/2025	1.877.436.209		4.0%/năm	182 ngày	1.877.436.209	1.877.436.209	12/11/2025
		01.06/2025/1323780/HĐTD ngày 15/05/2025	6.950.041.810		4.0%/năm	182 ngày	6.950.041.810	6.950.041.810	13/11/2025
		01.07/2025/1323780/HĐTD ngày 22/05/2025	7.811.586.312		4.0%/năm	182 ngày	7.811.586.312	7.811.586.312	20/11/2025
		01.08/2025/1323780/HĐTD ngày 27/05/2025	2.127.204.100		4.0%/năm	182 ngày	2.127.204.100	1.746.210.708	25/11/2025
Tổng cộng			46.626.863.392				46.626.863.392	46.245.870.000	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến, Hội đồng Quản trị sẽ ưu tiên thanh toán các khế ước theo thứ tự từ trên xuống dưới trong bảng nêu trên cho đến khi sử dụng hết số tiền thu được.

Điều 3: Thông qua việc đảm bảo triển khai phương án chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Căn cứ văn bản số 2002/UBCK-PTTT ngày 29/05/2025 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, ở mức 49% vốn điều lệ là đầy đủ và hợp lệ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49% vốn điều lệ.
- Theo Danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 06/03/2025, nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 45.675 cổ phần CAT, tương ứng tỷ lệ 0,47% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
- HĐQT thông qua việc cam kết đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49% trong quá trình triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Đối với đợt chào bán này, nếu

tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Trường hợp phát sinh cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng Quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp có phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài Hội đồng Quản trị cam kết sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không quá 49% theo quy định.

Điều 4: Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng và các bên có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BUI VĨNH HOÀNG CHƯƠNG

CTY CP THUỶ SẢN CÀ MAU
SEAPRIMEXCO

Số: 200/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 12 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v triển khai nội dung liên quan đến phương án chào bán cổ phiếu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CỔ PHẦN THUỶ SẢN CÀ MAU

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021 và Phụ lục sửa đổi Điều lệ ngày 01/04/2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 12/09/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua nội dung bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu như sau:

- HĐQT khi thực hiện bán số cổ phần không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác (được Hội đồng Quản trị lựa chọn) phải đảm bảo rằng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó sau khi được phân phối sẽ không đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán.
- Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết được HĐQT bán cho các nhà đầu tư theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, thì HĐQT sẽ tổ chức đại hội để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ trước khi thực hiện bán.

Điều 2: Thông qua nội dung: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn chứng khoán UPCOM) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.



Điều 3: Thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán như sau (thay cho Điều 2 Nghị quyết số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025):

1. Mục đích chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau. Cụ thể như sau:

Ngân hàng	Mối quan hệ với CAT và người có liên quan	Hợp đồng vay	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	Không có	01/2025/1323780/HĐTD ngày 08/04/2025	46.245.870.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 46.245.870.000 đồng sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Giá trị hợp đồng (đồng)	Mục đích vay	Lãi suất	Kỳ hạn	Dư nợ còn phải thanh toán (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	01/2025/1323780/HĐTD ngày 08/04/2025	140.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, chiết khấu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	- Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 15/3/2026. - Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	93.010.784.955	46.245.870.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến, Hội đồng Quản trị sẽ thanh toán nợ vay theo số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán.

Điều 4: Thông qua việc đảm bảo triển khai phương án chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (thay cho Điều 3 Nghị quyết số 106/NQ-HĐQT ngày 30/06/2025):

- Căn cứ văn bản số 2002/UBCK-PTTT ngày 29/05/2025 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, ở mức 49% vốn điều lệ là đầy đủ và hợp lệ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49% vốn điều lệ.
- Theo Danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 29/08/2025, nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 49.475 cổ phần CAT, tương ứng tỷ lệ 0,51% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

- HĐQT thông qua việc cam kết đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là 49% trong quá trình triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Đối với đợt chào bán này, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau. Trường hợp phát sinh cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng Quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp có phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài Hội đồng Quản trị cam kết sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau không quá 49% theo quy định.

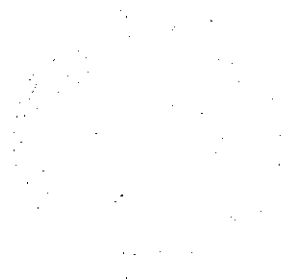
Điều 5: Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng và các bên có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

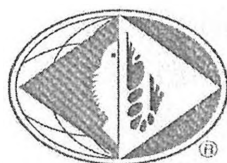


BUI VĨNH HOÀNG CHƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SEAPRIMEXCO

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

SEAPRIMEXCO - VIETNAM

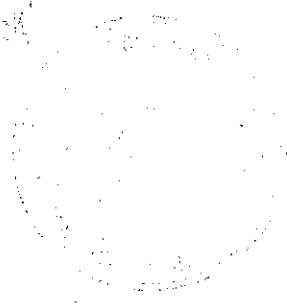
SỐ Y BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 06 năm 2021



Bùi Nguyên Khánh

Cà Mau, ngày 27 tháng 03 năm 2021

STANDARD K&B V OAK
[illegible text]



[illegible text]

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 62/NQ-ĐHĐCD ngày 27 tháng 03 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN CÀ MAU
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CA MAU SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: SEAPRIMEXCO

- Logo của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại : (84 - 290) 383 1615
- Fax : (84 - 290) 383 1861
- E-mail : sales@seaprimexco.com
- Website : www.seaprimexco.com

❖ Văn phòng đại diện của Công ty:

Địa chỉ: Số 19 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM. Room P1 – 0219, The Prince Residence

Điện thoại : (84 - 28) 3997 0010

Fax : (84 - 28) 3997 0050

E-mail : trading@seaprimexco.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản.	1020(Chính)
02	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải.	3099
03	Khai thác thủy sản biển	0311
04	Khai thác thủy sản nội địa	0312
05	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
06	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
07	Sản xuất giống thủy sản	0323

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản (Không sản xuất giống thủy sản tại địa chỉ trụ sở chính)	
08	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá	3530
09	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
10	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
11	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
12	Bán mô tô, xe máy	4541
13	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14	Bán buôn tổng hợp	4690
15	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
22	(Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **97.485.790.000** đồng (Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **9.748.579** cổ phần, với mệnh giá là: **10.000** đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp

chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết

định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi,

các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là **07 ngày** làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định

của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn **bốn (04) tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá **06 tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **50 ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn **30 ngày tiếp theo**, Ban kiểm soát thay thế

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35% tổng giá trị tài sản** của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo

ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **10 ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có

quyền dự họp **chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty **chậm nhất 07 ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **05% cổ phần** phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% tổng số phiếu biểu quyết**.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33% tổng số phiếu biểu quyết** trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá **03 ngày làm việc** kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65% tổng số phiếu biểu quyết** trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu

quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% **tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% tổng số cổ phần phổ thông** trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ **07 đến 09 người** và do đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị **không quá 05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty **không quá 02 nhiệm kỳ liên tục**. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên

hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc

khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm

công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp **ít nhất mỗi quý 01 lần** và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất **01 người phụ trách quản trị công ty** để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc **không quá 05 năm** và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát **không quá 05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị **trong vòng 48 giờ**, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên **50% trở lên vốn điều lệ** với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **20% tổng giá trị tài sản** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị **lớn hơn 20%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **20% trở lên tổng giá trị tài sản** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% tổng số cổ phần phổ thông** trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông **ít nhất 7 tháng** trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ **65% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

- 1. Tối thiểu **06 tháng** trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng **15 ngày làm việc** kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng **06 tuần** từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

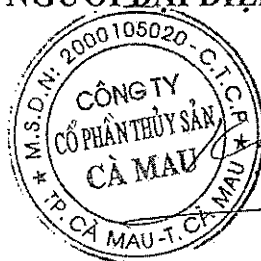
Điều 59. Ngày hiệu lực

- 1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nhất trí thông qua ngày 27 tháng 03 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 2. Điều lệ được lập thành 07 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Cà Mau, ngày 27 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Nguyên Khánh

Phụ lục 1: Danh sách cổ đông sáng lập:

Số thứ tự	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh; Quốc tịch	CMND (Hộ chiếu)		Địa chỉ thường trú
			Số	Ngày, nơi cấp	
01	Bùi Nguyên Khánh	14/05/1960-VN	023452193	25/11/2013	46 ^D , Chung cư Bình Thới, F.8, Q.11, Tp.HCM
02	Huỳnh Nhật Vũ	13/12/1977-VN	079077003095	17/10/2016	144 Nguyễn V Cừ, F.Ng Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM
03	Bùi Thế Hùng	01/07/1969-VN	380710872	19/10/2018	21/2 Lâm Thành Mậu, K.4, F.4, Tp.Cà Mau



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU
SEAPRIMEXCO - VIETNAM

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 06 năm 2025



Bùi Nguyên Khánh

Cà Mau, ngày 01 tháng 04 năm 2023

100000 127 7 0 0 7 1
100000 127 7 0 0 7 1

100000 127 7 0 0 7 1
100000 127 7 0 0 7 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022.

PHẦN MỞ ĐẦU

Phụ lục sửa đổi Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 68 /NQ-DHDCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2023

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 21 Điều lệ Công ty CP Thủy sản Cà Mau ngày 27 tháng 03 năm 2021 như sau:

“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

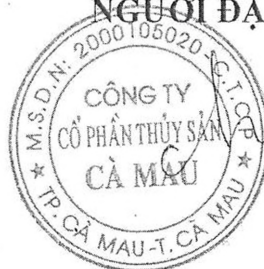
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”.

Điều 2. Ngày hiệu lực

Bản phụ lục sửa đổi Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau nhất trí thông qua ngày 01 tháng 04 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Bản phụ lục sửa đổi Điều lệ này.

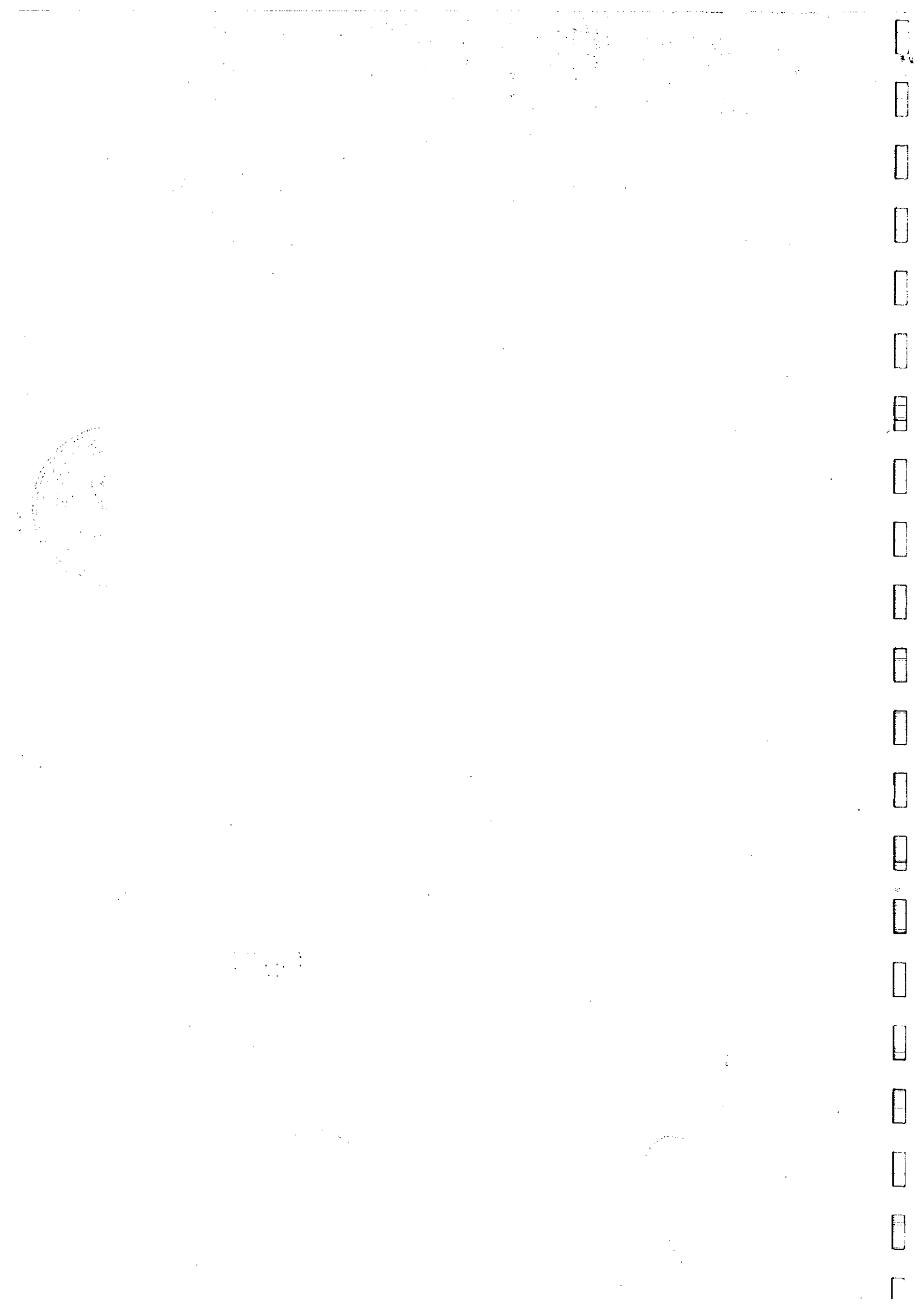
Cà Mau, ngày 01 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Vĩnh Hoàng Chương





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



RSM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

SI X-MSDA



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Luận	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2023)
Ông Ngô Minh Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 06 tháng 03 năm 2024



Số: 78/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC****Trịnh Thanh Thanh****Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Lê Việt Hà**Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.206.187.768	324.365.837.238
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.509.688.734	13.324.049.708
1. Tiền	111	4.1	23.509.688.734	13.324.049.708
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.173.642.502	28.093.929.167
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	18.173.642.502	28.093.929.167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.769.952.539	60.886.199.076
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	56.845.449.223	57.365.169.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.420.029.268	3.357.802.266
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.594.485.248	951.744.194
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(90.011.200)	(788.517.200)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	237.317.873.862	218.919.677.345
1. Hàng tồn kho	141		241.646.112.272	223.253.434.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.328.238.410)	(4.333.756.783)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.435.030.131	3.141.981.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.372.192.598	1.337.165.288
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	2.062.837.533	1.804.816.654
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.845.900.307	88.740.166.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.345.500.000	1.381.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.345.500.000	1.381.500.000
II. Tài sản cố định	220		73.566.882.561	70.807.355.538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	73.058.959.726	70.269.513.751
Nguyên giá	222		192.187.223.895	184.136.541.187
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.128.264.169)	(113.867.027.436)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	507.922.835	537.841.787
Nguyên giá	228		788.499.886	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(280.577.051)	(250.658.099)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.692.949.610	4.603.411.638
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	3.692.949.610	4.603.411.638
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.500.000.000	8.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	8.500.000.000	8.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.740.568.136	3.447.899.816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2.740.568.136	3.425.141.252
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	22.758.564
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		434.052.088.075	413.106.004.230

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

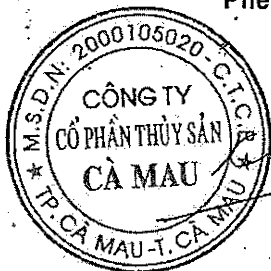
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		281.521.272.786	267.131.145.944
I. Nợ ngắn hạn	310		281.521.272.786	267.131.145.944
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	35.073.325.637	32.701.163.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		972.601.258	1.333.877.464
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.380.611.508	1.484.260.024
4. Phải trả người lao động	314	4.12	9.375.429.164	9.657.627.723
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	715.944.765
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	5.735.562.993	4.463.225.527
7. Vay ngắn hạn	320	4.14	226.274.257.734	214.114.821.549
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		339.156.117	596.380.101
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	2.370.328.375	2.063.844.968
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.530.815.289	145.974.858.286
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	152.530.815.289	145.974.858.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.795.380.849	4.569.156.929
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.471.908.920)	(18.676.666.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.721.553.360	62.596.577.357
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		51.239.043.212	30.657.224.935
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.482.510.148	31.939.352.422
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		434.052.088.075	413.106.004.230

Phê duyệt

Người lập



Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 06 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

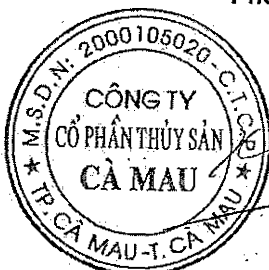
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		570.631.901.944	692.691.083.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.133.189.193	3.385.020.672
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	569.498.712.751	689.306.063.127
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	493.884.742.728	596.035.867.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.613.970.023	93.270.195.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.240.279.353	12.055.446.618
7. Chi phí tài chính	22	5.4	12.963.068.238	11.748.235.553
Trong đó, chi phí lãi vay	23		10.555.920.949	8.296.718.165
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	29.174.487.257	43.078.229.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	16.298.768.111	16.440.091.708
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.417.925.770	34.059.085.435
11. Thu nhập khác	31		1.106.155.281	586.512.687
12. Chi phí khác	32		646.942.748	494.088.796
13. Lợi nhuận khác	40		459.212.533	92.423.891
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.877.138.303	34.151.509.326
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	2.122.696.591	2.162.428.505
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		22.758.564	49.728.399
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.731.683.148	31.939.352.422
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	2.675	3.262
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	2.675	3.262

Phê duyệt

Người lập

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốcTrần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 06 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.877.138.303	34.151.509.326
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	7.262.354.791	6.821.322.037
Các khoản dự phòng	03		(262.742.357)	(1.473.395.298)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(157.629.180)	475.009.497
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.791.497.296)	(1.989.955.848)
Chi phí lãi vay	06	5.4	10.555.920.949	8.296.718.165
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		42.483.545.210	46.281.207.879
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.027.228.650)	26.187.048.423
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.392.678.144)	(79.063.320.764)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		654.605.432	(138.716.108)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		649.545.806	(907.264.352)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.555.920.949)	(8.296.718.165)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(2.217.186.469)	(1.919.702.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		117.942.860	179.357.821
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.919.820.598)	(1.683.930.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.792.804.498	(19.362.038.445)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.109.179.786)	(12.058.649.374)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.173.642.502)	(38.093.929.167)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		28.093.929.167	27.275.857.083
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.741.670.848	1.960.321.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.552.777.727	(20.916.399.600)

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

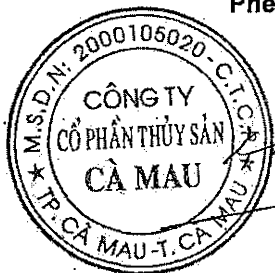
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.425.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	715.029.164.968	684.204.659.926
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(703.037.978.233)	(660.371.458.877)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.864.968.345)	(18.581.174.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.448.781.610)	5.252.026.749
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		9.896.800.615	(35.026.411.296)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.324.049.708	48.674.098.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		288.838.411	(323.637.106)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	23.509.688.734	13.324.049.708

Phê duyệt

Người lập

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốcTrần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 06 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 04 năm 2023 với mã số doanh nghiệp 2000105020 để cập nhật thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00	9.750.000.000	10,00
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,10	10.825.000.000	11,10
Ông Bùi Nguyên Khánh	8.300.000.000	8,51	7.800.000.000	8,00
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	7.300.000.000	7,49	6.778.540.000	6,95
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	7.000.000.000	7,18	6.000.000.000	6,15
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5,85	5.704.570.000	5,85
Các cổ đông khác	48.606.220.000	49,86	50.627.680.000	51,95
Cộng	97.485.790.000	100,00	97.485.790.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 618 (31/12/2022: 662).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Khu vực 4, thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua, tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 09 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau: quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao;
- Lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: quyền sở hữu được khấu hao trong 50 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (08 năm).

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu, bao bì; chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp; chi phí hàng mẫu cho khách hàng; chi phí ngân hàng; chi phí xuất hàng; chi phí hoa hồng; chi phí xúc tiến thương mại; chi phí thuê kho và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

- Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/20215 của Bộ Tài chính và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế TNDN.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---|-----|
| ▪ Xuất khẩu | 0% |
| ▪ Tôm, cá tươi đông lạnh ở khâu kinh doanh thương mại | 5% |
| ▪ Các hàng hóa, dịch vụ khác | 10% |

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, các hàng hóa, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Chả cá đông lạnh, hàng hóa xuất bán nội địa;
- Dịch vụ liên quan đến hoạt động cho thuê.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.371.049.809	2.513.370.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.138.638.925	10.810.679.656
Cộng	23.509.688.734	13.324.049.708

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.173.642.502	18.173.642.502	28.093.929.167	28.093.929.167
Dài hạn:				
Trái phiếu (*)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000

(*) Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và trái phiếu dài hạn tại ngày 31/12/2023 đang được đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.14.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Amanda Seafood Pte Ltd	33.579.443.600	33.535.026.181
Premier Marine Canada INC	19.040.510.850	9.882.809.230
Các khách hàng khác	4.225.494.773	13.947.334.405
Cộng	56.845.449.223	57.365.169.816



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan -				
Xem thêm Mục 8	2.065.844.887	-	1.560.230	-
Lãi dự thu tiền gửi	456.465.973	-	406.639.525	-
Phải thu khác	1.072.174.388	(90.011.200)	543.544.439	(90.011.200)
Cộng	3.594.485.248	(90.011.200)	951.744.194	(90.011.200)
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.345.500.000	-	1.381.500.000	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.022.489.014	-	7.423.986.684	-
Công cụ, dụng cụ	616.894.440	-	517.320.269	-
Thành phẩm	236.006.728.820	(4.328.238.410)	215.312.127.177	(4.333.756.783)
Cộng	241.646.112.274	(4.328.238.410)	223.253.434.130	(4.333.756.783)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí di dời nhà xưởng	2.500.000.000	2.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.192.949.610	2.103.411.638
Cộng	3.692.949.610	4.603.411.638

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	62.166.149.861	111.109.145.610	7.222.755.272	215.011.990	3.423.478.454	184.136.541.187
Mua trong năm	-	7.586.966.261	-	-	-	7.586.966.261
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.434.915.553	-	-	-	-	2.434.915.553
Thanh lý, nhượng bán	(124.259.586)	(1.846.939.520)	-	-	-	(1.971.199.106)
Tại ngày 31/12/2023	64.476.805.828	116.849.172.351	7.222.755.272	215.011.990	3.423.478.454	192.187.223.895
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	27.998.501.580	77.634.025.317	6.003.287.798	160.109.623	2.071.103.118	113.867.027.436
Khấu hao trong năm	2.206.506.751	4.383.724.179	319.193.232	23.286.241	299.725.436	7.232.435.839
Thanh lý, nhượng bán	(124.259.586)	(1.846.939.520)	-	-	-	(1.971.199.106)
Tại ngày 31/12/2023	30.080.748.745	80.170.809.976	6.322.481.030	183.395.864	2.370.828.554	119.128.264.169
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	34.167.648.281	33.475.120.293	1.219.467.474	54.902.367	1.352.375.336	70.269.513.751
Tại ngày 31/12/2023	34.396.057.083	36.678.362.375	900.274.242	31.616.126	1.052.649.900	73.058.959.726

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 52.218.630.136 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Tại ngày 31/12/2023	<u>555.947.886</u>	<u>232.552.000</u>	<u>788.499.886</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	54.772.779	195.885.320	250.658.099
Khấu hao trong năm	7.918.956	21.999.996	29.918.952
Tại ngày 31/12/2023	<u>62.691.735</u>	<u>217.885.316</u>	<u>280.577.051</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	501.175.107	36.666.680	537.841.787
Tại ngày 31/12/2023	<u>493.256.151</u>	<u>14.666.684</u>	<u>507.922.835</u>

Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau và quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	266.956.208	504.687.388
Các khoản khác	1.105.236.390	832.477.900
Cộng	<u>1.372.192.598</u>	<u>1.337.165.288</u>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	900.720.968	1.614.462.467
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng	936.002.647	1.287.250.173
Các khoản khác	903.844.521	523.428.612
Cộng	<u>2.740.568.136</u>	<u>3.425.141.252</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	2.649.398	2.649.398	2.649.398	2.649.398
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Sản Trường Phát	8.211.916.200	8.211.916.200	13.249.706.700	13.249.706.700
Công ty TNHH Tuấn Phát Cà Mau	4.558.278.600	4.558.278.600	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Bài	4.215.179.300	4.215.179.300	2.821.924.900	2.821.924.900
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	18.085.302.139	18.085.302.139	16.626.882.825	16.626.882.825
Cộng	35.073.325.637	35.073.325.637	32.701.163.823	32.701.163.823

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.062.837.533	8.531.188.671	(458.035.231)	(7.815.132.561)	1.804.816.654

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp,	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	458.035.231	-	(458.035.231)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	562.256.302	(562.256.302)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	34.114.397	(34.114.397)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	695.587.196	2.122.696.591	(2.217.186.469)	-	790.077.074
Thuế thu nhập cá nhân	19.512.893	1.136.692.441	(1.162.712.095)	-	45.532.547
Thuế tài nguyên	6.365.640	92.619.437	(94.276.970)	-	8.023.173
Tiền thuê đất	659.145.779	85.757.895	(67.239.346)	-	640.627.230
Các loại thuế khác	-	176.398.986	(176.398.986)	-	-
Cộng	1.380.611.508	4.668.571.280	(4.314.184.565)	(458.035.231)	1.484.260.024

4.12. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2023.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ tức phải trả	3.522.171.755	2.888.794.100
Nhận ký quỹ, ký cược	615.000.000	415.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.598.391.238	1.159.431.427
Cộng	5.735.562.993	4.463.225.527



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	94.501.494.761	94.501.494.761	255.779.678.282	249.508.553.621	88.230.370.100	88.230.370.100
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	54.991.884.813	54.991.884.813	138.580.989.665	138.518.434.109	54.929.329.257	54.929.329.257
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	49.999.196.545	49.999.196.545	132.439.410.941	116.209.440.078	33.769.225.682	33.769.225.682
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	13.091.784.700	13.091.784.700	52.124.666.515	47.160.457.115	8.127.575.300	8.127.575.300
Cộng	212.584.360.819	212.584.360.819	578.924.745.403	551.396.884.923	185.056.500.339	185.056.500.339
Vay ngân hàng bằng USD:						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	13.689.896.915	13.689.896.915	55.932.782.109	51.528.257.854	9.285.372.660	9.285.372.660
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	12.392.944.456	28.520.771.506	16.127.827.050	16.127.827.050
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	67.778.693.000	71.423.814.500	3.645.121.500	3.645.121.500
Cộng	13.689.896.915	13.689.896.915	136.104.419.565	151.472.843.860	29.058.321.210	29.058.321.210
Tổng cộng	226.274.257.734	226.274.257.734	715.029.164.968	702.869.728.783	214.114.821.549	214.114.821.549



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0% - 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo:
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 4.7

▪ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 70.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 3,8% - 8,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo:
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.7
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 4.8

▪ Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 140.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0% - 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo:
- Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.2
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau - Xem thêm Mục 4.8



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 7,5% - 8,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2

4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	2.063.844.968	1.668.568.051
Trích lập trong năm	2.108.361.145	1.899.849.308
Tăng khác	117.942.860	179.357.821
Sử dụng trong năm	(1.919.820.598)	(1.683.930.212)
Cộng	2.370.328.375	2.063.844.968

(Xem trang tiếp theo)



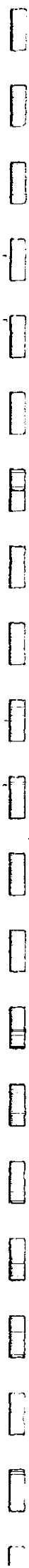
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	50.848.528.243	134.226.809.172
Lãi trong năm trước	-	-	-	31.939.352.422	31.939.352.422
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.280.886.981)	(1.280.886.981)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(618.962.327)	(618.962.327)
Chia cổ tức	-	-	-	(18.291.454.000)	(18.291.454.000)
Tại ngày 01/01/2023	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	62.596.577.357	145.974.858.286
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.731.683.148	24.731.683.148
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.437.270.859)	(1.437.270.859)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(671.090.286)	(671.090.286)
Chia cổ tức	-	-	-	(18.498.346.000)	(18.498.346.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	(773.776.080)	3.204.757.080	-	2.430.981.000
Tại ngày 31/12/2023	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	66.721.553.360	152.530.815.289

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	9.750.000.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	10.825.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	8.300.000.000	7.800.000.000
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	7.300.000.000	6.778.540.000
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	7.000.000.000	6.000.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5.704.570.000
Các đối tượng khác	48.606.220.000	50.627.680.000
Cộng	97.485.790.000	97.485.790.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	602.852
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.249.173	9.145.727

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	24.731.683.148	31.939.352.422
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.108.361.145)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.731.683.148	29.830.991.277
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.246.259	9.145.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.675	3.262

(*) Đến ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2023, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2023.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.5. Cổ tức**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đợt 2 năm 2021 (20%)	-	18.291.454.000
Cổ tức năm 2022 (10%)	9.249.173.000	-
Cổ tức đợt 1 năm 2023 (10%)	9.249.173.000	-
Cộng	18.498.346.000	18.291.454.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 68/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2023, cổ tức năm 2022 được chia với tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 68/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2023, cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2023 được chia với tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	852.402,20	409.722,18
EUR	-	740,00
Nợ khó đòi đã xử lý	698.506.000	594.180.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu xuất khẩu	538.322.876.171	650.279.561.010
Doanh thu nội địa	32.309.025.773	42.411.522.789
Hàng bán bị trả lại	(1.133.189.193)	(3.385.020.672)
Cộng	569.498.712.751	689.306.063.127
Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan		
- Xem thêm Mục 8	965.600.000	829.000.000

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	478.370.678.509	578.380.493.908
Giá vốn khác	15.519.582.592	18.104.221.663
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(5.518.373)	(448.848.387)
Cộng	493.884.742.728	596.035.867.184

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	1.791.497.296	1.989.955.848
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.223.066.250	10.065.490.770
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	157.629.180	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	68.086.627	-
Cộng	9.240.279.353	12.055.446.618

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	10.555.920.949	8.296.718.165
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.407.147.289	2.976.507.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	475.009.497
Cộng	12.963.068.238	11.748.235.553

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	9.586.313.202	28.640.474.804
Chi phí thuê kho	10.549.176.515	4.892.984.849
Chi phí khác	9.038.997.540	4.835.631.211
Cộng	29.174.487.257	43.078.229.865

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.858.835.565	11.140.594.995
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.945.033	190.685.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.472.574	517.684.601
Thuế, phí và lệ phí	203.450.493	537.259.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	940.547.626	792.253.943
Chi phí bằng tiền khác	3.632.516.820	3.261.612.559
Cộng	16.298.768.111	16.440.091.708

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	439.641.393.263	591.166.421.670
Chi phí nhân công	58.244.442.049	65.814.597.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.262.354.791	6.821.322.037
Chi phí dự phòng	(262.742.357)	(1.473.395.298)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.440.297.780	52.538.981.336
Chi phí khác bằng tiền	14.767.529.905	20.450.359.946
Cộng	560.093.275.431	735.318.287.130

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.947.225.993	2.162.428.505
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	175.470.598	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.122.696.591	2.162.428.505

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	26.877.138.303	34.151.509.326
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	761.782.517	1.919.416.817
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(919.456.129)	(2.190.889.810)
Trừ: Thu nhập miễn thuế	(12.666.405.605)	(17.628.544.590)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh:	14.053.059.086	16.251.491.743
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%	5.419.200.850	5.372.793.307
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%	8.633.858.237	10.878.698.436
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20%	1.083.840.169	1.074.558.661
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10%	863.385.824	1.087.869.844
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.947.225.993	2.162.428.505

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	715.029.164.968	684.204.659.926

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(703.037.978.233)	(660.371.458.877)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Cà Mau nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 4.4:		
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.065.844.887	1.560.230
Phải trả người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.10:		
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	2.649.398	2.649.398

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng - Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	965.600.000	829.000.000
Chia cổ tức:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	7.366.984.300	7.441.194.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Cộng		336.000.000	336.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc	392.658.800	364.147.600
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	337.826.146	319.532.969
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	289.509.000	306.166.354
Ông Tô Tấn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	306.170.400	321.535.185
Ông Trần Trọng Tài	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	313.508.600	309.327.923
Cộng		1.639.672.946	1.620.710.031

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/04/2023)	18.000.000	-
Ông Ngô Minh Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/01/2023)	-	24.000.000
Cộng		78.000.000	84.000.000

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực quyền số: 01

Ngày: 09-09-2025

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)



	<u>Năm 2022 VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Năm 2022 VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.262	3.492
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.262	3.492

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 68/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2023.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 06 tháng 03 năm 2024





THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM

RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147Bis Hai Ba Trung Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Dich Vong Ward, Cau Giay District
Ha Noi, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM Network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction.

The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JF. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

RSM



100

RSM



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tân Hoài	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định, hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2025



RSM

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak Tower
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 90/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Lý Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.081.501.410	344.206.187.768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.405.436.038	23.509.688.734
1. Tiền	111	4.1	20.405.436.038	23.509.688.734
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.928.944.263	18.173.642.502
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	42.928.944.263	18.173.642.502
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.390.810.620	61.769.952.539
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	90.270.869.734	56.845.449.223
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.739.815.600	1.420.029.268
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.380.125.286	3.594.485.248
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(90.011.200)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	198.805.820.349	237.317.873.862
1. Hàng tồn kho	141		203.840.150.769	241.646.112.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.034.330.420)	(4.328.238.410)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.550.490.140	3.435.030.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.252.676.494	1.372.192.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	4.297.813.646	2.062.837.533
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.313.774.882	89.845.900.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.314.500.000	1.345.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.314.500.000	1.345.500.000
II. Tài sản cố định	220		71.639.639.737	73.566.882.561
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	71.154.302.542	73.058.959.726
Nguyên giá	222		195.936.364.272	192.187.223.895
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.782.061.730)	(119.128.264.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	485.337.195	507.922.835
Nguyên giá	228		788.499.886	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(303.162.691)	(280.577.051)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.500.000.000	3.692.949.610
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	2.500.000.000	3.692.949.610
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.500.000.000	8.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	5.500.000.000	8.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.359.635.145	2.740.568.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2.359.635.145	2.740.568.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		447.395.276.292	434.052.088.075

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

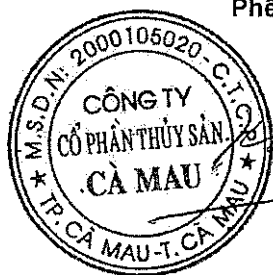
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		273.904.266.458	281.521.272.786
I. Nợ ngắn hạn	310		273.904.266.458	281.521.272.786
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	31.091.365.748	35.073.325.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.058.759.027	972.601.258
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.437.290.556	1.380.611.508
4. Phải trả người lao động	314	4.12	11.744.905.260	9.375.429.164
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	4.537.880.753	5.735.562.993
6. Vay ngắn hạn	320	4.14	221.236.837.469	226.274.257.734
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		910.509.372	339.156.117
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.886.718.273	2.370.328.375
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.491.009.834	152.530.815.289
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	173.491.009.834	152.530.815.289
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.795.380.849	3.795.380.849
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.471.908.920)	(15.471.908.920)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.681.747.905	66.721.553.360
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		54.801.845.708	51.239.043.212
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.879.902.197	15.482.510.148
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		447.395.276.292	434.052.088.075

Phê duyệt

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

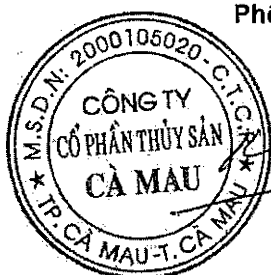
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		684.349.494.111	570.631.901.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	1.133.189.193
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	684.349.494.111	569.498.712.751
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	594.926.561.239	493.884.742.728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.422.932.872	75.613.970.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	12.273.009.570	9.240.279.353
7. Chi phí tài chính	22	5.4	13.713.668.490	12.963.068.238
Trong đó, chi phí lãi vay	23		9.761.172.464	10.555.920.949
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	34.650.793.843	29.174.487.257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	18.144.040.795	16.298.768.111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.187.439.314	26.417.925.770
11. Thu nhập khác	31		1.100.095.679	1.106.155.281
12. Chi phí khác	32		527.942.248	646.942.748
13. Lợi nhuận khác	40		572.153.431	459.212.533
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.759.592.745	26.877.138.303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	2.879.690.548	2.122.696.591
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	22.758.564
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.879.902.197	24.731.683.148
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	3.555	2.386
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	3.555	2.386

Phê duyệt

Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.759.592.745	26.877.138.303
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	7.485.832.101	7.262.354.791
Các khoản dự phòng	03	5.7	1.277.445.265	(262.742.357)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(291.113.128)	(157.629.180)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.866.589.379)	(1.791.497.296)
Chi phí lãi vay	06	5.4	9.761.172.464	10.555.920.949
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		52.126.340.068	42.483.545.210
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.528.881.990)	(1.027.228.650)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		37.805.961.503	(18.392.678.144)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.252.381.987)	654.605.432
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		500.449.095	649.545.806
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.761.172.464)	(10.555.920.949)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(2.827.128.928)	(2.217.186.469)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	117.942.860
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.154.144.754)	(1.919.820.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.909.040.543	9.792.804.498
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.414.070.457)	(8.109.179.786)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		502.709.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(21.755.301.761)	(18.173.642.502)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	28.093.929.167
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.655.420.798	1.741.670.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.011.242.329)	3.552.777.727

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

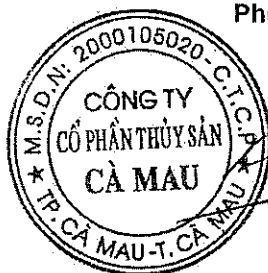
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.425.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	710.477.627.584	715.029.164.968
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(715.549.482.909)	(703.037.978.233)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.107.264.300)	(17.864.968.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.179.119.625)	(3.448.781.610)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(3.281.321.411)	9.896.800.615
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.509.688.734	13.324.049.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		177.068.715	288.838.411
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	20.405.436.038	23.509.688.734

Phê duyệt



Bùi Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 04 năm 2023 với mã số doanh nghiệp 2000105020 để cập nhật thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 619 (31/12/2023: 618).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Khu vực 4, thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua, tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 09 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau: quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao;
- Lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: quyền sở hữu được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (08 năm).

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

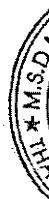
3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ; tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp; chi phí thuê kho và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

- Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/12/2015 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới có hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/12/2015 của Chính phủ, Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc có hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế TNDN.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---|-----|
| ▪ Xuất khẩu | 0% |
| ▪ Tôm, cá tươi đông lạnh ở khâu kinh doanh thương mại | 5% |
| ▪ Các hàng hóa, dịch vụ khác | 10% |

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cụ thể, các hàng hóa, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Chả cá đông lạnh, hàng hóa xuất bán nội địa;
- Dịch vụ liên quan đến hoạt động cho thuê.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	814.577.382	1.371.049.809
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.590.858.656	22.138.638.925
Cộng	20.405.436.038	23.509.688.734

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	42.928.944.263	42.928.944.263	18.173.642.502	18.173.642.502
Dài hạn:				
Trái phiếu (*)	5.500.000.000	5.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000

(*) Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu tại ngày 31/12/2024 đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.14.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Amanda Seafood Pte Ltd	57.859.946.967	33.579.443.600
Premier Marine Canada INC	20.883.006.772	19.040.510.850
Các khách hàng khác (*)	11.527.915.995	4.225.494.773
Cộng	90.270.869.734	56.845.449.223

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan -				
Xem thêm Mục 8	2.065.844.887	-	2.065.844.887	
Lãi dự thu tiền gửi	573.255.863	-	456.465.973	
Phải thu khác	741.024.536	-	1.072.174.388	(90.011.200)
Cộng	3.380.125.286	-	3.594.485.248	(90.011.200)

Dài hạn:

Ký quỹ, ký cược	1.314.500.000	-	1.345.500.000	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

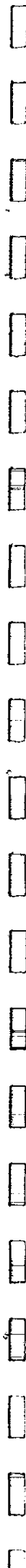
4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.059.380.592	-	5.022.489.014	-
Công cụ, dụng cụ	380.876.267	-	616.894.440	-
Thành phẩm	195.399.893.910	(5.034.330.420)	236.006.728.818	(4.328.238.410)
Cộng	203.840.150.769	(5.034.330.420)	241.646.112.272	(4.328.238.410)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí di dời nhà xưởng phục vụ dự án kho lạnh 1.200 tấn tại Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau	2.500.000.000	2.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	1.192.949.610
Cộng	2.500.000.000	3.692.949.610

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	64.476.805.828	116.849.172.351	7.222.755.272	215.011.990	3.423.478.454	192.187.223.895
Mua trong năm	-	2.319.456.448	-	-	306.115.445	2.625.571.893
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.647.200.872	1.800.575.572	-	-	-	3.447.776.444
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.308.596.440)	(15.611.520)	-	-	(2.324.207.960)
Tại ngày 31/12/2024	66.124.006.700	118.660.607.931	7.207.143.752	215.011.990	3.729.593.899	195.936.364.272
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	30.080.748.745	80.170.809.976	6.322.481.030	183.395.864	2.370.828.554	119.128.264.169
Khấu hao trong năm	2.129.052.554	4.743.685.673	279.376.223	19.200.000	291.932.011	7.463.246.461
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.793.837.380)	(15.611.520)	-	-	(1.809.448.900)
Tại ngày 31/12/2024	32.209.801.299	83.120.658.269	6.586.245.733	202.595.864	2.662.760.565	124.782.061.730
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	34.396.057.083	36.678.362.375	900.274.242	31.616.126	1.052.649.900	73.058.959.726
Tại ngày 31/12/2024	33.914.205.401	35.539.949.662	620.898.019	12.416.126	1.066.833.334	71.154.302.542

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.803.787.400 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

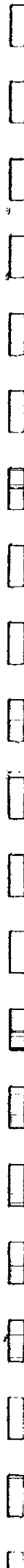
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Tại ngày 31/12/2024	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	62.691.735	217.885.316	280.577.051
Khấu hao trong năm	7.918.956	14.666.684	22.585.640
Tại ngày 31/12/2024	70.610.691	232.552.000	303.162.691
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	493.256.151	14.666.684	507.922.835
Tại ngày 31/12/2024	485.337.195	-	485.337.195

Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau và quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	179.189.010	266.956.208
Các khoản khác	1.073.487.484	1.105.236.390
Cộng	1.252.676.494	1.372.192.598
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.285.715.872	900.720.968
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng	616.491.817	936.002.647
Các khoản khác	457.427.456	903.844.521
Cộng	2.359.635.145	2.740.568.136



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	2.649.398	2.649.398
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Trường Phát	12.456.581.900	12.456.581.900	-	-
Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	2.585.262.100	2.585.262.100	2.790.065.500	2.790.065.500
Các nhà cung cấp khác (*)	16.049.521.748	16.049.521.748	32.280.610.739	32.280.610.739
Cộng	31.091.365.748	31.091.365.748	35.073.325.637	35.073.325.637

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.297.813.646	8.603.492.246	(907.310.241)	(5.461.205.892)	2.062.837.533

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	907.310.241	-	(907.310.241)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	744.214.589	(744.214.589)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	748.148.816	2.879.690.548	(2.827.128.928)	-	695.587.196
Thuế thu nhập cá nhân	24.208.917	668.670.609	(663.974.585)	-	19.512.893
Thuế tài nguyên	5.787.044	65.366.132	(65.944.728)	-	6.365.640
Tiền thuê đất	659.145.779	-	-	-	659.145.779
Các loại thuế khác	-	55.972.033	(55.972.033)	-	-
Cộng	1.437.290.556	5.321.224.152	(4.357.234.863)	(907.310.241)	1.380.611.508

4.12. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2024.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.664.080.455	3.522.171.755
Nhận ký quỹ, ký cược	831.000.000	615.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.042.800.298	1.598.391.238
Cộng	4.537.880.753	5.735.562.993



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	94.867.097.123	94.867.097.123	271.706.013.498	(271.340.411.136)	94.501.494.761	94.501.494.761
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	69.952.576.049	69.952.576.049	151.724.022.038	(136.763.330.802)	54.991.884.813	54.991.884.813
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	20.739.158.237	20.739.158.237	98.655.671.868	(127.915.710.176)	49.999.196.545	49.999.196.545
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.977.938.600	19.977.938.600	60.138.799.622	(53.252.645.722)	13.091.784.700	13.091.784.700
Cộng	205.536.770.009	205.536.770.009	582.224.507.026	(589.272.097.836)	212.584.360.819	212.584.360.819
Vay ngân hàng bằng USD:						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	10.067.094.000	10.067.094.000	32.937.758.400	(36.560.561.315)	13.689.896.915	13.689.896.915
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.632.973.460	5.632.973.460	20.831.545.074	(15.198.571.614)	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	74.483.817.084	(74.483.817.084)	-	-
Cộng	15.700.067.460	15.700.067.460	128.253.120.558	(126.242.950.013)	13.689.896.915	13.689.896.915
Tổng cộng	221.236.837.469	221.236.837.469	710.477.627.584	(715.515.047.849)	226.274.257.734	226.274.257.734





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0% - 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ TSCĐ xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 4.7

▪ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 70.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 3,8% - 8,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.7
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 4.8

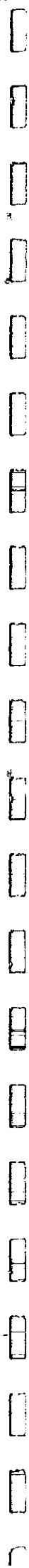
▪ Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 140.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0% - 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.7
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau - Xem thêm Mục 4.8

▪ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 7,5% - 8,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

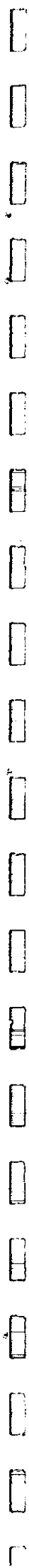
Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	62.596.577.357	145.974.858.286
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.731.683.148	24.731.683.148
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.437.270.859)	(1.437.270.859)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(671.090.286)	(671.090.286)
Chia cổ tức	-	-	-	(18.498.346.000)	(18.498.346.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	(773.776.080)	3.204.757.080	-	2.430.981.000
Tại ngày 01/01/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	66.721.553.360	152.530.815.289
Lãi trong năm nay	-	-	-	32.879.902.197	32.879.902.197
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.175.900.989)	(2.175.900.989)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(494.633.663)	(494.633.663)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.249.173.000)	(9.249.173.000)
Tại ngày 31/12/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	87.681.747.905	173.491.009.834

Việc phân phối lợi nhuận trong năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 52/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 03 năm 2024.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00	9.750.000.000	10,00
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,11	10.825.000.000	11,11
Các cổ đông khác	76.910.790.000	78,89	76.910.790.000	78,89
Cộng	97.485.790.000	100,00	97.485.790.000	100,00

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	499.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.249.173	9.249.173

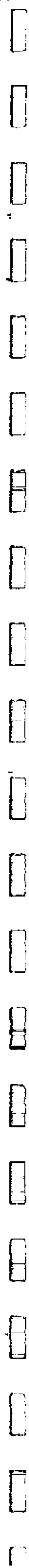
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	32.879.902.197	24.731.683.148
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.670.534.652)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.879.902.197	22.061.148.496
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.249.173	9.246.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.555	2.386

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích cho năm 2024. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu trên cổ phiếu giảm tương ứng.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.5. Cổ tức**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức năm 2022 (10%)	-	9.249.173.000
Cổ tức đợt 1 năm 2023 (10%)	-	9.249.173.000
Cổ tức đợt 2 năm 2023 (10%)	9.249.173.000	-
Cộng	9.249.173.000	18.498.346.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 52/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 03 năm 2024, cổ tức năm 2023 được chia với tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	704.468,76	852.402,20
Nợ khó đòi đã xử lý	90.011.200	698.506.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu xuất khẩu	660.864.415.356	538.322.876.171
Doanh thu nội địa	23.485.078.755	32.309.025.773
Hàng bán bị trả lại	-	(1.133.189.193)
Doanh thu thuần	684.349.494.111	569.498.712.751
Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm Mục 8	1.805.453.000	965.600.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	586.981.759.833	478.370.678.509
Giá vốn khác	7.238.709.396	15.519.582.592
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	706.092.010	(5.518.373)
Cộng	594.926.561.239	493.884.742.728



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	1.687.663.137	1.791.497.296
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.209.685.754	7.223.066.250
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	291.113.128	157.629.180
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.547.551	68.086.527
Cộng	12.273.009.570	9.240.279.353

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	9.761.172.464	10.555.920.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.952.496.026	2.407.147.289
Cộng	13.713.668.490	12.963.068.238

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	12.816.829.349	9.586.313.202
Chi phí thuê kho	12.535.244.587	10.549.176.515
Chi phí khác	9.298.719.907	9.038.997.540
Cộng	34.650.793.843	29.174.487.257

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.451.134.367	10.858.835.565
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.614.226	146.945.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	435.069.326	516.472.574
Thuế, phí và lệ phí	94.810.418	203.450.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.336.564.448	940.547.626
Chi phí bằng tiền khác	3.654.848.010	3.632.516.820
Cộng	18.144.040.795	16.298.768.111



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	465.987.472.296	439.641.393.263
Chi phí nhân công	67.900.302.668	58.244.442.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.485.832.101	7.262.354.791
Chi phí dự phòng	1.277.445.265	(262.742.357)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.063.868.660	40.440.297.780
Chi phí khác bằng tiền	14.440.315.671	14.767.529.905
Cộng	607.155.236.661	560.093.275.431

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.598.117.012	1.947.225.993
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	281.573.536	175.470.598
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.879.690.548	2.122.696.591

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	35.759.592.745	26.877.138.303
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.568.609.778	761.782.517
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(462.610.117)	(919.456.129)
Trừ: Thu nhập miễn thuế	(17.351.058.952)	(12.666.405.605)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	19.514.533.454	14.053.059.086
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>6.466.636.666</i>	<i>5.419.200.850</i>
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%</i>	<i>13.047.896.788</i>	<i>8.633.858.236</i>
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20%	1.293.327.333	1.083.840.169
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10%	1.304.789.679	863.385.824
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	2.598.117.012	1.947.225.993

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	710.477.627.584	715.029.164.968

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(715.549.482.909)	(703.037.978.233)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Cà Mau nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 4.4:		
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.065.844.887	2.065.844.887



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng - Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	1.805.453.000	965.600.000
Chia cổ tức:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.554.992.150	7.366.984.300

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Cộng		420.000.000	336.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc	383.027.500	392.658.800
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	335.821.500	337.826.146
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	309.700.950	289.509.000
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	337.515.900	306.170.400
Ông Trần Trọng Tài	Giám đốc tài chính kiểm Kế toán trưởng	333.065.500	313.508.600
Cộng		1.699.131.350	1.639.672.946



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban	48.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên	36.000.000	18.000.000
Cộng		120.000.000	78.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh được đưa ra đã được báo cáo lại

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.386	2.675
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.386	2.675

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 52/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 03 năm 2024.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt**Bùi Nguyên Khánh**
Tổng Giám đốc**Người lập****Trần Trọng Tài**
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2025



100

100



THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM

RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147Bis Hai Ba Trung Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Dich Vong Ward, Cau Giay District
Ha Noi, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM Network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction.

The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug.

© RSM International Association. 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

RSM



RSM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Việt Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (bổ nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2025)
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2025)
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2025



Số: 58/2025/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)



**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Lục Thị Vân****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		372.653.940.045	364.081.501.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.589.441.873	20.405.436.038
1. Tiền	111	4.1	50.589.441.873	20.405.436.038
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	40.282.292.017	42.928.944.263
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.282.292.017	42.928.944.263
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.702.179.360	96.390.810.620
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	86.591.763.136	90.270.869.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.777.265.704	2.739.815.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.333.150.520	3.380.125.286
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	183.914.625.370	198.805.820.349
1. Hàng tồn kho	141		188.948.955.790	203.840.150.769
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.034.330.420)	(5.034.330.420)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.165.401.425	5.550.490.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.123.851.724	1.252.676.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	4.041.549.701	4.297.813.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.746.693.049	83.313.774.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.296.500.000	1.314.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.296.500.000	1.314.500.000
II. Tài sản cố định	220		73.432.539.171	71.639.639.737
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	72.951.161.454	71.154.302.542
Nguyên giá	222		201.360.030.439	195.936.364.272
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.408.868.985)	(124.782.061.730)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	481.377.717	485.337.195
Nguyên giá	228		788.499.886	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(307.122.169)	(303.162.691)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.646.488.644	2.500.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	3.646.488.644	2.500.000.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	5.500.000.000	5.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.500.000.000	5.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.871.165.234	2.359.635.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.871.165.234	2.359.635.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		458.400.633.094	447.395.276.292

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

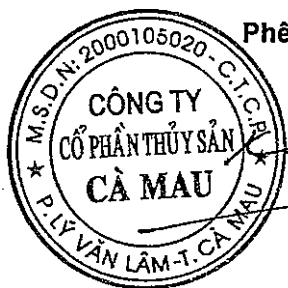
Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		261.246.549.263	273.904.266.458
I. Nợ ngắn hạn	310		261.246.549.263	273.904.266.458
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	32.820.429.550	31.091.365.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.111.339.493	1.058.759.027
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	2.624.723.322	1.437.290.556
4. Phải trả người lao động	314	4.12	9.795.385.365	11.744.905.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	5.468.134.967	4.537.880.753
6. Vay ngắn hạn	320	4.15	205.186.308.116	221.236.837.469
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.287.335.228	910.509.372
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.952.893.222	1.886.718.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.154.083.831	173.491.009.834
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	197.154.083.831	173.491.009.834
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.795.380.849	3.795.380.849
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.471.908.920)	(15.471.908.920)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.344.821.902	87.681.747.905
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		83.647.416.817	54.801.845.708
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.697.405.085	32.879.902.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		458.400.633.094	447.395.276.292



Phê duyệt

Người lập

Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách**Trần Trọng Tài**
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

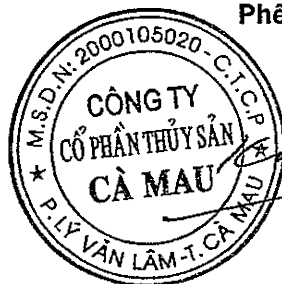
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.18	415.565.050.274	276.302.682.610
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		415.565.050.274	276.302.682.610
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	363.219.072.620	237.602.856.839
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.345.977.654	38.699.825.771
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	8.541.883.494	6.175.584.996
6. Chi phí tài chính	22	4.21	5.552.559.817	6.090.633.558
Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.191.099.400	5.114.181.872
7. Chi phí bán hàng	25	4.22	16.562.499.934	15.822.732.718
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	9.404.881.711	8.433.684.959
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.367.919.686	14.528.359.532
10. Thu nhập khác	31		453.664.773	513.517.796
11. Chi phí khác	32		198.850.224	208.981.202
12. Lợi nhuận khác	40		254.814.549	304.536.594
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.622.734.235	14.832.896.126
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	1.925.329.150	1.128.848.771
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.697.405.085	13.704.047.355
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	2.995	1.300
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	1.996	1.300

Phê duyệt

**Bùi Nguyên Khánh**
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.622.734.235	14.832.896.126
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.24	3.864.766.733	3.711.554.968
Các khoản dự phòng	03	4.24	376.825.856	72.215.955
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.787.214.158)	(208.098.511)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.387.741.644)	(809.872.693)
Chi phí lãi vay	06	4.21	5.191.099.400	5.114.181.872
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		34.880.470.422	22.712.877.717
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.577.451.877	4.225.283.946
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.891.194.979	(30.696.574.423)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		411.905.405	17.243.075.719
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		617.294.681	334.408.750
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.191.099.400)	(5.114.181.872)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(752.396.818)	(876.079.475)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	327.484.465
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.968.156.139)	(3.141.351.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.466.665.007	5.014.943.825
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.631.663.967)	(3.323.339.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	87.709.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(27.032.089.384)	(7.032.089.384)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		29.678.741.630	5.679.025.167
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		942.579.248	355.414.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.982.432.473)	(4.233.280.427)

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	341.855.148.959	352.114.902.061
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(357.940.630.712)	(355.469.955.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		157.417.755	(9.807.529.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.928.063.998)	(13.162.583.639)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		27.556.168.536	(12.380.920.241)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.405.436.038	23.509.688.734
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.627.837.299	383.468.265
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	50.589.441.873	11.512.236.758

Phê duyệt

**Bùi Nguyên Khánh**
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Sau đó, Giấy phép này được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000105020 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau Cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 566 (31/12/2024 là: 619).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu hàng thủy sản; nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu để chế biến, gia công hàng xuất khẩu.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 589, đường Dương Thị Cẩm Vân, khóm 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 169, khóm 7, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2024.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	2.051.738.560	814.577.382
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	48.537.703.313	19.590.858.656
Cộng	50.589.441.873	20.405.436.038

(*) Giá trị khoản tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Nam Á tại ngày 30/06/2025 là 12.970.000.000 VND đang được thế chấp, đảm bảo cho khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.15.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	40.282.292.017	40.282.292.017	42.928.944.263	42.928.944.263
Dài hạn:				
Trái phiếu	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và trái phiếu có kỳ hạn dài hạn tại ngày 30/06/2025 đang được đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.15.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Amanda Seafood Pte Ltd	72.907.179.448	57.859.946.967
Premier Marine Canada INC	10.361.985.498	20.883.006.772
Các khách hàng khác	3.322.598.190	11.527.915.995
Cộng	86.591.763.136	90.270.869.734

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan				
- Xem thêm Mục 4.29	2.065.844.887	-	2.065.844.887	-
Lãi dự thu tiền gửi	958.418.259	-	573.255.863	-
Phải thu khác	308.887.374	-	741.024.536	-
Cộng	3.333.150.520	-	3.380.125.286	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.296.500.000	-	1.314.500.000	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.174.820.233	-	8.059.380.592	-
Công cụ, dụng cụ	244.680.097	-	380.876.267	-
Thành phẩm	180.529.455.460	(5.034.330.420)	195.399.893.910	(5.034.330.420)
Cộng	188.948.955.790	(5.034.330.420)	203.840.150.769	(5.034.330.420)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	66.124.006.700	118.660.607.931	7.207.143.752	215.011.990	3.729.593.899	195.936.364.272
Mua trong kỳ	-	4.250.466.667	-	-	-	4.250.466.667
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.407.199.500	-	-	-	1.407.199.500
Thanh lý, nhượng bán	-	(234.000.000)	-	-	-	(234.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	66.124.006.700	124.084.274.098	7.207.143.752	215.011.990	3.729.593.899	201.360.030.439
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	32.209.801.299	83.120.658.269	6.586.245.733	202.595.864	2.662.760.565	124.782.061.730
Khấu hao trong kỳ	1.093.123.132	2.510.549.271	99.871.050	9.600.000	147.663.802	3.860.807.255
Thanh lý, nhượng bán	-	(234.000.000)	-	-	-	(234.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	33.302.924.431	85.397.207.540	6.686.116.783	212.195.864	2.810.424.367	128.408.868.985
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	33.914.205.401	35.539.949.662	620.898.019	12.416.126	1.066.833.334	71.154.302.542
Tại ngày 30/06/2025	32.821.082.269	38.687.066.558	521.026.969	2.816.126	919.169.532	72.951.161.454

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2025 đã dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 51.176.583.250 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Tại ngày 30/06/2025	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	70.610.691	232.552.000	303.162.691
Khấu hao trong kỳ	3.959.478	-	3.959.478
Tại ngày 30/06/2025	74.570.169	232.552.000	307.122.169
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	485.337.195	-	485.337.195
Tại ngày 30/06/2025	481.377.717	-	481.377.717

Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam và quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí di dời nhà xưởng phục vụ dự án kho lạnh 1.200 tấn tại Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau	2.545.000.000	2.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.101.488.644	-
Cộng	3.646.488.644	2.500.000.000

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	121.422.783	179.189.010
Các khoản khác	1.002.428.941	1.073.487.484
Cộng	1.123.851.724	1.252.676.494
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.209.404.305	1.285.715.872
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng	387.377.413	616.491.817
Các khoản khác	274.383.516	457.427.456
Cộng	1.871.165.234	2.359.635.145

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Ngọc Phát	16.096.926.100	16.096.926.100	12.456.581.900	12.456.581.900
Các nhà cung cấp khác (*)	16.723.503.450	16.723.503.450	18.634.783.848	18.634.783.848
Cộng	32.820.429.550	32.820.429.550	31.091.365.748	31.091.365.748

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.041.549.701	5.537.253.771	(832.803.537)	(4.960.714.179)	4.297.813.646
	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	832.803.537	-	(832.803.537)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	260.680.763	(260.680.763)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.081.148	1.925.329.150	(752.396.818)	-	748.148.816
Thuế thu nhập cá nhân	38.861.195	207.302.221	(192.649.943)	-	24.208.917
Thuế tài nguyên	5.635.200	35.379.200	(35.531.044)	-	5.787.044
Tiền thuê đất	659.145.779	-	-	-	659.145.779
*Các loại thuế khác	-	58.987.209	(58.987.209)	-	-
Cộng	2.624.723.322	3.320.482.080	(1.300.245.777)	(832.803.537)	1.437.290.556

4.12. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2025.

(Xem trang tiếp theo)



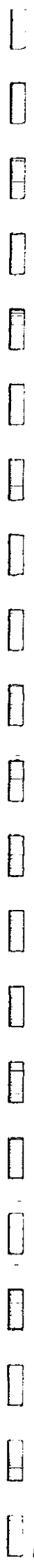
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ tức phải trả	2.506.662.700	2.664.080.455
Nhận ký quỹ, ký cược	825.000.000	831.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.136.472.267	1.042.800.298
Cộng	5.468.134.967	4.537.880.753

4.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	1.886.718.273	2.370.328.375
Trích lập trong kỳ	4.034.331.088	2.670.534.652
Tăng khác	-	327.484.465
Sử dụng trong kỳ	(2.968.156.139)	(3.141.351.002)
Cộng	2.952.893.222	2.226.996.490

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	75.594.909.055	75.594.909.055	117.099.774.343	(136.371.962.411)	94.867.097.123	94.867.097.123
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	72.964.459.546	72.964.459.546	120.529.159.852	(117.517.276.355)	69.952.576.049	69.952.576.049
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.145.441.912	15.145.441.912	57.513.218.361	(63.106.934.686)	20.739.158.237	20.739.158.237
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cà Mau	10.243.511.603	10.243.511.603	15.509.962.803	(5.266.451.200)	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	24.339.486.000	24.339.486.000	24.339.486.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 1 TP. Hồ Chí Minh	-	-	5.266.451.200	(25.244.389.800)	19.977.938.600	19.977.938.600
Cộng	198.287.808.116	198.287.808.116	340.258.052.559	(347.507.014.452)	205.536.770.009	205.536.770.009
Vay ngân hàng bằng USD:						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.898.500.000	6.898.500.000	6.863.547.600	(10.032.141.600)	10.067.094.000	10.067.094.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	(5.632.973.460)	5.632.973.460	5.632.973.460
Cộng	6.898.500.000	6.898.500.000	6.863.547.600	(15.665.115.060)	15.700.067.460	15.700.067.460
Tổng cộng	205.186.308.116	205.186.308.116	347.121.600.159	(363.172.129.512)	221.236.837.469	221.236.837.469



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ **Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ TSCĐ xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 4.6.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 90.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 5,5% - 5,7%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.6;
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 4.7.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

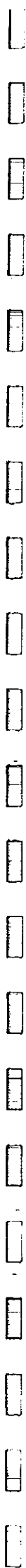
Hạn mức vay: 140.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Đàm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.6;
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau - Xem thêm Mục 4.7.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 5,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2.

▪ **Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau:**

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Tiền gửi USD không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán - Xem thêm Mục 4.1.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	66.721.553.360	152.530.815.289
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	13.704.047.355	13.704.047.355
Chia cổ tức	-	-	-	(9.249.173.000)	(9.249.173.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.983.900.989)	(1.983.900.989)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(686.633.663)	(686.633.663)
Tại ngày 30/06/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	68.505.893.063	154.315.154.992
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	19.175.854.842	19.175.854.842
Tại ngày 01/01/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	87.681.747.905	173.491.009.834
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	27.697.405.085	27.697.405.085
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.136.733.044)	(3.136.733.044)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(897.598.044)	(897.598.044)
Tại ngày 30/06/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	111.344.821.902	197.154.083.831

(*) Việc phân phối lợi nhuận trong kỳ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00	9.750.000.000	10,00
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,11	10.825.000.000	11,11
Các cổ đông khác	76.910.790.000	78,89	76.910.790.000	78,89
Cộng	97.485.790.000	100,00	97.485.790.000	100,00

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	499.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.249.173	9.249.173

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.697.405.085	13.704.047.355
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.681.472.892)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.697.405.085	12.022.574.463
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	9.249.173	9.249.173
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.995	1.300

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.697.405.085	13.704.047.355
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.681.472.892)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.697.405.085	12.022.574.463
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	9.249.173	9.249.173
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (**)	4.624.587	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.873.760	9.249.173
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.996	1.300

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 106/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2025 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.782.471,04	704.468,76

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu xuất khẩu (*)	402.209.027.961	267.427.018.291
Doanh thu nội địa	13.356.022.313	8.875.664.319
Cộng	415.565.050.274	276.302.682.610
Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan		
- Xem thêm Mục 4.29	1.280.000.000	832.000.000

(*) Doanh thu xuất khẩu kỳ này tăng hơn 50% so với kỳ trước là do sự tăng trưởng mạnh mẽ của xuất khẩu thủy sản Việt Nam so với cùng kỳ, dẫn đến sản lượng xuất khẩu đến các thị trường trọng điểm là Đông Bắc Á, Bắc Mỹ và Châu Âu tăng đáng kể.

4.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	360.457.085.984	234.707.905.738
Giá vốn khác	2.761.986.636	2.894.951.101
Cộng	363.219.072.620	237.602.856.839

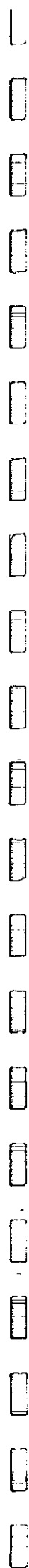
Giá vốn hàng bán kỳ này tăng 53% so với kỳ trước là do doanh thu tăng như thuyết minh tại Mục 4.18.

4.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.327.741.644	722.163.602
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.426.927.692	5.223.070.193
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.787.214.158	208.098.511
Lãi thu từ đầu tư hoạt động xe tải	-	22.252.690
Cộng	8.541.883.494	6.175.584.996

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	5.191.099.400	5.114.181.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá	361.460.417	976.451.686
Cộng	5.552.559.817	6.090.633.558



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	6.486.269.846	4.527.392.160
Chi phí thuê kho	4.667.392.814	6.420.888.245
Chi phí khác	5.408.837.274	4.874.452.313
Cộng	16.562.499.934	15.822.732.718

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.763.795.661	6.019.839.388
Chi phí đồ dùng văn phòng	104.529.065	76.767.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.170.285	236.258.098
Thuế, phí và lệ phí	13.298.488	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.397.846	474.329.276
Chi phí bằng tiền khác	1.712.690.366	1.618.490.794
Cộng	9.404.881.711	8.433.684.959

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	293.962.313.407	224.871.158.612
Chi phí nhân công	41.070.875.692	32.034.541.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.864.766.733	3.711.554.968
Chi phí dự phòng	376.825.856	72.215.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.635.125.717	16.126.753.030
Chi phí khác bằng tiền	15.426.446.256	13.720.766.170
Cộng	374.336.353.661	290.536.990.451

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.921.081.150	1.128.848.771
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	4.248.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.925.329.150	1.128.848.771



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	29.622.734.235	14.832.896.126
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	376.825.856	76.456.437
Trừ: Thu nhập miễn thuế	(15.113.674.359)	(6.377.215.465)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.885.885.732	8.532.137.098
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%</i>	4.324.925.763	2.756.350.608
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%</i>	10.560.959.969	5.775.786.490
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20%	864.985.153	551.270.122
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10%	1.056.095.997	577.578.649
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.921.081.150	1.128.848.771

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	341.855.148.959	352.114.902.061

4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

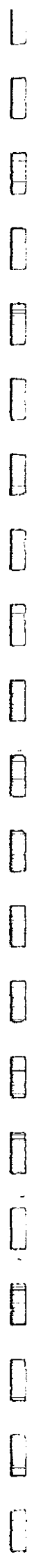
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(357.940.630.712)	(355.469.955.900)

4.28. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động do những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty phần lớn là xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,
Ban kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 4.4:		

Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.065.844.887	2.065.844.887
---------------------------	---------------	---------------

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng - Xem thêm Mục 4.18:		
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	1.280.000.000	832.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị ("HĐQT") được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	50.000.000	24.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên HĐQT	50.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên HĐQT	50.000.000	24.000.000
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT	50.000.000	24.000.000
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT	50.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên HĐQT	50.000.000	24.000.000
Cộng		360.000.000	168.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	272.393.000	229.924.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	247.592.700	196.342.500
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	232.033.430	184.169.850
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	249.032.700	198.036.900
Ông Trần Trọng Tài	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	247.312.700	195.694.500
Cộng		1.248.364.530	1.004.167.750

Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đặng Chiến Thắng	Trưởng ban	55.400.000	18.000.000
Ông Đỗ Hữu Duy	Thành viên	117.089.200	82.976.500
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/04/2025)	9.000.000	-
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05/04/2025)	19.000.000	12.000.000
Cộng		200.489.200	112.976.500

4.30. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	<u>Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.300	1.482

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 62/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Người lập

Trần Trọng Tài
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: *ML* quyền số: *01* - SCT/RS

Ngày: *09-09-2025*



Đặng Văn Nam



[Faint, illegible handwritten text or markings in the center of the page.]



RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147Bis Hai Ba Trung Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Dich Vong Ward, Cau Giay District
Ha Noi, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM Network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction.

The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug.

Số: 14/2023-24/UQ-RSM

RSM

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 – Hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (sau đây gọi là “RSM Vietnam”) về quy định chức năng quyền hạn của Tổng Giám đốc;
- Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty hiện nay;

Tôi: Đặng Xuân Cảnh (Người ủy quyền)

- CCCD số: 079059018131 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021
- Chức vụ: Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật của RSM Vietnam

Bằng Văn bản này, ủy quyền cho:

Bà: Trịnh Thanh Thanh (Người được ủy quyền)

- CCCD số: 089186019888 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/5/2023
- Chức vụ: Giám đốc Nghiệp vụ Kiểm toán – Phụ trách Phòng Nghiệp vụ AAS4.

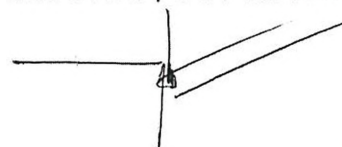
Phạm vi ủy quyền:

Bà Trịnh Thanh Thanh được ủy quyền chịu trách nhiệm xem xét chất lượng của hồ sơ dịch vụ kiểm toán; hồ sơ dịch vụ soát xét và các hồ sơ dịch vụ khác nhằm bảo đảm tuân thủ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, các quy định pháp luật có liên quan và các chính sách quản lý chất lượng của RSM Vietnam. Bà Trịnh Thanh Thanh chịu trách nhiệm trước pháp luật và đại diện cho RSM Vietnam ký phát hành báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và báo cáo các dịch vụ khác cho các khách hàng theo sự phân công của Công ty.

Thời hạn và hiệu lực ủy quyền:

- Việc ủy quyền này có hiệu lực từ ngày **01/10/2023** cho đến khi có văn bản khác thay thế; các ủy quyền trước đây có cùng nội dung đều không còn hiệu lực.
- Giấy ủy quyền được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho Người ủy quyền, 01 bản giao cho Người được ủy quyền, 01 bản lưu tại Phòng Nhân sự và 1 bản lưu tại Phòng Nghiệp vụ AAS4 - RSM Vietnam.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



TRỊNH THANH THANH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 Tháng 06 Năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGƯỜI ỦY QUYỀN



ĐẶNG XUÂN CẢNH



Đặng Xuân Cảnh



Số: 03/2024-25/UQ-RSM

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 – Hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (sau đây gọi là RSM Vietnam) về quy định chức năng quyền hạn của Tổng Giám đốc;
- Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty hiện nay;

Tôi, Đặng Xuân Cảnh (Người ủy quyền)

CCCD số: 079059018131 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021;

Chức vụ: Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật của RSM Vietnam (sau đây gọi tắt là "TGD");

bằng văn bản này, ủy quyền cho:

Bà Lục Thị Vân (Người được ủy quyền)

CCCD số: 074168000243 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07/10/2022;

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc RSM Vietnam - Khối Kiểm toán và Dịch vụ bảo đảm (sau đây gọi tắt là "Khối AAS")

Phạm vi được ủy quyền:

Bà Lục Thị Vân có trách nhiệm xem xét các hồ sơ, chứng từ liên quan đến dịch vụ do các phòng thuộc Khối AAS thực hiện để ký các loại văn bản như sau:

- Thư báo giá;
- Hợp đồng dịch vụ và các văn bản liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của các phòng thuộc Khối AAS;
- Các hợp đồng dịch vụ với các bên cộng tác nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh và/hoặc cung cấp dịch vụ chuyên ngành của các phòng thuộc Khối AAS;
- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ (Báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét, ...);

Bằng các xét đoán chuyên môn, nếu nhận thấy việc TGD ký các văn bản được ủy quyền như nêu trên thuận lợi hơn cho công việc, Người được ủy quyền cần phải thông báo cho TGD được biết. Trong trường hợp này, Người được ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về xem xét chất lượng các văn bản để bảo đảm rằng các văn bản này đã được sẵn sàng để ký phát hành.

Thời hạn và Hiệu lực ủy quyền:

Việc ủy quyền này có hiệu lực từ ngày **01/01/2025** cho đến khi có văn bản khác thay thế;

Giấy ủy quyền được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho Người ủy quyền, 01 bản giao cho Người được ủy quyền, 01 bản lưu tại Phòng Nhân sự Công ty, 01 bản lưu tại Khối AAS.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



LỤC THỊ VÂN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 Tháng 01 Năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

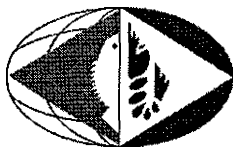


Dặng Xuân Cảnh

NGƯỜI ỦY QUYỀN



ĐẶNG XUÂN CẢNH



SEAPRIMEXCO®

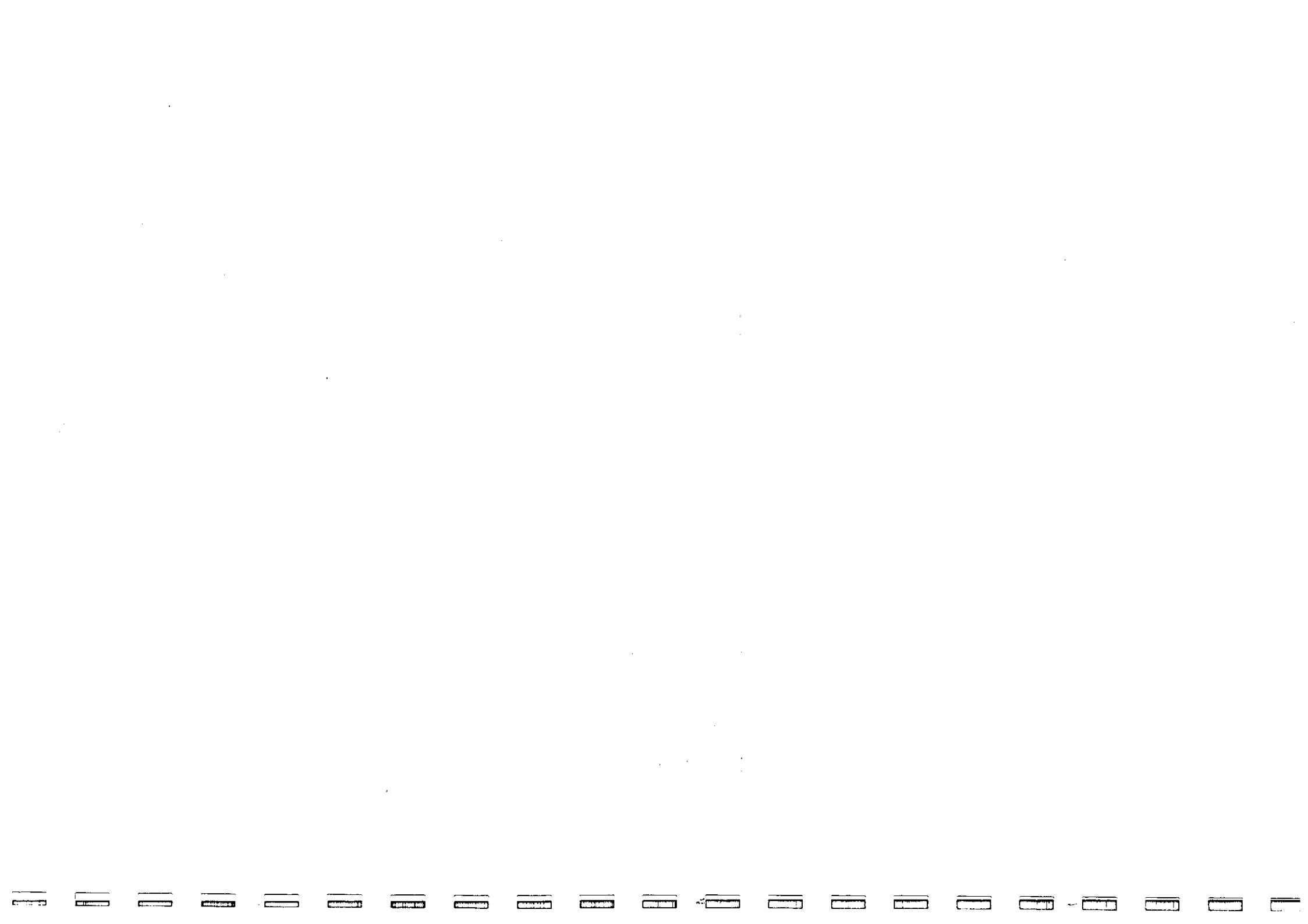
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU
SEAPRIMEXCO VIETNAM

Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

TEL: (84-290) 3831615 - FAX: (84-290) 3831861

E-mail : sales@seaprimexco.com - Website: www.seaprimexco.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2025



4- Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5- Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6- Phải thu dài hạn khác	216	1.289.500.000	1.314.500.000
7- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II- Tài sản cố định	220	72.601.411.882	71.639.639.737
- Nguyên giá		200.012.332.201	196.724.864.158
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)		(127.410.920.319)	(125.085.224.421)
1- Tài sản cố định hữu hình	221	72.052.800.942	71.154.302.542
- Nguyên giá	222	199.151.610.093	195.936.364.272
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	(127.098.809.151)	(124.782.061.730)
2- Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		
3- Tài sản cố định vô hình	227	548.610.940	485.337.195
- Nguyên giá	228	860.722.108	788.499.886
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	(312.111.168)	(303.162.691)
III- Bất động sản đầu tư	230		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232		
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	2.565.994.000	2.500.000.000
1- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.565.994.000	2.500.000.000
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.500.000.000	5.500.000.000
1- Đầu tư vào công ty con	251		
2- Đầu tư vào công ty liên kết ,liên doanh	252		
3- Đầu tư góp vốn khác	253		
4- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		
5- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.500.000.000	5.500.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	260	1.829.839.778	2.359.635.145
1- Chi phí trả trước dài hạn	261	1.829.839.778	2.359.635.145
2- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4- Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	488.725.384.740	447.395.276.292

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tại ngày 30/09/2025	Tại ngày 01/01/2025
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	288.072.516.850	273.904.266.458
I- Nợ ngắn hạn	310	288.072.516.850	273.904.266.458
1- Phải trả người bán ngắn hạn	311	22.877.347.735	31.091.365.748
2- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.571.015.114	1.058.759.027
3- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	3.750.986.501	1.437.290.556
4- Phải trả người lao động	314	11.067.608.769	11.744.905.260
5- Chi phí phải trả ngắn hạn	315		



6- Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7- Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		
8- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	5.817.220.559	4.537.880.753
10- Vay và nợ thuê tài chính	320	237.749.390.854	221.236.837.469
11- Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.287.335.228	910.509.372
12- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.951.612.090	1.886.718.273
II- Nợ dài hạn	330		
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	200.652.867.890	173.491.009.834
I- Nguồn vốn chủ sở hữu	410	200.652.867.890	173.491.009.834
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411	97.485.790.000	97.485.790.000
_ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	97.485.790.000	97.485.790.000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412	3.795.380.849	3.795.380.849
3- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4- Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5 - Cổ phiếu quỹ (*)	415	(15.471.908.920)	(15.471.908.920)
6- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8- Quỹ đầu tư phát triển	418		
9- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	114.843.605.961	87.681.747.905
_ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	65.149.070.817	54.801.845.708
_ LNST chưa phân phối kỳ này	421b	49.694.535.144	32.879.902.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	488.725.384.740	447.395.276.292



Phê duyệt

Bùi Nguyên Khánh

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài

Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ III/2025 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/09	
		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	234.673.969.758	234.577.063.444	650.239.020.032	510.879.746.054
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	234.673.969.758	234.577.063.444	650.239.020.032	510.879.746.054
4- Giá vốn hàng bán	11	200.628.161.224	199.811.437.378	563.847.233.844	437.414.294.217
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	34.045.808.534	34.765.626.066	86.391.786.188	73.465.451.837
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.958.644.948	1.571.028.483	11.500.528.442	7.746.613.479
7- Chi phí tài chính	22	2.246.519.870	4.374.463.824	7.799.079.687	10.465.097.382
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	2.137.986.307	2.494.728.161	7.329.085.707	7.608.910.033
8- Chi phí bán hàng	24	7.428.994.069	10.895.063.622	23.991.494.003	26.717.796.340
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.048.235.902	4.483.385.249	14.453.117.613	12.917.070.208
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30	22.280.703.641	16.583.741.854	51.648.623.327	31.112.101.386
11- Thu nhập khác	31	467.547.050	259.219.495	921.211.823	772.737.291
12- Chi phí khác	32	103.269.006	104.857.164	302.119.230	313.838.366
13- Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	364.278.044	154.362.331	619.092.593	458.898.925
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	22.644.981.685	16.738.104.185	52.267.715.920	31.571.000.311
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	647.851.626	721.119.423	2.573.180.776	1.849.968.194
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	21.997.130.059	16.016.984.762	49.694.535.144	29.721.032.117
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				
19- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				



Phê duyệt

Bùi Nguyên Khánh

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài

Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ III/2025 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ III/2025	QUÝ III/2024
I/- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ b.hàng,c.cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01	229.376.463.218	183.937.529.633
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(16.065.680.963)	(21.677.149.833)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.851.349.234)	(925.544.123)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.961.143.677)	(2.496.043.229)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(328.853.946)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.468.872.890	5.840.479.617
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.079.534.632)	(4.929.692.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	208.558.773.656	159.749.579.671
II/- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, x.dựng TSCĐ và các TS d.hạn khác	21		
2. Tiền thu t. lý, nhượng bán TSCĐ và các TS d.hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.283.769.627)	(5.159.471.811)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các c.cụ nợ của đ.vị khác	24	5.159.471.811	5.012.805.212
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.124.297.816)	(146.666.599)
III/- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ p.hành cổ phiếu, nhận vốn góp của c.s.hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các c.s.hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		54.751.295.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(157.870.077.222)	(205.035.318.814)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.717.227.100)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(174.587.304.322)	(150.284.023.614)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	28.847.171.518	9.318.889.458
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50.589.441.873	11.512.236.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	79.436.613.391	20.831.126.216

**Phê duyệt**

Bùi Nguyên Khánh

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập

Trần Trọng Tài
Kế toán trưởng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 08 năm 2025 với mã số doanh nghiệp 2000105020 để cập nhật thông tin Công ty.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán CAT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chi tiết: sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến Mặt Hàng Mới	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 589, đường Dương Thị Cẩm Vân, Xã Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Số 169, Ấp 7, Xã Sông Đốc, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2024.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	986.991.989	814.577.382
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.449.621.402	19.590.858.656
Cộng	79.436.613.391	20.405.436.038

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	45.375.416.638	45.375.416.638	42.928.944.263	42.928.944.263
Dài hạn:				
Trái phiếu (*)	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000

(*) Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu tại ngày 30/09/2025 đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng - Xem thêm Mục 4.14.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Amanda Seafood Pte Ltd	45.158.774.520	57.859.946.967
Premier Marine Canada INC	38.839.219.912	20.883.006.772
Các khách hàng khác	10.569.790.748	11.527.915.995
Cộng	94.567.785.216	90.270.869.734



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan -				
Xem thêm Mục 7	2.065.844.887	-	2.065.844.887	-
Lãi dự thu tiền gửi	1.334.903.830	-	573.255.863	-
Phải thu khác	795.129.903	-	741.024.536	-
Cộng	4.195.878.620	-	3.380.125.286	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.289.500.000	-	1.314.500.000	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.308.157.050	-	8.059.380.592	-
Công cụ, dụng cụ	472.036.354	-	380.876.267	-
Thành phẩm	162.797.448.661	(5.034.330.420)	195.399.893.910	(5.034.330.420)
Cộng	170.577.642.065	(5.034.330.420)	203.840.150.769	(5.034.330.420)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án kho lạnh tại Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau	2.545.000.000	2.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	20.994.000	-
Cộng	2.565.994.000	2.500.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	64.751.766.678	120.175.847.953	7.207.143.752	215.011.990	3.586.593.899	195.936.364.272
Mua trong kỳ	-	5.657.666.167	-	-	1.087.945.044	6.745.611.211
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(894.113.587)	(2.636.251.803)	-	-	(3.350.365.390)
Tại ngày 30/09/2025	64.751.766.678	124.939.400.533	4.570.891.949	215.011.990	4.674.538.943	199.151.610.093
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	31.903.984.596	83.426.474.972	6.593.745.733	195.095.864	2.662.760.565	124.782.061.730
Khấu hao trong kỳ	1.633.806.583	3.811.140.470	149.806.575	14.400.000	237.959.183	5.847.112.811
Thanh lý, nhượng bán	-	(894.113.587)	(2.636.251.803)	-	-	(3.350.365.390)
Tại ngày 30/09/2025	33.537.791.179	86.343.501.855	4.107.300.505	209.495.864	2.900.719.748	127.098.809.151
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	32.847.782.082	36.749.372.981	613.398.019	19.916.126	923.833.334	71.154.302.542
Tại ngày 30/09/2025	31.213.975.499	38.595.898.678	463.591.444	5.516.126	1.773.819.195	72.052.800.942

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	555.947.886	232.552.000	788.499.886
Mua trong kỳ	-	72.222.222	72.222.222
Tại ngày 30/09/2025	555.947.886	304.774.222	860.722.108
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	70.610.691	232.552.000	303.162.691
Khấu hao trong kỳ	5.939.217	3.009.260	8.948.477
Tại ngày 30/09/2025	76.549.908	235.561.260	312.111.168
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	485.337.195	-	485.337.195
Tại ngày 30/09/2025	479.397.978	69.212.962	548.610.940

Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau và quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	122.366.934	179.189.010
Các khoản khác	662.932.583	1.073.487.484
Cộng	785.299.517	1.252.676.494
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.115.535.399	1.285.715.873
Chi phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị, nhà xưởng và các khoản khác	714.304.379	1.073.919.272
Cộng	1.829.839.778	2.359.635.145



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Ngọc Phát	4.066.148.465	4.066.148.465	12.456.581.900	12.456.581.900
Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Thạch	1.516.305.715	1.516.305.715	2.585.262.100	2.585.262.100
Các nhà cung cấp khác	17.294.893.555	17.294.893.555	16.049.521.748	16.049.521.748
Cộng	22.877.347.735	22.877.347.735	31.091.365.748	31.091.365.748

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Số được hoàn VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.238.064.053	14.918.402.464	(1.331.204.441)	(5.646.947.616)	4.297.813.646

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.331.204.441	-	(1.331.204.441)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	702.180.239	(702.180.239)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.240.078.828	2.573.180.776	(1.081.250.764)	-	748.148.816
Thuế thu nhập cá nhân	845.443.094	1.208.758.719	(387.524.542)	-	24.208.917
Thuế tài nguyên	6.318.800	54.333.600	(53.801.844)	-	5.787.044
Tiền thuê đất	659.145.779	63.156.001	(63.156.001)	-	659.145.779
Các loại thuế khác	-	108.998.916	(108.998.916)	-	-
Cộng	3.750.986.501	6.041.812.692	(2.396.912.306)	(1.331.204.441)	1.437.290.556

4.12. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/09/2025.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ tức phải trả	3.368.434.300	2.664.080.455
Nhận ký quỹ, ký cược	831.000.000	831.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.617.786.259	1.042.800.298
Cộng	5.817.220.559	4.537.880.753



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng bằng VND:						
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	106.284.291.720	106.284.291.720	190.178.880.543	(178.761.685.946)	94.867.097.123	94.867.097.123
-Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	59.912.213.186	59.912.213.186	162.864.441.564	(172.904.804.427)	69.952.576.049	69.952.576.049
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.863.892.104	12.863.892.104	73.822.252.065	(81.697.518.198)	20.739.158.237	20.739.158.237
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	33.900.856.273	33.900.856.273	54.677.270.276	(40.754.352.603)	19.977.938.600	19.977.938.600
-Ngân hàng TMCP Nam Á	24.788.137.571	24.788.137.571	49.127.623.571	(24.339.486.000)	-	-
Cộng	237.749.390.854	237.749.390.854	530.670.468.019	(498.457.847.174)	205.536.770.009	205.536.770.009
Vay ngân hàng bằng USD:						
-Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	6.919.244.500	(16.986.338.500)	10.067.094.000	10.067.094.000
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	8.165.700	(5.641.139.160)	5.632.973.460	5.632.973.460
Cộng	-	-	6.927.410.200	(22.627.477.660)	15.700.067.460	15.700.067.460
Tổng cộng	237.749.390.854	237.749.390.854	537.597.878.219	(521.085.324.834)	221.236.837.469	221.236.837.469



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0% - 4,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ TSCĐ xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc - Xem thêm Mục 4.7

▪ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 90.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 4,0% - 5,7%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định phân xưởng 196 thuộc xí nghiệp chế biến Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.7
- Quyền sở hữu lô văn phòng số 2.19 căn hộ Prince số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm Mục 4.8

▪ Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 140.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0% - 4,5%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: - Tiền gửi có kỳ hạn - Xem thêm Mục 4.2
- Toàn bộ tài sản cố định xí nghiệp chế biến thủy sản Đàm Dơi và phân xưởng 118 thuộc Xí nghiệp chế biến Mặt Hàng Mới - Xem thêm Mục 4.7
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 7, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau - Xem thêm Mục 4.8

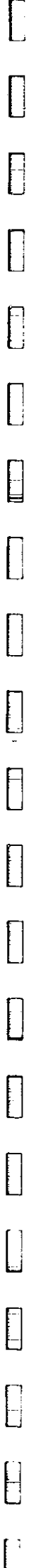
▪ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 55.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0% - 6,8%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành; Tiền gửi USD không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán - Xem thêm Mục 4.2

▪ Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND
Thời hạn vay: Dưới 12 tháng
Lãi suất: 2,0% - 5,0%/năm
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo: Tiền gửi USD không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	66.721.553.360	152.530.815.289
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.879.902.197	32.879.902.197
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.175.900.989)	(2.175.900.989)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(494.633.663)	(494.633.663)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.249.173.000)	(9.249.173.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	87.681.747.905	173.491.009.834
Lãi trong kỳ này	-	-	-	49.694.535.144	49.694.535.144
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.136.733.044)	(3.136.733.044)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(897.598.044)	(897.598.044)
Chia cổ tức	-	-	-	(18.498.346.000)	(18.498.346.000)
Tại ngày 30/09/2025	97.485.790.000	3.795.380.849	(15.471.908.920)	114.843.605.961	200.652.867.890

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 30/09/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	9.700.000.000	9,95	9.750.000.000	10,00
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,11	10.825.000.000	11,11
Các cổ đông khác	76.960.790.000	78,94	76.910.790.000	78,89
Cộng	97.485.790.000	100,00	97.485.790.000	100,00

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	499.406	499.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.249.173	9.249.173

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/09/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.741.234,58	852.402,20



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu xuất khẩu	228.671.205.496	228.885.917.498
Doanh thu nội địa	6.002.764.262	5.691.145.946
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	234.673.969.758	234.577.063.444
Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm Mục 7	1.221.126.000	640.000.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	198.941.481.085	197.400.447.910
Giá vốn khác	1.686.680.139	2.410.989.468
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	200.628.161.224	199.811.437.378

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	763.990.981	361.585.529
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.096.952.000	1.171.528.171
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.701.967	37.914.783
Cộng	2.958.644.948	1.571.028.483

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.137.986.307	2.494.728.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá	108.533.563	1.879.735.663
Cộng	2.246.519.870	4.374.463.824



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước tàu, vận chuyển, bốc xếp	3.270.041.541	5.660.658.016
Chi phí thuê kho	1.735.160.671	3.039.143.654
Chi phí khác	2.423.791.857	2.195.261.952
Cộng	7.428.994.069	10.895.063.622

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.695.548.764	3.271.865.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.074.314	50.891.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.322.957	110.748.952
Thuế, phí và lệ phí	63.508.001	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.375.518	32.061.040
Chi phí bằng tiền khác	1.103.406.348	1.017.818.715
Cộng	5.048.235.902	4.483.385.249

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty là từ sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Cà Mau nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tạm ứng tiền mua đất xây dựng nhà xưởng - Xem thêm Mục 4.4:		
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	2.065.844.887	2.065.844.887

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng - Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Hai Thanh	1.221.126.000	640.000.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt**Người lập**

Bùi Nguyên Khánh
Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Trần Trọng Tài
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2025



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP THỦY SẢN CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 70/QĐ-HDQT

Cà Mau, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CP THỦY SẢN CÀ MAU

- Căn cứ Luật doanh nghiệp sửa đổi của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2020;
 - Căn cứ Bộ Luật Lao động sửa đổi của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2019;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021 và căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số 97/BB-HĐQT ngày 10/06/2025;
- Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác và để không vi phạm đến các quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- ĐIỀU 1. -Nay cho ông **Bùi Nguyên Khánh** thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và phân công giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty CP Thủy sản Cà Mau.
- ĐIỀU 2. -Tiền lương và các chế độ phụ cấp khác (nếu có) của ông **Bùi Nguyên Khánh** được hưởng theo chính sách hiện hành và quy định chung của Công ty.
- ĐIỀU 3. -Các phòng ban, đơn vị chức năng trực thuộc Công ty có liên quan và ông **Bùi Nguyên Khánh** căn cứ Quyết định thi hành.
- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TCHC.

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 09 năm 2025



Bùi Vĩnh Hoàng Chương

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Bùi Vĩnh Hoàng Chương

Shur

10/10/10

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân công nhiệm vụ của Phó Tổng Giám đốc phụ trách

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CP THỦY SẢN CÀ MAU

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Thủy sản Cà Mau ngày 27/03/2021, Phụ lục sửa đổi Điều lệ ngày 01/04/2023 và căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số 97/BB-HĐQT ngày 10/06/2025, và căn cứ Quyết định số 70/QĐ-HĐQT ngày 11/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty CP Thủy sản Cà Mau;

Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1. -Do Công ty đang khuyết người đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phân công ông **Bùi Nguyên Khánh** – Phó Tổng Giám đốc phụ trách chịu trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, và công việc hằng ngày của Công ty, cho đến khi Hội đồng quản trị kiện toàn, bổ nhiệm được Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cà Mau.

ĐIỀU 2. -Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, đơn vị chức năng trực thuộc Công ty có liên quan và ông **Bùi Nguyên Khánh** chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3; Ngày 08 tháng 09 năm 2025

SAO Y BẢN CHÍNH



Bùi Vĩnh Hoàng Chương

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *My*

Chủ tịch



Bùi Vĩnh Hoàng Chương

1967-1968
1969-1970
1971-1972
1973-1974
1975-1976
1977-1978
1979-1980
1981-1982
1983-1984
1985-1986
1987-1988
1989-1990
1991-1992
1993-1994
1995-1996
1997-1998
1999-2000
2001-2002
2003-2004
2005-2006
2007-2008
2009-2010
2011-2012
2013-2014
2015-2016
2017-2018
2019-2020
2021-2022
2023-2024
2025-2026
2027-2028
2029-2030
2031-2032
2033-2034
2035-2036
2037-2038
2039-2040
2041-2042
2043-2044
2045-2046
2047-2048
2049-2050
2051-2052
2053-2054
2055-2056
2057-2058
2059-2060
2061-2062
2063-2064
2065-2066
2067-2068
2069-2070
2071-2072
2073-2074
2075-2076
2077-2078
2079-2080
2081-2082
2083-2084
2085-2086
2087-2088
2089-2090
2091-2092
2093-2094
2095-2096
2097-2098
2099-2100
2101-2102
2103-2104
2105-2106
2107-2108
2109-2110
2111-2112
2113-2114
2115-2116
2117-2118
2119-2120
2121-2122
2123-2124
2125-2126
2127-2128
2129-2130
2131-2132
2133-2134
2135-2136
2137-2138
2139-2140
2141-2142
2143-2144
2145-2146
2147-2148
2149-2150
2151-2152
2153-2154
2155-2156
2157-2158
2159-2160
2161-2162
2163-2164
2165-2166
2167-2168
2169-2170
2171-2172
2173-2174
2175-2176
2177-2178
2179-2180
2181-2182
2183-2184
2185-2186
2187-2188
2189-2190
2191-2192
2193-2194
2195-2196
2197-2198
2199-2200
2201-2202
2203-2204
2205-2206
2207-2208
2209-2210
2211-2212
2213-2214
2215-2216
2217-2218
2219-2220
2221-2222
2223-2224
2225-2226
2227-2228
2229-2230
2231-2232
2233-2234
2235-2236
2237-2238
2239-2240
2241-2242
2243-2244
2245-2246
2247-2248
2249-2250
2251-2252
2253-2254
2255-2256
2257-2258
2259-2260
2261-2262
2263-2264
2265-2266
2267-2268
2269-2270
2271-2272
2273-2274
2275-2276
2277-2278
2279-2280
2281-2282
2283-2284
2285-2286
2287-2288
2289-2290
2291-2292
2293-2294
2295-2296
2297-2298
2299-2300
2301-2302
2303-2304
2305-2306
2307-2308
2309-2310
2311-2312
2313-2314
2315-2316
2317-2318
2319-2320
2321-2322
2323-2324
2325-2326
2327-2328
2329-2330
2331-2332
2333-2334
2335-2336
2337-2338
2339-2340
2341-2342
2343-2344
2345-2346
2347-2348
2349-2350
2351-2352
2353-2354
2355-2356
2357-2358
2359-2360
2361-2362
2363-2364
2365-2366
2367-2368
2369-2370
2371-2372
2373-2374
2375-2376
2377-2378
2379-2380
2381-2382
2383-2384
2385-2386
2387-2388
2389-2390
2391-2392
2393-2394
2395-2396
2397-2398
2399-2400
2401-2402
2403-2404
2405-2406
2407-2408
2409-2410
2411-2412
2413-2414
2415-2416
2417-2418
2419-2420
2421-2422
2423-2424
2425-2426
2427-2428
2429-2430
2431-2432
2433-2434
2435-2436
2437-2438
2439-2440
2441-2442
2443-2444
2445-2446
2447-2448
2449-2450
2451-2452
2453-2454
2455-2456
2457-2458
2459-2460
2461-2462
2463-2464
2465-2466
2467-2468
2469-2470
2471-2472
2473-2474
2475-2476
2477-2478
2479-2480
2481-2482
2483-2484
2485-2486
2487-2488
2489-2490
2491-2492
2493-2494
2495-2496
2497-2498
2499-2500
2501-2502
2503-2504
2505-2506
2507-2508
2509-2510
2511-2512
2513-2514
2515-2516
2517-2518
2519-2520
2521-2522
2523-2524
2525-2526
2527-2528
2529-2530
2531-2532
2533-2534
2535-2536
2537-2538
2539-2540
2541-2542
2543-2544
2545-2546
2547-2548
2549-2550
2551-2552
2553-2554
2555-2556
2557-2558
2559-2560
2561-2562
2563-2564
2565-2566
2567-2568
2569-2570
2571-2572
2573-2574
2575-2576
2577-2578
2579-2580
2581-2582
2583-2584
2585-2586
2587-2588
2589-2590
2591-2592
2593-2594
2595-2596
2597-2598
2599-2600
2601-2602
2603-2604
2605-2606
2607-2608
2609-2610
2611-2612
2613-2614
2615-2616
2617-2618
2619-2620
2621-2622
2623-2624
2625-2626
2627-2628
2629-2630
2631-2632
2633-2634
2635-2636
2637-2638
2639-2640
2641-2642
2643-2644
2645-2646
2647-2648
2649-2650
2651-2652
2653-2654
2655-2656
2657-2658
2659-2660
2661-2662
2663-2664
2665-2666
2667-2668
2669-2670
2671-2672
2673-2674
2675-2676
2677-2678
2679-2680
2681-2682
2683-2684
2685-2686
2687-2688
2689-2690
2691-2692
2693-2694
2695-2696
2697-2698
2699-2700
2701-2702
2703-2704
2705-2706
2707-2708
2709-2710
2711-2712
2713-2714
2715-2716
2717-2718
2719-2720
2721-2722
2723-2724
2725-2726
2727-2728
2729-2730
2731-2732
2733-2734
2735-2736
2737-2738
2739-2740
2741-2742
2743-2744
2745-2746
2747-2748
2749-2750
2751-2752
2753-2754
2755-2756
2757-2758
2759-2760
2761-2762
2763-2764
2765-2766
2767-2768
2769-2770
2771-2772
2773-2774
2775-2776
2777-2778
2779-2780
2781-2782
2783-2784
2785-2786
2787-2788
2789-2790
2791-2792
2793-2794
2795-2796
2797-2798
2799-2800
2801-2802
2803-2804
2805-2806
2807-2808
2809-2810
2811-2812
2813-2814
2815-2816
2817-2818
2819-2820
2821-2822
2823-2824
2825-2826
2827-2828
2829-2830
2831-2832
2833-2834
2835-2836
2837-2838
2839-2840
2841-2842
2843-2844
2845-2846
2847-2848
2849-2850
2851-2852
2853-2854
2855-2856
2857-2858
2859-2860
2861-2862
2863-2864
2865-2866
2867-2868
2869-2870
2871-2872
2873-2874
2875-2876
2877-2878
2879-2880
2881-2882
2883-2884
2885-2886
2887-2888
2889-2890
2891-2892
2893-2894
2895-2896
2897-2898
2899-2900
2901-2902
2903-2904
2905-2906
2907-2908
2909-2910
2911-2912
2913-2914
2915-2916
2917-2918
2919-2920
2921-2922
2923-2924
2925-2926
2927-2928
2929-2930
2931-2932
2933-2934
2935-2936
2937-2938
2939-2940
2941-2942
2943-2944
2945-2946
2947-2948
2949-2950
2951-2952
2953-2954
2955-2956
2957-2958
2959-2960
2961-2962
2963-2964
2965-2966
2967-2968
2969-2970
2971-2972
2973-2974
2975-2976
2977-2978
2979-2980
2981-2982
2983-2984
2985-2986
2987-2988
2989-2990
2991-2992
2993-2994
2995-2996
2997-2998
2999-3000
3001-3002
3003-3004
3005-3006
3007-3008
3009-3010
3011-3012
3013-3014
3015-3016
3017-3018
3019-3020
3021-3022
3023-3024
3025-3026
3027-3028
3029-3030
3031-3032
3033-3034
3035-3036
3037-3038
3039-3040
3041-3042
3043-3044
3045-3046
3047-3048
3049-3050
3051-3052
3053-3054
3055-3056
3057-3058
3059-3060
3061-3062
3063-3064
3065-3066
3067-3068
3069-3070
3071-3072
3073-3074
3075-3076
3077-3078
3079-3080
3081-3082
3083-3084
3085-3086
3087-3088
3089-3090
3091-3092
3093-3094
3095-3096
3097-3098
3099-3100
3101-3102
3103-3104
3105-3106
3107-3108
3109-3110
3111-3112
3113-3114
3115-3116
3117-3118
3119-3120
3121-3122
3123-3124
3125-3126
3127-3128
3129-3130
3131-3132
3133-3134
3135-3136
3137-3138
3139-3140
3141-3142
3143-3144
3145-3146
3147-3148
3149-3150
3151-3152
3153-3154
3155-3156
3157-3158
3159-3160
3161-3162
3163-3164
3165-3166
3167-3168
3169-3170
3171-3172
3173-3174
3175-3176
3177-3178
3179-3180
3181-3182
3183-3184
3185-3186
3187-3188
3189-3190
3191-3192
3193-3194
3195-3196
3197-3198
3199-3200
3201-3202
3203-3204
3205-3206
3207-3208
3209-3210
3211-3212
3213-3214
3215-3216
3217-3218
3219-3220
3221-3222
3223-3224
3225-3226
3227-3228
3229-3230
3231-3232
3233-3234
3235-3236
3237-3238
3239-3240
3241-3242
3243-3244
3245-3246
3247-3248
3249-3250
3251-3252
3253-3254
3255-3256
3257-3258
3259-3260
3261-3262
3263-3264
3265-3266
3267-3268
3269-3270
3271-3272
3273-3274
3275-3276
3277-3278
3279-3280
3281-3282
3283-3284
3285-3286
3287-3288
3289-3290
3291-3292
3293-3294
3295-3296
3297-3298
3299-3300
3301-3302
3303-3304
3305-3306
3307-3308
3309-3310
3311-3312
3313-3314
3315-3316
3317-3318
3319-3320
3321-3322
3323-3324
3325-3326
3327-3328
3329-3330
3331-3332
3333-3334
3335-3336
3337-3338
3339-3340
3341-3342
3343-3344
3345-3346
3347-3348
3349-3350
3351-3352
3353-3354
3355-3356
3357-3358
3359-3360
3361-3362
3363-3364
3365-3366
3367-3368
3369-3370
3371-3372
3373-3374
3375-3376
3377-3378
3379-3380
3381-3382
3383-3384
3385-3386
3387-3388
3389-3390
3391-3392
3393-3394
3395-3396
3397-3398
3399-3400
3401-3402
3403-3404
3405-3406
3407-3408
3409-3410
3411-3412
3413-3414
3415-3416
3417-3418
3419-3420
3421-3422
3423-3424
3425-3426
3427-3428
3429-3430
3431-3432
3433-3434
3435-3436
3437-3438
3439-3440
3441-3442
3443-3444
3445-3446
3447-3448
3449-3450
3451-3452
3453-3454
3455-3456
3457-3458
3459-3460
3461-3462
3463-3464
3465-3466
3467-3468
3469-3470
3471-3472
3473-3474
3475-3476
3477-3478
3479-3480
3481-3482
3483-3484
3485-3486
3487-3488
3489-3490
3491-3492
3493-3494
3495-3496
3497-3498
3499-3500
3501-3502
3503-3504
3505-3506
3507-3508
3509-3510
3511-3512
3513-3514
3515-3516
3517-3518
3519-3520
3521-3522
3523-3524
3525-3526
3527-3528
3529-3530
3531-3532
3533-3534
3535-3536
3537-3538
3539-3540
3541-3542
3543-3544
3545-3546
3547-3548
3549-3550
3551-3552
3553-3554
3555-3556
3557-3558
3559-3560
3561-3562
3563-3564
3565-3566
3567-3568
3569-3570
3571-3572
3573-3574
3575-3576
3577-3578
3579-3580
3581-3582
3583-3584
3585-3586
3587-3588
3589-3590
3591-3592
3593-3594
3595-3596
3597-3598
3599-3600
3601-3602
3603-3604
3605-3606
3607-3608
3609-3610
3611-3612
3613-3614
3615-3616
3617-3618
3619-3620
3621-3622
3623-3624
3625-3626
3627-3628
3629-3630
3631-3632
3633-3634
3635-3636
3637-3638
3639-3640
3641-3642
3643-3644
3645-3646
3647-3648
3649-3650
3651-3652
3653-3654
3655-3656
3657-3658
3659-3660
3661-3662
3663-3664
3665-3666
3667-3668
3669-3670
3671-3672
3673-3674
3675-3676
3677-3678
3679-3680
3681-3682
3683-3684
3685-3686
3687-3688
3689-3690
3691-3692
3693-3694
3695-3696
3697-3698
3699-3700
3701-3702
3703-3704
3705-3706
3707-3708
3709-3710
3711-3712
3713-3714
3715-3716
3717-3718
3719-3720
3721-3722
3723-3724
3725-3726
3727-3728
3729-3730
3731-3732
3733-3734
3735-3736
3737-3738
3739-3740
3741-3742
3743-3744
3745-3746
3747-3748
3749-3750
3751-3752
3753-3754
3755-3756
3757-3758
3759-3760
3761-3762
3763-3764
3765-3766
3767-3768
3769-3770
3771-3772
3773-3774
3775-3776
3777-3778
3779-3780
3781-3782
3783-3784
3785-3786
3787-3788
3789-3790
3791-3792
3793-3794
3795-3796
3797-3798
3799-3800
3801-3802
3803-3804
3805-3806
3807-3808
3809-3810
3811-3812
3813-3814
3815-3816
3817-3818
3819-3820
3821-3822
3823-3824
3825-3826
3827-3828
3829-3830
3831-3832
3833-3834
3835-3836
3837-3838
3839-3840
3841-3842
3843-3844
3845-3846
3847-3848
3849-3850
3851-3852
3853-3854
3855-3856
3857-3858
3859-3860
3861-3862
3863-3864
3865-3866
3867-3868
3869-3870
3871-3872
3873-3874
3875-3876
3877-3878
3879-3880
3881-3882
3883-3884
3885-3886
3887-3888
3889-3890
3891-3892
3893-3894
3895-3896
3897-3898
3899-3900
3901-3902
3903-3904
3905-3906
3907-3908
3909-3910
3911-3912
3913-3914
3915-3916
3917-3918
3919-3920
3921-3922
3923-3924
3925-3926
3927-3928
3929-3930
3931-3932
3933-3934
3935-3936
3937-3938
3939-3940
3941-3942
3943-3944
3945-3946
3947-3948
3949-3950
3951-3952
3953-3954
3955-3956
3957-3958
3959-3960
3961-3962
3963-3964
3965-3966
3967-3968
3969-3970
3971-3972
3973-3974
3975-3976
3977-3978
3979-3980
3981-3982
3983-3984
3985-3986
3987-3988
3989-3990
3991-3992
3993-3994
3995-3996
3997-3998
3999-4000
4001-4002
4003-4004
4005-4006
4007-4008
4009-4010
4011-4012
4013-4014
4015-4016
4017-4018
4019-4020
4021-4022
4023-4024
4025-4026
4027-4028
4029-4030
4031-4032
4033-4034
4035-4036
4037-4038
4039-4040
4041-4042
4043-4044
4045-4046
4047-4048
4049-4050
4051-4052
4053-4054
4055-4056
4057-4058
4059-4060
4061-4062
4063-4064
4065-4066
4067-4068
4069-4070
4071-4072
4073-4074
4075-4076
4077-4078
4079-4080
4081-4082
4083-4084
4085-4086
4087-4088
4089-4090
4091-4092
4093-4094
4095-4096
4097-4098
4099-4100
4101-4102
4103-4104
4105-4106
4107-4108
4109-4110
4111-4112
4113-4114
4115-4116
4117-4118
4119-4120
4121-4122
4123-4124
4125-4126
4127-4128
4129-4130
4131-4132
4133-4134
4135-4136
4137-4138
4139-4140
4141-4142
4143-4144
4145-4146
4147-4148
4149-4150
4151-4152
4153-4154
4155-4156
4157-4158
4159-4160
4161-4162
4163-4164
4165-4166
4167-4168
4169-4170
4171-4172
4173-4174
4175-4176
4177-4178
4179-4180
4181-4182
4183-4184
4185-4186
4187-4188
4189-4190
4191-4192
4193-4194
4195-4196
4197-4198
4199-4200
4201-4202
4203-4204
4205-4206
4207-4208
4209-4210
4211-4212
421